

NGUYỄN HIẾN LÊ

Luận Lí trí



Nhà Văn Hóa Thông Tin



NGUYÊN ĐƠN LƯU

Luận lí trí



Nhà Văn Hóa Thông Tin

100 Nguyễn Văn Cừ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội



LUYỆN LÍ TRÍ

Tác giả: Nguyễn Hiến Lê

Nhà xuất bản: Văn hoá thông tin

Năm xuất bản: 2003

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage :

<https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Mãi đến hồi bốn chục tuổi tôi mới biết có nhiều nhà bác học kiến văn rộng gấp ngàn lần tôi mà cũng nhận rằng phán đoán trăm lần thì có tới bảy mươi lăm lần sai, như Benjamin Franklin, hoặc suy nghĩ trăm lần thì chỉ được một lần đúng, như Albert Einstein. Phải chi tôi được biết điều đó hai ba chục năm trước thì có lợi cho tôi biết bao! Nhớ lại lúc đó tôi hoang mang trong một thời gian khá lâu. Không dám tin sức phán đoán suy xét của mình nữa, tôi vội vàng tìm đọc các sách báo về môn luyện trí để học. Tự nghĩ biết trể còn hơn là không biết.

Tôi lựa những sách viết cho người lớn; vì những sách viết cho học sinh và sinh viên như các bộ luân lý học có tính cách trừu tượng hoặc chuyên môn quá, không thực tế, nghĩa là không đem những việc hàng ngày để tập cho sinh viên suy đoán, giải quyết, thành thử ngay trong cái việc trí dục, học đường cũng vẫn chưa đạt được mục đích; mà ở trường ra, trong việc làm ăn cũng như trong việc xử thế, ta ít khi chịu vận dụng bộ óc, mười lần thì có chín lần dùng trực giác chứ không dùng lý luận, nếu có lý luận thì mười lần sai đến bảy, tám. Tôi nói bảy tám là ít đấy.

Bạn thử xét bạn mà xem. Mới trông thoáng vẻ mặt một em bé, bạn bảo ngay: “Thằng nhỏ này thông minh, sau học được”, hoặc mới nghe ai trình bày một kế hoạch, bạn đã ngắt ngay: “Công việc đó khó hoàn thành”. Đấy, trong đời sống hàng ngày ta thường dùng trực giác như vậy.

Trực giác là năng khiếu rất quý, giúp ta lãnh hội được rất mau; có người còn cho nó là một hình thức cao đẳng của tư tưởng nữa. Archimède, Newton, Thích Ca, Giê Su và có vô số vĩ nhân khác đã do trực giác mà tìm được những luật của tạo hóa hoặc dựng được những triết lý siêu việt. Nhiều khi nó cần thiết; nếu chỉ dùng lý luận thôi thì thế nào tới một lúc ta phải ngưng lại trước hai ý mà phân tích cách nào cũng không liên quan gì tới nhau cả, lúc đó phải dùng trực giác để gỡ rối. Chắc bạn còn nhớ định đề Euclide: Trên một mặt phẳng, từ một điểm ta có thể vẽ và chỉ vẽ được mỗi một đường thẳng song song với một đường thẳng khác. Do trực giác ta nhận định đề đó, chứ có cách lý luận nào để chứng minh nó được đâu, mà tất cả các môn hình học của chúng ta ngày nay đều xây dựng trên định đề đó. Vậy không có trực giác thì tri thức của loài người không tiến được.

Nhưng trực giác không luôn luôn đúng. Tôi đã nhiều lần thấy những đứa bé lanh lợi, ai cũng khen là học được, mà rồi học dở hơn anh em, bạn bè. Các ông bạn tôi làm nghề xuất bản, thường nhận rằng có những tác phẩm tưởng in ra chỉ bán được vài trăm cuốn mà nội ba tháng bán hết ba ngàn; cuốn tưởng bán chạy lắm mà lại ế, làm cho những nhà xuất bản bạc đầu trong nghề cũng phải thở dài than rằng: “Mười lần, bắt mạch trúng nhiều lắm là được ba lần”. Tôi lấy ngành xuất bản làm thí dụ, các ngành khác cũng thế.

Bạn thử tưởng tượng như vậy thì trực giác có nguy hiểm hay không chứ! Chả trách, Claude Bernard, ông thủy tổ của khoa y học thực nghiệm đã phải viết những trang sách rất nồng nhiệt^[1] đả đảo cái lối dùng trực giác để đoán bệnh. Không thể đoán bệnh được. Phải tìm bệnh, mà muốn tìm, phải nhận xét, phân tích, thí nghiệm tỉ mỉ. Chúng ta thường có cái tật nóng ruột, bực mình khi nằm nhà thương cả nửa tháng mà bác sĩ vẫn chưa cho biết ta mắc bệnh gì. Như vậy là vô lý.

Danh tướng Foch của Pháp trong kỳ thế chiến thế chiến thứ nhất cũng nói: “Tùy theo cái hứng tức là để cho vận mạng sai khiến”. Chữ hứng đó, gần có nghĩa là trực giác. Trong việc cầm quân, quyết định phải mau, mà ông chỉ trích lối dùng trực giác như vậy đó. Ông luôn khuyên các sĩ quan của ông phải lý luận, nghĩa là phải suy nghĩ, tìm nguyên nhân, kết quả rồi từ ý này dẫn đến ý khác, tóm lại phải tổ chức tư tưởng của ta, chứ không thể kết luận hồ đồ được.

Như vậy tuy chậm thật nhưng khi ta đã lập tổ chức tư tưởng, thì lần lần ta lý luận mau, có kinh nghiệm nhiều, phán đoán ít sai, lúc đó ta có thể dùng đến trực giác.

Một y sĩ chuyên trị bệnh thương hàn chẳng hạn, khám một con bệnh biết ngay là mắc bệnh đó không; một người thợ máy lành nghề, nghe tiếng xe hơi chạy có thể đoán ngay được máy hư ở đâu; một vị danh tướng trong trận địa, biết ngay nên đặt quân đặt súng ở đâu...; những người đó tuy dùng trực giác, nhưng trực giác của họ chỉ là kết quả của hàng chục năm nhận xét, phân tích, lý luận. Cho nên những lời trên kia của Claude Bernard và của Foch chỉ để khuyên những người mới vào nghề, hoặc gặp một hoàn cảnh mới; và biết nghe những lời đó, nghĩa là chịu khó lập luận, phân tích, thì đồng thời cũng là luyện trực giác nữa. Vậy việc quan trọng nhất vẫn là lý luận. Có quen lý luận rồi trực giác mới dễ đúng.

Nhưng khi lý luận, phải dựa vào sự thực, vào kinh nghiệm, nếu không thì nguy, thành ra không tưởng. Descartes đã có công lớn với khoa học khi ông khuyên chúng ta đừng chịu tin bất cứ một điều gì dù điều đó được nhận là chân lý trong các kinh điển, mà phải suy nghĩ, lý luận xem nó có lý hay không đã, có thể chứng nghiệm được hay không đã, rồi mới được phép tin. Nhưng ông quá chú trọng đến lý luận, coi nhẹ phần thực nghiệm, nên người sau hiểu lầm ông, tưởng rằng hễ ý nào sáng sủa, lý luận không sai, thì chắc là đúng rồi; và sau khi ông mất được sáu, bảy chục năm, các triết gia Pháp đua nhau lý luận trên những quan niệm trừu tượng, gây nên một phong trào không tưởng ở thế kỷ 18, mà ảnh hưởng tới nay vẫn còn mạnh.

Tôi xin nhường lời cho bác sĩ Alexis Carrel, một nhà tư tưởng nổi tiếng hiện nay của Pháp, tác giả cuốn *L'homme cet inconnu*, mà cả thế giới nhận là rất có giá trị. Trong cuốn *Réflexionx sur la conduite de la vie* (Plon, 1958) ông viết:

“Nhưng chúng ta thích những trò suy tưởng triết lý của thế kỷ 18 hơn là những khái niệm sáng

sửa và bình dị của khoa học. Sự thực cụ thể vẫn khó nắm hơn mà óc chúng ta lại ghét sự gắng sức.

(...) Nhận xét không dễ như lý luận. Ai cũng biết nhận xét ít mà lý luận nhiều thì đưa tới sự lầm lẫn, còn nhận xét nhiều mà lý luận ít thì mới đưa tới chân lý (...) Một điều đúng về lý luận có thể sai về thực tế. Vũ trụ luận của Aristote và của thánh Thomas D'Aquin chẳng hoàn toàn sai đấy ư? Hình học của Rieman[2] có kém hình học của Euclide về phần hữu lý đâu, vậy mà nó áp dụng vào thế giới chúng ta không được. Trong việc tìm sự thực muốn khỏi lầm lẫn thì phải dựa vào kết quả của nhận xét và kinh nghiệm chứ không phải vào những kiến giải của trí óc."

Và kết quả là như vậy:

"Những quốc gia dân chủ không biết khái niệm những giá trị khoa học trong sự tổ chức đời sống công cộng. Họ tin quan niệm tự do và quan niệm Mác-xít, cả hai đều là con sinh đôi của chủ nghĩa duy lý của thế kỷ ánh sáng[3]. Cả hai đều không xây dựng trên sự nhận xét triệt để sự thực (...)"

Vậy muốn luyện trí óc, ta phải biết lý luận trên những sự thực có thể kiểm soát được, và một khi tập cho thành được một thói quen thì trực giác của chúng ta cũng phát triển mà ta phán đoán sẽ ít sai. Đó là đại ý của tập này.

Tôi không có cao vọng làm một nhà lý luận. Tôi chỉ đọc được một số sách báo về vấn đề đó, rồi ghi lại những lỗi lầm trong lý luận mà chúng ta thường mắc phải, và đưa ra ít nhiều qui tắc để chúng ta thỉnh thoảng coi lại cho nhớ, hầu luyện trí cho sáng suốt mà phán đoán may ra được vào cái hạng dưới Benjamin Franklin nghĩa là trăm lần thì sai độ tám chục lần thôi, như vậy cũng đã quý lắm rồi. Những qui tắc đó đều giản dị, dễ hiểu. Tiếc thay, chỉ vì không áp dụng nó, nên biết bao lần ta đã có những ý kiến nông nổi, những hành động vô ý thức mà bây giờ nhớ lại, ta không khỏi mắc cỡ.

Sài Gòn, ngày 29-9-1960

NGUYỄN HIẾN LÊ

CHƯƠNG I: LỜI MỞ ĐẦU

TẠI SAO CHÚNG TA LÝ LUẬN SAI?

1. Ngôn ngữ của chúng ta thiếu thốn
2. Ta không chịu suy nghĩ
3. Ta không suy nghĩ bằng óc mà bằng tim
4. Ta lý luận không hợp cách

5. Sự hiểu biết của ta cạn

6. Ta không chịu điều tra

7. Ta thiếu học

Hết thấy loài người, từ bậc đại trí đến kẻ ngu, ai cũng đã có rất nhiều lần suy xét, lý luận sai. Cả những triết gia, những nhà bác học, tức hạng người óc phán đoán đã được luyện nhiều, mà cũng thường lầm lẫn. Chính các vĩ nhân đã nhận điều đó. Trong bài tựa tôi đã nhắc lời của Franklin, của Einstein. Ở đây tôi nhắc thêm lời Khổng Tử. Lúc về già ông còn phàn nàn rằng giá được sống thêm ít năm nữa để học *Kinh Dịch* cho trọn vẹn, thì may ra không có điều lầm lớn^[4].

Nghĩa là ngài nhận rằng già rồi mà vẫn có thể lầm lẫn. Descartes không tự thú như vậy hay là có mà ta không được biết, nhưng cũng đã lầm lỗi nặng khi ông gắng sức chứng minh rằng cơ thể sống chỉ là những bộ phận rất rắc rối của một cái máy mà những bộ phận đó vận chuyển theo qui tắc của Newton. Vì ai cũng có thể lầm lẫn, nên Mạnh Tử đã khuyên ta đừng tin hản sách, nếu tin hản sách thì thà đừng đọc sách. Ông đã có tinh thần nghi ngờ hai ngàn năm trước Descartes.

Theo tôi, cái tật chung của nhân loại đó – tật phán đoán thường sai – có năm nguyên nhân:

Ngôn ngữ của chúng ta thiếu thốn

Ta không chịu suy nghĩ

Ta suy nghĩ bằng tình cảm, chứ không bằng óc

Ta không biết phương pháp lý luận

Ta chưa đủ tài liệu mà đã lý luận

1. Nguyên nhân thứ nhất là dụng ngữ của loài người thiếu thốn

Bạn có bao giờ nghĩ tới cái tạp đa trong vũ trụ không? Nó làm cho ta ngộp. Nội một màu xanh lá cây, nếu ta để ý xét kỹ thì trên trái đất này, có hàng mấy ức, mấy triệu thứ vì có hai màu lá cây nào giống *hệt* nhau bao giờ đâu? Nhiều lắm là một hai chục tiếng: Xanh non, xanh nhạt, xanh đậm, xanh lá mạ, xanh hoa lý... Âm thanh cũng như vậy, rất tạp đa mà tiếng để diễn rất ít. Bước vào khu vực trừu tượng, ta còn thấy hoang mang hơn. Tôi thí dụ quan niệm dân chủ hoặc tự do. Mỗi thời đại, mỗi dân tộc có một quan niệm, tôi có thể nói mỗi người có một quan niệm nữa, mà ta có được bao nhiêu tiếng để phân biệt? Chả trách người ta cãi nhau hơn một thế kỷ nay, viết hàng ngàn hàng vạn pho sách về chúng, rốt cuộc cũng chẳng ai chịu nghe ai cả.

Ngôn ngữ nào giàu lắm là được bốn năm trăm ngàn tiếng mà sự vật của vũ trụ, tình cảm, ý tưởng của con người thì vô cùng. Có cách nào diễn cho đúng được đâu. Như vậy loài người lý luận sai rồi phán đoán sai là lẽ tất nhiên.

Tôi lấy làm thí dụ. Một đứa nhỏ học không có kết quả. Ta bảo nó *làm biếng*. Thực ra, sự học dở đó có rất nhiều nguyên nhân. Bác sĩ Gilbert Robin trong cuốn *La Guérison des défauts et vices chez l'enfant* đã kể ra được hơn hai chục nguyên nhân: thiếu thông minh, thể chất yếu, sinh lý không phát triển điều hòa, phương pháp dạy dỗ không thích hợp, không yêu ông thầy, noi gương xấu của gia đình, búng bình muốn chống lại cha mẹ... Đáng lẽ ta nên đặt một tên để chỉ mỗi trường hợp, phải xét xem đứa nhỏ ở trong trường hợp nào mà gọi đúng cái tên đó; nhưng ta chỉ có mỗi một tên chung là *làm biếng*. Bảo nó làm biếng, thế là ta trút hết cả trách nhiệm lên đầu nó, và tự cho ta cái quyền trừng trị nó. Kết quả là nó có thể hóa đau yếu thêm, hoặc búng bình thêm, ghét ông giáo thêm, sinh ra sợ sệt, dối trá mà học mỗi ngày càng kém, hòa khí trong gia đình càng mất.

Những danh từ như tiểu tư sản, cộng sản... đã là nguyên do của biết bao sự phán đoán sai, gây biết bao tai họa cho nhân loại cũng chỉ vì nó mơ hồ quá, bao trùm quá, mỗi người hiểu một khác, mà do đó bất kỳ ai cũng có thể bị vu là tiểu tư sản mặc dầu chẳng có chút tư sản nào cả, hoặc bị kết tội là cộng sản mặc dầu tư tưởng hoàn toàn tư bản. Tôi nói đây là nói ở khắp thế giới, chứ không riêng một xứ nào.

Ngay trong khu vực khoa học mà danh từ phải có một nghĩa rất chính xác, ta cũng thấy cái tai hại của sự thiếu dụng ngữ. Chẳng hạn từ “tốc độ của ánh sáng” làm cho ra nghĩ rằng ánh sáng như một chiếc xe chuyển động trên một con đường; do đó, mà mấy thế hệ vật lý gia đã lúng túng cho mãi đến khi thuyết tương đối của Einstein xuất hiện để dắt họ ra khỏi chỗ bí.

Nghĩ như vậy ta mới thấy thuyết *chính danh* của Khổng Tử vô cùng xác đáng và sâu sắc. Các từ ngữ bất kỳ trong môn nào, cứ lâu lâu phải định nghĩa lại mới được, nhất là các tiếng trừu tượng; nếu không thì loạn hết, nói ra chẳng ai hiểu mà cũng chẳng ai nghe. Chẳng những phải định nghĩa lại mà còn phải ghi hết thấy những sai biệt nghĩa từ trước tới nay nữa. André Lalande, nổi danh vì ông đã làm công việc đó cho những danh từ triết học của phương Tây^[5], về triết học phương Đông thì chưa có ai làm, nếu làm thì chắc bớt được nhiều cuộc tranh biện vô ích về tính thiện tính ác trong đạo Khổng, về từ bi, về hữu, vô trong đạo Phật, về đạo và đức trong đạo Lão...

Vậy nên nhớ qui tắc này: khi dùng một tiếng nào phải rất thận trọng, hiểu rõ nghĩa của nó; tiếng nào có thể làm cho người khác hiểu lầm thì nên định nghĩa lại cho người khác khỏi hiểu lầm ta.

Cách đây bốn năm năm, một độc giả trách tôi sao nước nhà độc lập rồi mà còn hay chua tiếng Pháp sau một số danh từ chuyên môn trong cuốn *Tổ chức công việc theo khoa học*. Vị đó đã xét vội: tôi đâu có ý muốn khoe tiếng Pháp, mà chỉ nghĩ rằng những danh từ đó còn mới, các tự điển Việt Nam chưa ghi hoặc ghi rất sơ sài, nên tôi phải chua thêm tiếng Pháp để độc giả nào muốn có một ý niệm đích xác có thể tra trong tự điển Pháp được. Đó là tinh thần thận trọng chứ không phải tinh thần sùng ngoại.

2. Nguyên nhân thứ nhì là người ta không chịu suy nghĩ

Tôi nhớ hồi còn nhỏ một ông anh tôi gọi ba bốn đứa trẻ khoảng 10, 11 tuổi lại bảo:

- Các em nghe câu hỏi này rồi trả lời ngay, thật nhanh nhé: Một cân bông và một cân sắt cân nào nặng hơn?

Có hai đứa trả lời ngay là cân sắt.

Câu hỏi đó là một trắc nghiệm thường dùng để đo tinh thần của trẻ.

Tật làm biếng suy nghĩ cũng là một tật chung của loài người. Ông Marcel Boll trong cuốn *L'Éducation du jugement* (Presse Universitaire de France – 1954) kể chuyện rằng sau một cuộc diễn thuyết của tâm lý gia Théodule Ribot tại một câu lạc bộ văn nghệ, viên hội trưởng hội văn nghệ đó yêu cầu ông cho biết một trắc nghiệm về thông minh. Ông Ribot đáp:

- Đây: Thuyền trưởng Cook du lịch ba lần vòng quanh thế giới và chết trong một lần đó. Vậy theo ông thuyền trưởng đã chết trong lần nào?

Viên hội trưởng yêu cầu:

- Xin ông cho tôi một thí dụ khác. Vì, thú thực với ông, tôi không hề lưu tâm tới những chuyện du lịch thám hiểm.

Một ông hội trưởng văn nghệ mà như vậy đó!

Một thanh tra tiểu học ở Pháp, viết một đoạn văn về công dụng của sự bắt chước, bảo:

“...một em nhỏ Mowgli, được chó sói nuôi nấng mà rồi giống chó sói về sức mạnh cũng như về sự nhanh nhẹn, điều đó chứng thực rằng bản tính con người rất dễ uốn nắn.”

Trường hợp như Mowgli có thể thường xảy ra ở Ấn Độ, nhưng cuốn *Livres de la Jungle* của Ruydard Kipling chỉ là một tiểu thuyết chứ không phải là một công trình khảo cứu mà đã là tiểu thuyết thì phần tưởng tượng ít nhất cũng tới một nửa, như vậy sao đủ chứng minh được một cái gì?

Điều đáng lạ nhất là bài của viên thanh tra đó được lựa để in trong cuốn *Psychologie de l'Enfant* do nhà Bourrelier ở Paris xuất bản!

3. Nguyên nhân thứ ba là ta không xét đoán, suy nghĩ bằng óc mà bằng tim

Tình cảm thường làm cho ta mù quáng, không nhận ra sự thực được.

Chắc độc giả nhớ bài ca dao:

*Đêm nằm thì ngáy o o,
Chồng yêu chồng bảo ngáy cho vui nhà.
Đi chợ thì hay ăn quà,
Chồng yêu chồng bảo về nhà đỡ cơm.
Trên đầu những rác cùng rơm,
Chồng yêu chồng bảo hoa thơm rắc đầu.*

Molière cũng có một đoạn diễn đúng ý đó:

*...Et l'on voit les amants vanter toujours leur choix;
Jamais leur passion n'y voit rien de blâmable,
Et dans l'objet aimé tout leur devient aimable,
Ils comptent les défauts pour des pefections,
Et savent y donner de favorables noms.
La pâle est aux jasmins en blancheur comparable,
La noire à faire peur, une brune adorable,
La maigre a de la taille et de la liberté,
La grasse est dans son port pleine de majesté.*

Khi lòng ta yêu hay ghét cái gì, thì óc ta tìm những lý lẽ – cả những điều vô lý – để răn biện hộ cho tình cảm của mình.

Các sử gia thường mắc lỗi đó, nhất là khi họ làm chính trị. Chiến tranh xảy ra giữa hai nước A và B nguyên nhân xa và gần có rất nhiều, và mỗi bên đều có một phần lỗi. Nhưng nếu sử gia có thiện cảm với nước A thì chỉ thấy lỗi về phần B hoặc nếu nhận rằng A cũng có lỗi thì lại bào chữa rằng tại B gây ra cả. Họ rất có thể thành thực với họ cũng như anh chồng trong ca dao rất có thể thấy tiếng ngáy của chị vợ là “vui nhà”, nhưng lý lẽ họ đưa ra không thể nào ta chấp nhận được.

Gần đây, nhật báo *Tự Do* đăng tin một học giả Trung Hoa đưa ý kiến này với các sử gia Việt Nam: viết lại bộ sử Việt Nam dựa vào sự thực, để xóa bỏ trong đầu óc người Việt cái quan niệm sai lầm rằng Trung Hoa xưa có chánh sách đế quốc vì quan niệm đó do thực dân Pháp dựng

đứng lên, chứ thật ra các vua Trung Hoa không bao giờ muốn xâm chiếm nước ta cả, cho nên Thanh triều chỉ đem có 8.000 quân (!) qua Việt Nam và một khi thấy nhà Lê không được dân ủng hộ nữa thì vua Càn Long phong vương ngay cho Quang Trung.

Vị học giả đó đã để cho tình cảm chi phối lý trí, nên nhận xét quá thiên vị: đưa ra một con số sai, và chẳng cần chứng thực, tin ngay rằng các vua Trung Hoa không muốn xâm chiếm Việt Nam.

Đừng nói sử gia, đến các nhà khoa học cũng có thể lầm lẫn vì tình cảm được, cho nên Claude Bernard khuyên họ đừng có thành kiến trong khi thí nghiệm, và thí nghiệm rồi lại phải phản thí nghiệm. Có thành kiến ta tin trước rằng giả thiết của mình đúng, mà hể quá tin thì trong khi thí nghiệm ta chỉ nhận thấy những sự kiện hợp với giả thiết đó thôi.

4. Nguyên nhân thứ tư là lý luận không hợp cách

Lý luận có nhiều qui tắc hiển nhiên mà những người có lương tri hiểu được ngay, có khi tự kiểm ra được nữa. Hồi xưa, các cụ đâu có học môn lý luận, mà nhiều cụ lý luận cũng rất xác đáng. Ngay như dân quê đâu có học hành gì mà hễ chúng ta ngụy biện thì họ bắt bẻ được ta liền, đưa ra những câu tục ngữ như: “Con sâu làm rầu nồi canh”, “Đầu Ngô mình Sở”, “râu ông nọ cắm cằm bà kia” ... để vạch lỗi cho ta thấy.

Tuy nhiên, những hiểu biết tự nhiên đó còn sơ sài không gom thành hệ thống, cho nên ta cần đọc những sách của người phương Tây về phương pháp lý luận, để luyện óc thêm sáng suốt, nhận xét, phán đoán cho thêm tinh tế.

Điều này rất quan trọng, tôi sẽ xét trong ba chương sau.

5. Sau cùng, nguyên nhân thứ năm làm cho ta lý luận và phán đoán sai, là *sự hiểu biết của ta cạn*

Một là tại ta không chịu điều tra để biết sự thực.

Hai là tại ta thiếu học. Có những sự thực óc ta không tưởng tượng được, nên ta không tin, cho là sai. Một người nông dân cách đây mười năm đã cho tôi là bịa đặt khi tôi kể cho người đó nghe rằng loài kiến biết tổ chức những trại nuôi một thứ sâu nhỏ để hút những chất bổ do thứ sâu đó tiết ra, y như ta nuôi bò để vắt sữa.

Ngay như chúng ta đây, nếu bốn chục năm trước, khi các nhà bác học chưa chế được hỏa tiễn, ai bảo rằng trước cuối thế kỷ này loài người sẽ lên cung trăng thì chúng ta cũng chưa dám tin, cho đó chỉ là một ảo tưởng.

Bao nhiêu người có học hiểu được rằng đồng hồ quả lắc mùa hè chậm lại, và những con sông làm cho nước biển mặn thêm? Những điều đó có vẻ như ngược đời mà lại rất đúng. Chính Georges Courteline một danh sĩ ở Pháp cũng không tin rằng mùa hè, đồng hồ quả lắc chậm lại. Có gì đâu? Bộ phận đeo quả lắc làm bằng kim thuộc, hễ trời nóng thì nó dài ra, mà nó càng dài thì nó đưa đi đưa lại càng chậm, do đó mà đồng hồ chậm lại. Còn cái lẽ nước sông làm cho nước biển mặn cũng rất dễ hiểu: nước sông chứa chất mặn (nhưng rất ít cho nên ta không thấy nó mặn), nước đó chảy ra biển chất mặn dồn xuống biển, hơi nước ở biển bốc lên, còn lại chất mặn, vì vậy mà nước biển sau hằng triệu năm phải mặn thêm.

Nguyên nhân thứ năm này cũng rất quan trọng nên tôi sẽ xét riêng trong chương V.

CHƯƠNG II: BỐN ĐỊNH LỆ CĂN BẢN

1. Định lệ thứ nhất: đồng nhất
 2. Định lệ thứ nhì: theo một hướng nhất định
 3. Định lệ thứ ba: phải có liên lạc
 4. Định lệ thứ tư: cơ sở phải vững
 5. Một mẫu lý luận chặt chẽ.
-

1. Định lệ thứ nhất: đồng nhất

Ta phải thỏa thuận với ta rồi mới có thể suy tưởng, lý luận được. Khi ta đã cho màu hồng là đẹp màu tím là xấu thì ít nhất trong nửa giờ, một giờ sau ta cũng phải nhận rằng màu hồng là đẹp, màu tím là xấu. Có thể rằng trong ít tháng, ít năm nữa ý kiến của ta thay đổi, không thích màu hồng nữa mà thích màu xanh, nhưng lúc đó ta phải nhận rằng ta đã bỏ ý kiến hồi trước đi rồi. Không thể nào cùng một lúc, tuyên bố rằng màu hồng đẹp rồi lại bảo nó là xấu. Phải có một sự hằng cửu tối thiểu nào đó trong tư tưởng thì mới có thể lý luận.

Chúng ta không bắt buộc mọi người phải có sự hằng cửu về tư tưởng trong suốt đời, như vậy là không cho người ta tiến, không cho người ta thay đổi. Có kẻ trách Lương Khải Siêu, một văn hào Trung Hoa ở cuối đời nhà Thanh, đã ba lần thay đổi chính kiến: mới đầu theo quân chủ, sau chủ trương quân chủ lập hiến, sau lại thích thể dân chủ hơn, sau cùng trở lại quân chủ lập hiến, và người ta đặt cho ông cái tên là “Lương tam biến”. Kể ra, làm cách mạng mà như vậy thì chủ trương cũng kém vững thật; nhưng ta có thể hiểu cho họ Lương rằng vì nhiệt tâm cứu quốc, thấy tư tưởng nào của châu Âu mà có vẻ cao đẹp ích lợi cho quốc gia là theo liền, không kịp xét kỹ, đến khi áp dụng không được, mới bỏ đi, theo tư tưởng khác. Lỗi đó, nhiều danh nhân khác cũng mắc, như André Gide, Jean Sartre, mới đầu thích chủ nghĩa xã hội, sau thấy rõ đời sống ở Nga, chính sách của Nga mà đổi hướng. Ta không nỡ trách những con người đó, tư tưởng của họ đã thay đổi nhưng luôn luôn họ thành thực với họ. Họ chỉ đáng trách nếu cùng một lúc họ khen một chính thể nào đó là hoàn toàn mà lại vừa chê là cực tệ. Lúc đó họ không thỏa thuận với họ nữa mà hóa ra mâu thuẫn với bản thân và quên định lệ: “A là A”, mà các triết gia gọi là *định lệ đồng nhất*.

Định lệ đó buộc ta khi đã nhận một ý nào rồi thì không được nhận một ý trái ngược với nó nữa. Đã gọi con vật nọ là con mèo thì đừng gọi nó là con chó. Nhưng ít khi người ta nhớ điều ấy nên hóa ta mâu thuẫn với bản thân. Cứ thành thực mà tự xét, chúng ta sẽ thấy ít nhất cũng đã có một lần “ba phải”. Một bạn rủ ta đi chơi Đà Lạt, khoe cảnh đẹp của rừng núi, ta bằng lòng về nhà hỏi ý vợ con, vợ con không tán thành, chê Đà Lạt lạnh và buồn, đề nghị ra Long Hải tắm biển thích hơn, ta cũng lại đồng ý nữa; rồi hôm sau có người rủ đi Huế coi cung điện và lăng tẩm, ta cũng lại siêu lòng luôn.

Như vậy cũng chưa có gì mâu thuẫn lắm vì ba nơi đó đều có cái đẹp, cái thú riêng, và khi nghe người khác ca tụng cái đẹp, cái thú đó thì ta quên những bất tiện của nó đi.

Còn nhiều cái mâu thuẫn khác khó tha thứ được hoặc tức cười hơn. Một ông khoa trưởng trường đại học nọ tuyên bố rằng sẽ cho việc dùng tiếng Việt làm chuyển ngữ ở bậc đại học

“tiến tới”, mà ít phút sau ông lại bảo ai cũng đòi cho tiếng Việt được dùng làm chuyển ngữ ở bậc đại học, nhưng chẳng ai có thể giảng được là tại sao, như thế thì ông có mâu thuẫn với ông không hay là nghĩ rằng thiên hạ đã mù quáng đòi hỏi điều đó cho kỳ được thì ông cũng miễn cưỡng cho nó “tiến tới” vậy?

Ông Vũ Bằng mà tôi trọng là có văn tài cũng mắc lỗi mâu thuẫn trong cuốn *Khảo cổ về Tiểu thuyết* (P. Văn Tươi – 1955).

Trang 40, 41 ông viết:

Ở bên cạnh những truyện đó, lại còn có nhiều truyện có đủ tính cách là tiểu thuyết, là những bức họa miêu tả tính tình và phong tục nhưng cũng có chủ đề và cũng định biểu dương[6] bằng cách này hay cách khác một cái gì[7]. Đó là trường hợp của những tiểu thuyết của phái tự nhiên và nhất là những truyện “di truyền tiến hóa” của đại văn hào Emile Zola. Truyện Kim Vân Kiều của Nguyễn Du có thể liệt vào trong dạng này[8]. So sánh với các truyện khác, Kiều có nhiều tính cách của một tiểu thuyết nhất, hành động và câu nói của các vai trong truyện tự nhiên phóng khoáng và không bị trói buộc vào chủ đề quá, nhưng tựu trung cũng là vẫn muốn tỏ rằng:

Chữ TÀI chữ MỆNH khéo là ghét nhau.

... bĩ sắc tư phong

Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen

Tu là cội phúc, tình là dây oan.

“Kiều cũng như những truyện của phái tự nhiên ở Pháp đều là tiểu thuyết chủ đề”.

Trang 48, ông cũng nói:

Truyện của cụ – tức Đoạn Trường Tân Thanh, tức truyện Kiều của Nguyễn Du – viết có chủ đề rõ rệt mà không ai thấy qua một đoạn nào bị câu thúc vì chủ đề hết cả.”

Nhưng tới trang 85, ông lại chủ trương ngược lại:

“Nguyễn Du chỉ muốn tả hết cái đời truân chuyên của Kiều bằng ngòi bút của một nhà tiểu thuyết và không định biểu dương gì cả.”

Thế là có chủ đề, có định hướng hay không? Có định biểu dương một điều gì hay không? Làm sao mà hiểu được?

Và đây là một mâu thuẫn của nhà cầm quyền Đông Đức năm 1950 mà ông Marcel Boll đã trích dẫn trong cuốn *L'éducation du jugement* (P.U.F - 1954). Trong một bản chỉ thị gửi cho các giáo viên, khoản IV viết:

“Nói tới tự do là một sự vô nghĩa; không có một người nào tự do cả.”

“Mỗi nhà giáo phải tận lực nâng đỡ cho phong trào *Thanh niên Đức tự do*”.

Chưa nực cười bằng lời tuyên bố dưới đây của một chính khách Pháp Joseph Prudhomme:

“Tôi thề sẽ nâng đỡ, bênh vực chính sách của chúng ta và nếu cần thì đả đảo nó.”

Và xin bạn thử nghĩ kỹ xem khẩu hiệu “chiến tranh vì hòa bình” của thực dân Pháp thời gần đây có nghĩa lý gì hay không?

2. Định lệ thứ nhì: theo một hướng nhất định

Nhưng một vật có thể ở trong nhiều nhóm khác nhau.

Ví dụ con mèo ở trong loại mèo, mà cũng ở trong loại gia súc. Một người có thể ở trong một đảng chính trị và ở trong một hội văn nhân. Khi lý luận mà gặp trường hợp đó thì ta phải nhớ định lệ này nữa, *hễ khởi luận theo một hướng nào đó thì kết luận cũng phải theo hướng ấy, không thể đổi hướng được.*

Ví dụ ta bảo “loài mèo bắt chuột”, là ta khởi luận theo hướng “loài mèo”; ta không thể lấy lẽ rằng loài mèo là một gia súc mà kết luận rằng: “các loài gia súc đều bắt chuột”, vì gia súc không phải chỉ có loài mèo, mà còn có heo, bò, trâu, ngựa, mà những vật này tuyệt nhiên không biết bắt chuột. Lỗi của ta là đã khởi luận từ loài mèo mà kết luận bằng loài gia súc.

Muốn thấy rõ, xin bạn coi hình bên phải. Vòng tròn chỉ hết các loài gia súc: chó, mèo, trâu, bò, ngựa, heo, dê... mỗi múi chỉ một loài. Một điểm ở trong múi Mèo là một điểm ở trong vòng tròn; nhưng không nhất định rằng một điểm nào khác ở trong vòng tròn cũng phải ở trong múi Mèo, nó có thể ở trong múi khác: Chó, Heo, Dê v.v...



Định lệ này cũng như định lệ trên, rất quan trọng vì là cơ sở cho sự liên lạc của tư tưởng. Nó cũng rất minh bạch, ai cũng nhận thấy vậy mà ta vẫn thường xuyên quên nó và mắc cái bệnh vơ đũa cả nắm, gây biết bao sự hiểu nhầm, bất bình giữa các cá nhân với nhau, tệ hơn, giữa các dân tộc với nhau nữa.

Mới đặt chân tới một xứ lạ, thấy một người bản xứ ăn cắp, vội kết luận ngay rằng dân xứ đó có tánh ăn cắp. Một người bản xứ nghe thấy vậy cũng vội kết luận ngay rằng tất cả các người ngoại quốc đều vu oan và miệt thị dân tộc mình. Thế là đủ gây sóng gió.

Rồi tới khoản chính:

Gần đây một người viết bài đăng báo phàn nàn rằng một số sinh viên trường Đại học nọ có những cử chỉ lỗ lã, những hành động thiếu đạo đức, thế là một số đông sinh viên trường đó họp nhau, tự cho như vậy là làm thương tổn đến danh dự của cả trường, viết bài phản đối kịch liệt. Giá họ họp nhau để cảnh cáo các con “chiên ghẻ” của họ thì phải hơn.

Những chuyện như vậy xảy ra hàng ngày chỉ vì người ta không chịu suy nghĩ.

Cũng vì lý luận lạc hướng mà chúng ta thường khen loài kiến là mạnh, nhỏ bé như vậy mà lôi kéo được những cọng cỏ, những miếng gỗ, khúc bánh lớn gấp ba bốn lần nó, và người ta thường kết rằng sức của nó có thể bằng mười lần sức của ta.

Một viên kỹ sư Thụy Điển bảo điều đó sai. Ông ta lý luận như vậy: “Ta thí dụ một người cao

hai thước. Người đó có thể khiêng dễ dàng một khối tròn bằng sắt đường kính là 20 phân, nặng 35 ki-lô, nghĩa là 35.000 ram. Bây giờ ta thu nhỏ người đó lại ngàn lần, còn 2 li chiều cao, ta cũng thu nhỏ khối tròn theo tỷ số đó, còn 35 ram và đường kính sẽ là 2 phân theo sức nặng 35 ram đó. Vậy thì loài người thu nhỏ lại như kiến sẽ mạnh hơn loài kiến nhiều lắm, vì chở nổi một vật lớn gấp mười lần thân thể kia mà”.

Viên kỹ sư đó đã lầm trên căn bản. Hễ rút chiều cao của người ngàn lần thì cũng phải rút đường kính của khối tròn, chứ sao lại rút sức nặng của nó? Mà nếu rút đường kính đi ngàn lần thì chỉ còn 2 phần 10 li; có gì đủ chứng minh là mạnh?

Nhưng chính ta cũng sai khi khen loài kiến mạnh vì chúng chở được những vật lớn gấp hai, gấp ba lần chúng. Sao ta chỉ xét tới chiều dài, chiều ngang của chúng, đáng lẽ phải so với sức nặng của chúng với sức nặng chúng chở chứ? Khốn nỗi, có ai làm cái việc cân kiến đâu, chỉ nhìn bề to của chúng rồi lý luận theo hai hướng khác nhau.

3. Định lệ thứ ba: Phải có liên lạc trong lý luận

Đặt liên tiếp nhiều ý với nhau không phải là lý luận, nếu giữa những ý đó không có sự liên lạc chặt chẽ. Muốn làm thành một dây xúc xích không phải cứ để khoen nọ kế khoen kia là đủ, mà phải móc chúng vào nhau.

Môn toán học, hơn hết thấy các môn học khác, tập cho ta áp dụng định lệ đó, và chỉ quên một lần là cả bài toán của ta sai. Nhưng hễ rời môn toán ra là ta bỏ ngay tập quán ấy mà cứ chấp càn ý nọ với ý kia, chẳng cần xét chúng có liên lạc gì với nhau hay không.

Các nhà “hùng biện” rất hay dùng thuật chấp càn ấy để làm mê hoặc thính giả; nghe họ ta tưởng họ có lý lắm, mà về nhà, nếu được đọc bài diễn văn của họ thì mới thấy từ đầu chí cuối chỉ là một đồng gạch vụn. Họ nói huyên thuyên, bàn về vấn đề xuất cảng gạo, về chính thể dân chủ, về giáo dục, ngoại giao... rồi kết luận rằng...mọi người phải hy sinh cho Tổ quốc.

Tôi xin lỗi độc giả lại phải mượn một thí dụ của ông Vũ Bằng trong cuốn *Khảo về tiểu thuyết*, chỉ vì có sẵn ở bên cạnh. Trang 29 cuốn đó ông viết:

1. “Đến vấn đề di truyền. Không ai có thể cãi được rằng thuyết di truyền vô cùng quan trọng. Hiện nay các nhà tiểu thuyết vẫn còn đem ra áp dụng thuyết đó, nhưng áp dụng một cách kín đáo, chứ không kèn càng như thời Emile Zola nữa. Đem thuyết di truyền ra mà làm kèn càng quá độ, người ta xét nhận thấy một điều này: các nhà viết tiểu thuyết coi ảnh hưởng sự di truyền đối với nhân vật trong truyện quá to, họ nói đến nhiều quá, góm giec quá, đến nỗi người xem phải tự nghĩ không biết mình có biết rõ ràng ảnh hưởng di truyền về vợ mình, con mình, bè bạn mình như thế không, và quả thực người ta có cần biết ảnh hưởng của sự di truyền đến thế không?”
2. “Phàm gọi là văn, muốn kể là một tác phẩm nghệ thuật thì điều cần trước nhất là luật bình quân. Những nhà tiểu thuyết bây giờ, phần nhiều đã chú ý về luật bình quân đó trong việc sắp đặt yếu tố xây dựng truyện. Thật là một điều tốt đẹp.
3. “Đứng trước sự tốt đẹp, chúng ta không thể đứng vững không học đòi bắt chước, bởi vậy mười năm trở lại đây làng văn tiểu thuyết Việt Nam cũng đã nhóm lên cái phong trào viết truyện “gần đời, thiết thực” mà người thứ nhất đem tải vào đây đã tạm gọi nó là “thứ truyện không có truyện”. Đương quen với những truyện “Tây du” “Phong kiếm” rồi đến những truyện “phóng ô tô bắt cướp”...”

Tôi tìm hoài không thấy một liên lạc gì giữa đoạn 1 và đoạn 2, giữa đoạn 2 và đoạn 3. Tác giả có dùng tiếng tốt đẹp để móc đoạn 3 và đoạn 2; nhưng đoạn 2 nói về luật bình quân mà đoạn 3

nói về thứ truyện không có truyện, như vậy cái móc đã tuột rồi.

Làm toán thì bắt buộc phải viết

$$A = B$$

$$B = C$$

$$\text{Vậy: } A = C$$

Còn làm văn, ta cứ viết:

$$A = B$$

$$C \perp D$$

Rồi kết luận: $B // D$

Văn chương khác toán pháp ở chỗ đó chẳng?

4. Định lệ thứ tư: Cơ sở lý luận phải vững

Có khi lý luận bề ngoài rất chặt chẽ mà lại sai vì dựng trên một cơ sở không vững. Lý luận của ta lúc đó như một ngôi nhà bằng bê tông cốt sắt nhưng cất trên cát, hễ cát trôi là nhà sập. Như vậy sự liên lạc tư tưởng của ta chỉ là giả tạo, vì nó chỉ là liên lạc trong hư ảo, chứ không phải là trong thực tế.

Ông Maurice Dorolle trong cuốn *La Logique dans la Vie* (Pelman – Paris – 1949) đã cho ta một thí dụ: người ta hỏi một người điên: chú bao nhiêu tuổi? – 54 tuổi – Chú có bà thân không? Bà bao nhiêu tuổi – 32 tuổi – Vậy ra bà thân chú nhỏ tuổi hơn chú sao? – Chắc chắn vậy, vì bà chỉ có 32 tuổi, mà tôi tới 54 tuổi kia mà.

Người điên đó đã lý luận một cách có liên tục đấy chứ, nhưng sai vì đã căn cứ vào một điều sai: chú đã quên tuổi mình, hoặc quên tuổi mẹ hoặc quên cả hai tuổi.

Đọc lịch sử khoa học chúng ta thấy biết bao nhiêu giả thiết đổ nhào vì xây dựng trên những sự kiện sai, mặc dầu lý luận đúng. Cho nên mỗi khi đọc sách, thấy tác giả lý luận rõ ràng, mạch lạc, ta cũng đừng vội tin, phải xét xem khởi điểm dùng để lý luận có đúng hay không đã. Vậy qui tắc thứ tư là: *cơ sở lý luận phải vững*.

Trở lên trên là bốn định lệ chính trong phép lý luận, hễ nhớ được thì ta tránh được rất nhiều lỗi trong những phép lý luận mà tôi sẽ chỉ trong chương sau.

Nhưng trước khi qua chương, tôi xin giới thiệu với bạn một mẫu lý luận vừa chặt chẽ như lý luận toán học, lại vừa có tính cách văn chương. Tôi mượn bài *Tang Hi Bá can việc đi coi lưới cá* của Lữ Đông Lai, một nhà nghị luận có danh tiếng đời Tống, đồng thời với Chu Hi (thế kỷ 12), bản dịch của Dương Tấn Tươi trong cuốn *Đông Lai Bác Nghị* – P. Văn Tươi 1953.

Tả truyện chép mùa xuân năm đó, vua Lỗ Ẩn Công muốn qua xứ Đường xem lưới cá. Tang Hi Bá can, đại ý rằng: không phải là đại sự như cúng tế, chiến tranh, nhà vua không nên làm. Nhà vua chỉ cần chỉ cho dân biết *phép* (chẳng hạn giải rõ đại sự, định độ lượng) và *vật* (tức cách dùng tài liệu của đại sự) để cho khỏi loạn chánh.

Lúc nào nhà nông rảnh rang, nhà vua có thể đi săn nhân đó giảng trận pháp, chinh đồn quân lệnh và thu thập đồ cúng tế cùng quân khí. Vì vậy có những lễ *sưu* (đi săn trong mùa xuân), lễ *miêu* (đi săn trong mùa hạ), lễ *kiến* (đi săn trong mùa thu), lễ *thú* (đi săn trong mùa đông).

Đó là cái đạo cầm quyền như vậy. Còn về các sản vật của rừng núi sông hồ thì đã có các quan lo liệu, nhà vua không nên dự vào.

Lỗ Ẩn Công không nghe, cứ đi xem lưới cá, nói là nhân tiện sẽ đi tuần du các địa hạt. Tang Hi Bá cáo bệnh không theo.

Lữ Đông Lai bàn:

1. “Về thuật can gián; khiến vua nể lời không bằng khiến vua tin lời. Khiến vua tin lời không bằng khiến vua vui vẻ mà nhận lời.

Can vua trung họa phước để răn học là khiến cho vua sợ, can mà đem lý lẽ để hiểu dụ là khiến vua tin, can vua mà dùng tâm lý để giác ngộ là khiến vua vui lòng nghe theo.”

2. -a) Như: nêu cuộc biến loạn trong niên hiệu Thiên Bửu để can không ngăn được vua Kinh Tông đến Li Sơn^[9], như nhắc sự bị vây nơi Đài Thành để can cũng không ngăn được vua Hiến Tông rước cốt Phật^[10], đó chỉ là trung điều họa phước để răn dọa chứ chưa đem lý lẽ để hiểu dụ.

b) Như: giải thích về cách thức của các lệ “triều hội” cũng không ngăn được Lỗ Trang Công đi xem “tế xã”^[11]; như bàn bạc về luật lệ của âm nhạc xưa cũng không ngăn được vua Cảnh Vương đúc chuông^[12], đó chỉ là đem lý lẽ để hiểu dụ chứ chưa dùng tâm lý để giác ngộ.

c) Vậy thì: trung việc họa phước cũng có thể khiến cho người ta sợ, nhưng gặp phải kẻ kiêu hãnh, chẳng biết sợ thì phép kia sẽ cùn. Còn: dùng lý lẽ cũng có thể khiến cho người ta tin, nhưng gặp phải kẻ ngu độn, không hiểu biết, thì phép kia sẽ cùn.

3. -a) như cách Tang Hi Bá can Lỗ Ẩn Công về việc xem lưới cá thì trưng bày họa “loạn chánh” nếu nhà vua quên “phép” và “vật”, sau lại bàn đến lý của lễ sơu và lễ thú cốt dùng cuộc săn để diễn tập ba quân, thì lời nói cũng thâm thúy, cũng minh bạch, có thể khiến cho lòng vua tin, vậy mà kết cuộc, không níu được chiếc xe của Lỗ Ẩn Công.

b) Cũng bởi chưa dùng đến tâm lý để giác ngộ. Lòng Ẩn Công lúc đó đương ham mê thú vui xem đánh cá thì họa có rõ ràng cũng không sá kể, thì lý có đúng đắn cũng không rảnh mà để tin! Tang Hi Bá không mở lòng của Ẩn Công, như thế thì thuật can cũng còn sơ sài quá đổi.

c) Nếu Tang Hi Bá biết dùng thú vui của đạo chúng ta thay thế vào thú vui của sự đi xem lưới cá, khiến cho thú vui của đạo tràn ngập nơi lòng Ẩn Công, bày tỏ nơi diện mạo, nơi thân thể và khắp cả tứ chi thì Ẩn Công sẽ xem chó cùng ngựa, thanh cùng sắc, châu cùng ngọc cũng như đất hay rác, đá hay gạch vậy thôi. Chừng đó, dẫu được xem đánh cá cơn xanh, có vì đưa ra đến biển cả, cũng không đổi được thú vui chân chánh của đạo chúng ta, chớ nói làm gì đến gáo nước ở xứ Đường kia!

4. Cho nên ta vẫn chủ trương rằng: nhà vua đương thích vui chơi, nay nể lời can mà thay đổi đó là không dám làm chứ chưa biết điều ấy không nên làm. Vì tin lời can mà thay đổi, đó chỉ biết không nên làm chứ chưa biết điều ấy không đáng làm.

Một khi lòng vua đã vui trong sự giác ngộ, khi biết những điều kia không đáng kể, thì lúc đó, có khuyến khích cũng không chịu làm hưởng hồ là can gián.

(Dương Tấn Tươi dịch)

Chính tôi đã chia đoạn.

Trong đoạn 1, đoạn mở, Đông Lai kể ra ba thuật can gián; thấp nhất là làm cho vua nể mà theo, cao hơn hết là làm cho vua vui vẻ mà theo.

Như vậy, ông đã đặt cơ sở cho sự nghị luận và cơ sở đó vững: kể hết được cái thuật can gián, lại đánh giá đúng mỗi thuật.

Trong đoạn 2, ông lấy những tích trong lịch sử để dẫn chứng. Ông đưa ra hai thí dụ về thuật can thứ nhất, cả hai đều thất bại (2a); rồi đưa ra hai thí dụ về thuật can thứ nhì, cũng đều thất bại nữa (2b). Sau cùng ông giảng tại sao lại thất bại (2c).

Qua đoạn 3, ông áp dụng thuyết của ông vào truyện Tang Hi Bá can Lỗ Ẩn Công: Tang đã dùng thuật thứ nhất và thuật thứ nhì (3a). Tại sao Tang thất bại (3b). Nếu Tang biết dùng thuật thứ ba, biết làm cho vua vui vẻ thì tất thành công dễ dàng (3c).

Sau cùng trong đoạn kết, đoạn 4, Đông Lai lại khéo dùng ba từ ngữ: *Không dám làm, không nên làm, không đáng làm* để gói lại vấn đề, làm cho đầu đuôi tương ứng.

Các đoạn đều rất đăng đối: 1 với 4 dài gần bằng nhau mà cũng có 2 tiểu đoạn như nhau; 2 với 3 dài như nhau mà cũng có ba tiểu đoạn như nhau. Không những vậy, tiểu đoạn 2a cũng đối với tiểu đoạn 2b.

Ngay trong một câu cũng có tiểu đối, như câu: “Chùng đó, dầu được xem cá côn..., gạo nước ở xứ Đường kia” trong tiểu đoạn 3c: *Cá côn ở Thiên Trì* đối với *Lý ngư ở Long môn*, *Kỳ dụng tới mây xanh* đối với *Vi đưa ra biển cả*, *thú vui của đạo chúng ta* đối với *gáo nước ở xứ Đường*.

Toàn bài lời nghiêm chỉnh, lý luận rất chặt chẽ, không có một câu nào dư, không một ý nào thiếu, chứng có lại rành rẽ. Khéo dùng nhất là những tiếng *đạo thú vui của Ẩn Công*.

Tôi chỉ đưa thêm nhận xét này: cái thuật “làm cho vua vui vẻ theo” tức là cái thuật giáo hóa nhà vua phải lâu năm, chứ không thể trong ít ngày mà có kết quả được, cho nên nếu Tang Hi Bá đợi lúc Lỗ Ẩn Công sắp đi chơi xứ Đường mới đem ra áp dụng thì cũng công toi nữa thôi. Phải áp dụng từ trước, từ khi Tang Hi mới nhận chức, hoặc từ khi Lỗ Ẩn Công mới lên ngôi, nghĩa là bốn năm năm trước mới được.

Nhưng đó là chuyện khác, và bài nghị luận của Lữ Đông Lai không vì vậy mà mất giá trị.

CHƯƠNG III: BỐN PHÉP LÝ LUẬN

1. Phép diễn dịch: Tam đoạn luận

- A. Từ một sự lý rộng suy đến một sự lý hẹp
- B. Từ một sự lý suy ra một sự lý khác liên lạc với nó
- C. Liên đoạn luận
- D. Nhị đoạn luận

2. Qui nạp

- A. Phương pháp qui nạp
- B. Luật nhân quả
- C. Phương pháp thực nghiệm của Claude Bernard

3. Loại suy

- A. Phương pháp và giá trị
- B. Lỗi ví von

4. Phản chứng – Phương pháp và giá trị

Có bốn phép lý luận: diễn dịch, qui nạp, loại suy và phản chứng.

Soạn cuốn này tôi đứng về phương diện thực tế hơn là triết lý, nên chỉ xét qua phần lý thuyết của phép lý luận trong đời sống hằng ngày. Về phần lý thuyết độc giả nên tham khảo thêm cuốn *Thuật tư tưởng* của ông Nguyễn Duy Cần do nhà P. Văn Tươi xuất bản.

1. Trước hết tôi xin bàn về phép thứ nhất: *phép diễn dịch*

Diễn dịch là do một sự lý rộng suy cập đến một sự lý khác hẹp hơn mà tìm ra một kết luận.

A. Chẳng hạn ta nhận thấy từ xưa tới nay, người nào cũng có lúc phải chết. Đó là một sự lý rộng.

Ta lại biết ông Xuân là người. Đây là một sự lý khác hẹp hơn.

Ta có thể kết luận rằng ông Xuân rồi thế nào cũng có lúc phải chết.

Và ta lý luận như vậy:

1. Làm người ai cũng phải chết.
2. Mà ông Xuân là một người.
3. Vậy ông Xuân sẽ phải chết.

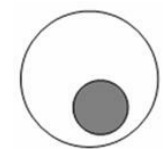
Trong thí dụ đó ta xác nhận một điều. Muốn phủ nhận ta cũng có thể dùng phép diễn dịch. Ta nói:

1. Làm người không có ai sống hoài.
2. Mà ông Xuân là một người.
3. Vậy ông Xuân không thể sống hoài được.

Bạn nhận thấy phép lý luận đó gồm ba đoạn. Những câu số 1 là đoạn thứ nhất diễn một sự lý rộng; những câu số 2 là đoạn thứ nhì, diễn một sự lý hẹp hơn; những câu số 3 là đoạn thứ ba diễn kết luận. Vì gồm ba đoạn, nên lối lý luận tôi vừa dùng gọi là lối *tam đoạn luận*. Đoạn 1 gọi là *đại tiền đề*, đoạn 2 gọi là *tiểu tiền đề*, và đoạn 3 gọi là *kết luận*.

Lối tam đoạn luận có một sức thuyết phục rất mạnh, nhưng nó chỉ vững khi nào sự lý chung (tức đoạn đầu) là một sự thực ai cũng nhìn nhận.

Ta có thể dùng đồ giải này cho dễ hiểu. Ta vẽ hai vòng tròn, một vòng tròn lớn, một vòng tròn nhỏ nằm trọn trong vòng tròn lớn. Hễ điểm nào ở trong vòng tròn nhỏ thì đồng thời cũng ở trong vòng tròn lớn. Vòng lớn là đại tiền đề, vòng nhỏ là tiểu tiền đề.



B. Khi nào sự lý ở trong đoạn đầu không phải là một sự lý rộng, bao trùm, mà chỉ có liên lạc với sự lý ở trong đoạn nhì thì ta cũng dùng lối tam đoạn luận mà rút ở hai sự lý đó ra một kết luận.

Trong toán học ta thường dùng lối đó. Khi đầu bài cho ta biết:

$$A = B \text{ (1)}$$

$$\text{và } A = C \text{ (2)}$$

$$\text{thì ta kết luận được: } B = C \text{ (3)}$$

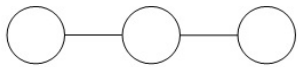
Hoặc nếu ta có:

$$A = B \text{ (1)}$$

$$\text{và } B = C \text{ (2)}$$

$$\text{thì ta cũng kết luận được: } A = C \text{ (3)}$$

Đồ giải của lối này là ba vòng tròn nối với nhau bằng một đường:



C. Nếu ta dùng từ ba tiền đề trở lên, cứ tiền đề sau là kết quả của tiền đề trước đứng sát nó, cái nọ nối cái kia, cho đến kết luận, thì phép lý luận của ta gọi là phép liên đoạn luận (cũng có người gọi là liên châu luận, vì các tiền đề xâu với nhau như một chuỗi hạt châu).

Trong cuốn *Thuật tư tưởng*, ông Nguyễn Duy Cần đưa thí dụ này:

“Plutarque nói con chồn trước đi ngang qua giá, hay lóng tai nghe phía dưới có nước chảy không. Nếu không nghe tiếng nước thì nó đi qua, bằng có nghe tiếng nước thì nó không đi. Dường như nó suy nghĩ như vậy:

Dưới miếng giá này có nghe tiếng;

Cái gì có tiếng thì động;

Cái gì động thì chưa lạnh đặc;

Cái gì chưa lạnh đặc thì lỏng,

Cái gì lỏng thì bỏ và sẽ bể tan ra.

Vậy miếng giá này không thể được sức nặng vì nó bỏ và sẽ tan ra.”

Tôi không biết chồn có lý luận như vậy không. Nhưng chúng ta gặp trường hợp đó sẽ suy nghĩ như vậy:

1. Dưới miếng giá này nghe có tiếng động.
2. Tiếng đó là tiếng nước chảy.
3. Vậy nước mới đông ở lớp mặt, và miếng giá này còn mỏng.
4. Miếng giá này mỏng thì dẫm lên sẽ sụt,
5. Chết mất.

Trong môn hình học ta thường dùng lối liên đoạn luận đó, chẳng hạn để chứng minh rằng góc A bằng 120° , có khi ta phải chứng minh hai ba chặng.

1.- góc A = góc C

mà 2.- góc C = góc E + góc F.

3.- góc E = 75°

góc F = 45°

vậy 4.- góc A = $75^\circ + 45^\circ = 120^\circ$

Chương đầu trong cuốn *Đại học* có đoạn:

1. Cách vật nhi hậu trí tri;
2. trí tri nhi hậu ý thành;
3. ý thành nhi hậu tâm chính;
4. tâm chính nhi hậu thân tu;
5. thân tu nhi hậu gia tề;
6. gia tề nhi hậu trị quốc;
7. trị quốc nhi hậu thiên hạ bình.

nghĩa là:

1. *Mọi vật xét kỹ rồi sau trí thức mới xác đáng;*
2. *trí thức đã xác đáng thì sau cái ý mới tinh thành;*
3. *cái ý đã tinh thành thì sau cái tâm mới chính;*
4. *cái tâm đã chính thì sau cái thân mới được sửa;*
5. *cái thân đã được sửa thì sau nhà mới tề;*
6. *nhà đã tề thì sau nước mới trị;*
7. *nước đã trị thì sau thiên hạ mới bình.*

Khổng Tử không diễn nốt đoạn kết luận, nhưng ai cũng tìm lấy được;

Vậy muốn bình thiên hạ thì trước hết phải xét kỹ mọi vật, phải “cách vật”.

Tất nhiên mỗi sự lý trong các đoạn 1, 2...7 có đúng thì kết luận mới đúng.

Ông Nguyễn Duy Cần bảo đoạn đó dùng phép *tiền trí tam đoạn luận* và giải nghĩa: “lối luận có hai hoặc có nhiều mạng đề, mà câu kết của mạng đề này là câu tiền đề của câu kế... tiếp tục nhau mãi” và ông phân biệt nó với lối *liên châu luận* mà ông giảng là: “một lối luận có rất nhiều mạng đề tiếp tục nhau mãi. Cái cuối của mệnh đề thứ nhất là cái đầu của mệnh đề thứ hai; cái cuối của mệnh đề thứ hai là cái đầu của mệnh đề thứ ba...”

D. Có khi, người ta không cần diễn đủ cả hai tiền đề, chỉ diễn một.

Tỷ dụ câu:

Văn chương anh Thu lưu loát nên ai cũng thích đọc.

Phân tích ra, ta chỉ thấy:

1. Văn anh Thu lưu loát (tiền đề)
2. Nên ai cũng thích đọc. (kết luận)

Thực ra trong lối lý luận đó có *ẩn đại tiền đề*. Ta hiểu rằng:

1. Ai cũng thích văn lưu loát
2. Mà văn anh Thu lưu loát
3. Nên ai cũng thích đọc văn anh Thu.

Hoặc nếu ta nói:

Là người thì ai cũng có khi lầm lẫn nên các học giả cũng phải có khi lầm lẫn thì *tiểu tiền đề được hiểu ngầm*. Đó chính là:

1. Là người thì ai cũng có khi lầm lẫn.
2. Mà các học giả cũng là người
3. Nên cũng có khi lầm lẫn.

Trong trường hợp mà một tiền đề hiểu ngầm chứ không diễn ra như vậy, lối lý luận của ta gọi là lối *nhị đoạn luận*.

Lối này rất thông dụng trong lý luận hàng ngày. Khi liên lạc giữa tiền đề ẩn và tiền đề hiện rất mật thiết thì mọi người hiểu ngay, mà lời nói của ta lại gọn gàng, mạnh mẽ.

Nhưng lối đó rất dễ làm cho ta lý luận sai. Như tôi đã nói trong phép diễn dịch, đại tiền đề phải đúng thì kết quả mới đúng. Nếu đại tiền đề chưa chắc đã đúng mà ta lại ẩn nó, không diễn minh bạch ra, thì không còn ai hiểu gì nữa.

Một nhà văn nọ viết:

Trung Hoa chịu ảnh hưởng của Nho giáo nên dễ theo cộng sản.

Tại sao vậy? Nếu ta lập lại đại tiền đề ẩn ở trong câu đó thì sẽ được như vầy:

1. Hễ chịu ảnh hưởng của Nho giáo thì dễ theo cộng sản.

2. Mà Trung Hoa chịu ảnh hưởng của Nho giáo.

3. Nên dễ theo cộng sản.

Đại tiền đề ẩn: “Hễ chịu ảnh hưởng của Nho giáo thì dễ theo cộng sản”: là một điều phải chứng thực; chưa chứng thực mà tuyên bố như vậy thì chúng ta không tin được.

2. Phép qui nạp

A. Phương pháp qui nạp

Phép thứ nhì là phép *qui nạp*. Qui nạp ngược với diễn dịch. Diễn dịch suy từ một sự lý chung đến một sự lý riêng. Qui nạp thì bằng cứ vào nhiều sự lý riêng để gom lại, lập thành *một sự lý chung*.

Ta thấy hoặc biết rằng nhiều người, đồng thời với ta hoặc ở thời trước ta, đều chết. Mỗi cái chết đó là một sự thực riêng về một người. Ta thu cả lại, gom lại, tìm được một luật chung: là người thì ai cũng phải chết. Như vậy là ta dùng phép *qui nạp*.

Trên kia tôi nói *Qui nạp* là bằng cứ nhiều sự lý riêng để lập thành một sự lý chung. Tôi lại gạch dưới tiếng *nhiều*. Nhiều là bao nhiêu? Không có số nhất định. Mới vài ba lần thì không gọi là nhiều được, có khi hàng chục, hàng trăm lần cũng chưa gọi là nhiều được. Càng nhiều càng tốt.

Diễn dịch	Qui nạp
1. Làm người ai cũng phải chết	1. Ông A chết. Bà B chết. Hàng triệu, hàng tỷ người khác chết, thời xưa cũng như thời nay...
2. Mà ông Xuân là người	
3. Vậy ông Xuân sẽ phải chết	2. Vậy làm người ai cũng phải chết.

B. Luật nhân quả

Dùng lối qui nạp là nhận rằng *hễ cùng một nguyên nhân thì kết quả tất phải giống nhau*, là luật nhân quả. Như thấy có khói, ta biết ngay là có lửa, vì loài người nhận thấy hằng trăm hằng ngàn lần rằng khói do lửa sinh ra, lửa là nhân, khói là quả.

Những câu tục ngữ: “Quầng hạn, tán mưa”, “Chớp đông nhay nháy, gà gáy thì mưa”, “Tháng bảy heo may, chuồn chuồn bay thì bão”, “Trời nắng tốt dưa, trời mưa tốt lúa” ... đều là áp dụng lối đó. Phần nhiều những câu đó đúng. Nhưng cũng có những nhận xét của cổ nhân mà ta thấy sai: chẳng hạn những dị đoan ra ngõ gặp gái là điềm xấu; sao chổi hiện là có giặc; ngày mừng năm mà xuất hành thì gặp sự chẳng may...

Sở dĩ kết luận sai là vì có khi nhiều nguyên nhân cùng sinh một kết quả, nếu ta chỉ biết có một nguyên nhân mà vội quả quyết rằng chính nó đã sinh ra kết quả thì là lầm lẫn. Lại cũng có khi hai việc ngẫu nhiên xảy ra, cái sau kế ngay cái trước, không có liên lạc gì với nhau cả, mà ta vội kết luận rằng việc sau là kết quả của việc trước. Còn nhiều lỗi nữa mà tôi sẽ xét kỹ ở chương sau.

Vì lối qui nạp không được chắc chắn như lối diễn dịch, dễ gây lầm lỗi, nên các nhà khoa học rất thận trọng khi dùng nó. Chẳng những phải nhận xét kỹ nhiều lần trước khi kết luận, mà kết luận đó cũng chỉ nên tạm coi là có thể đúng thôi, nghĩa là chỉ coi như một ức thuyết chứ chưa nhận là một sự thực; còn phải *thí nghiệm ngược lại* nhiều lần, nếu đúng mới dám tuyên bố là một qui luật.

C. Phương pháp thực nghiệm của Claude Bernard

Tôi xin trích một đoạn văn của Claude Bernard tả phương pháp thực nghiệm của ông để đọc giả dễ hiểu.

Ông là một nhà sinh lý học danh tiếng của Pháp ở thế kỷ trước (1813 – 1878), tác giả cuốn *Y học thực nghiệm nhập môn* (Introduction à l'étude de la médecine expérimentale – 1865), một trong những cuốn căn bản về phương pháp khoa học. Người ta có thể nói rằng đã sáng lập ra môn tây y hiện đại. Ông nghiên cứu một cách có phương pháp những sự kiện rồi dùng thí nghiệm để kiểm soát lại giả thuyết. Một hôm vô tình nhận thấy rằng những con thỏ mua ở chợ có nước tiểu trong và chứa chất acid, ông sinh ra suy nghĩ. Dưới đây là lời của ông:

“Điều đó làm tôi ngạc nhiên vì loài thỏ ăn cỏ, nước tiểu thường đục và có chất kiềm; còn loài ăn thịt, như mọi người đều biết, trái lại, nước tiểu trong và có chất acid. Sự nhận xét đó về tính cách acid của nước tiểu những con thỏ gợi cho tôi ý nghĩ rằng những con vật đó phải ở trong hoàn cảnh tư dưỡng của loài ăn thịt.

Tôi đoán rằng chắc chúng đã phải nhịn ăn từ lâu và do đó, thành loài vật ăn thịt, sống nhờ huyết của chúng. Dự đoán và ức thuyết đó, muốn kiểm soát bằng thí nghiệm là việc dễ dàng nhất. Tôi bèn cho thỏ ăn cỏ, và vài giờ sau nước tiểu của chúng hóa đục và có chất kiềm. Rồi tôi lại bắt chúng nhịn đói, và sau hai mươi bốn giờ, nhiều lắm là ba mươi sáu giờ, nước tiểu lại trong và có nhiều acid; rồi lại cho ăn cỏ, nước tiểu lại có chất kiềm. Tôi làm lại nhiều lần thí nghiệm giản dị đó và lần nào kết quả cũng như vậy. Rồi lại thí nghiệm loài ngựa, một loài ăn cỏ cũng có nước tiểu đục có chất kiềm...

Do những thí nghiệm trên, tôi đề khởi định lý tổng quát này mà từ trước chưa ai biết là: khi phải nhịn đói thì tất cả các loài vật đều sống bằng thịt, thành thử lúc đó, nước tiểu của loài ăn cỏ cũng giống nước tiểu của loài ăn thịt.

Muốn chúng thực rằng những con thỏ của tôi lúc đó đích thị là sống bằng thịt, tôi phải làm một thí nghiệm. Phải dùng thí nghiệm mà thực hiện được một con thỏ ăn thịt, bằng cách nuôi nó bằng thịt, để xem nước tiểu của nó có trong, chứa chất acid và tương đối nhiều yếu tố như trong khi nhịn đói không. Cho nên tôi nuôi thỏ bằng thịt bò hầm để nguội (món đó chúng ăn ngon lành khi không có gì khác để ăn). Lời dự đoán của tôi lại đúng một lần nữa, và suốt thời gian chúng ăn thịt như vậy, nước tiểu của chúng trong và có chất acid.

Đó là một sự kiện đặc biệt rất đơn giản, nó cho ta hiểu một cách dễ dàng sự tấn triển của cách lý luận thực nghiệm. Khi người ta thấy một hiện tượng khác thường thì luôn luôn phải tự hỏi do đâu mà có hiện tượng đó, hay nói cách khác, là phải tìm nguyên nhân gần của nó, lúc đó

trong óc ta hiện ra một lời đáp hoặc một ý nào đó mà ta phải đem ra thí nghiệm. Khi thấy nước tiểu acid của các con thỏ, tự nhiên tôi hỏi nguyên nhân do đâu.

Ý thí nghiệm của tôi đã do óc tôi thấy nước tiểu có chất acid của con thỏ mà liên tưởng ngay tới tình trạng tư dưỡng của loài ăn thịt.

Phép lý luận qui nạp của tôi là phép tam đoạn luận này: nước tiểu của loài ăn thịt có chất acid; mà những con thỏ tôi thấy đó, nước tiểu có acid, vậy chúng ăn thịt nghĩa là chúng đã nhịn ăn. Đó, phải dùng thí nghiệm để chứng minh điều đó."

Đoạn đó rất có giá trị không phải về phương diện nghệ thuật mà về phương diện luyện trí. Claude Bernard đã dùng cả hai phép diễn dịch và qui nạp để tìm ra chân lý.

Mới đầu ông diễn dịch theo phép tam đoạn luận:

1. Nước tiểu của loài ăn thịt có chất acid
2. Mà những con thỏ mua ở chợ, nước tiểu có acid
3. Vậy chúng đã ăn thịt.

Ông suy nghĩ: nhưng không ai nuôi thỏ bằng thịt, vậy chắc chúng đã phải nhịn đói từ lâu *mà sống nhờ huyết của chúng*. Muốn cho chắc chắn, ông thí nghiệm, cho thỏ ăn cỏ thì nước tiểu của chúng có chất kiềm, bắt chúng nhịn đói thì nước tiểu lại có chất acid, như vậy nhiều lần.

Thí nghiệm về loài thỏ, rồi thí nghiệm về loài ngựa. Vì ngựa cũng ăn cỏ như thỏ.

Do nhiều sự thực riêng đó, ông qui nạp thành một luật:

1. Nhiều con thỏ khi nhịn đói phải sống bằng huyết của nó, nhiều con ngựa cũng thế.
2. Vậy mọi loài khi nhịn đói phải sống nhờ bằng huyết của nó, nghĩa là bằng thịt.

Nhưng ông vẫn chưa tin luật đó, mới chỉ là một ức thuyết phải phản thí nghiệm: ông cho thỏ ăn thịt, quả nhiên nước tiểu của nó có chất acid. Lúc đó ông mới chịu nhận giả thuyết của ông là một định luật.

Độc giả chắc không còn tin rằng ra ngô gặp gái là một điềm xấu nữa, tôi mong vậy. Nhưng tôi vẫn thấy nhiều bà tin dị đoan đó. Muốn cho các bà đó hết tin, ta có thể theo phương pháp của Claude Bernard, đề nghị với các bà:

1. Thí nghiệm đi: ghi hết các lần ra ngô gặp gái rồi xem những lần đó có xui không, bao nhiêu lần xui, bao nhiêu lần không?
2. Rồi phản thí nghiệm: ghi hết những lần ra ngô không gặp gái, xem những lần đó

có hên không, bao nhiêu lần hên, bao nhiêu lần xui.

Như vậy trong ba tháng được khoảng 100 lần thì các bà sẽ thấy ngay được dị đoan đó còn đáng tin nữa hay không?

Lỗi qui nạp nếu biết cách dùng như Claude Bernard thì rất có lợi. Nhờ lỗi đó và lỗi diễn dịch mà loài người đã tìm thấy được hầu hết những chân lý trong cái kho tàng trí thức của mình.

3. Phép loại suy

A. Phương pháp và giá trị

Phép *loại suy* không có giá trị bằng hai phép trên vì nó không thật hợp lý, không vững, dễ lầm.

Ta thấy chất sắt đốt nóng thì giãn ra. Ta cho đồng cùng một loại với chất sắt, và ta suy ra rằng đồng đốt nóng cũng giãn ra. Khoa học cho ta biết rằng loại suy như vậy là đúng. Nhưng tôi đã nghe một người lý luận rằng: gỗ cũng như đồng, như sắt, trời nắng thì dẫn ra. Điều này thì hoàn toàn sai: trời nóng thì gỗ co lại, trời mưa thì nó mới nở.

Người đó đã lầm vì gỗ không cùng một loại với sắt với đồng, mà lại cho nó vào chung một loại rồi suy luận.

Cũng vì cho trái đất, mặt trăng và kim tinh cùng một loại với nhau, nên người ta nghĩ rằng trên cung trăng, trên kim tinh cũng có người như trên trái đất. Điều đó chưa biết chắc được, nhưng các nhà khoa học ngày nay quả quyết rằng trên mặt trăng không có người như chúng ta.

Loại suy tựa như diễn dịch và qui nạp mà lại khác diễn dịch và qui nạp. Coi những bảng đối chiếu dưới đây bạn sẽ thấy rõ:

Ta thấy bước đầu hai phép cùng khởi từ một sự lý; sự lý phải đúng thì lý luận mới đúng. Sự lý trong thí dụ là: Chất đồng đốt nóng thì giãn. Nó đúng.

Diễn dịch	Loại suy
1. Chất đồng, đốt nóng thì giãn; 2. Mà thỏi này bằng đồng; 3. Vậy đốt nóng, nó sẽ giãn.	1. Chất đồng đốt nóng thì giãn; 2. Mà sắt cùng một loại với đồng; 3. Vậy đốt nóng, sắt sẽ giãn.

Qua bước thứ nhì, hai phép dờn nhau ra: Phép diễn dịch *lấy một phần nhỏ trong một phần lớn*: tức một thỏi đồng trong cả cái loại đồng. Còn phép loại suy thì *lấy một vật (sắt) mà ta cho là cùng một loại với vật trước (đồng)*, loại này là loại kim thuộc.

Tới bước thứ ba – kết luận – hai lối cùng một cách suy diễn như nhau.

Vậy khác nhau ở bước thứ nhì: một bên là cùng một chất, một bên là cùng một loại. Muốn loại suy cho đúng thì phải chứng minh thêm rằng sắt cùng một loại với đồng, nghĩa là có chung những tính cách chính của đồng.

Qui nạp đi từ nhiều sự thực nhỏ mà tìm ra một luật chung. Còn loại suy đi từ một sự thực mà tìm ra được một sự thực khác. Qui nạp dùng tính cách *đồng nhất* mà suy ra cho rộng hơn; loại suy dùng tính cách *tương tự* mà suy ra một điều khác.

Qui nạp	Loại suy
1. Thỏi sắt này, thỏi sắt kia và nhiều thỏi khác đốt nóng lên đều giãn; 2. Vậy chất sắt đốt nóng lên sẽ giãn.	1. Chất đồng đốt nóng thì giãn; 2. Mà sắt cùng một loại với đồng; 3. Vậy đốt nóng, sắt sẽ giãn.

Trong phép loại suy, chính óc ta lý luận như vậy:

- 1. Chất đồng đốt nóng thì giãn,

2. Mà đồng là một chất kim thuộc,
3. Vậy tất cả các kim thuộc đốt nóng đều giãn,
4. Mà sắt cũng là một kim thuộc,
5. Vậy sắt đốt nóng cũng giãn.

Chỗ ta phải cẩn thận, chỗ mà nhiều người thường lầm là ở giai đoạn thứ nhì (đồng là một kim thuộc) và thứ tư (sắt cũng là một kim thuộc). Và bây giờ bạn đã hiểu tại sao thí dụ tôi dẫn ở trên: “gỗ đốt nóng cũng giãn” là một điều vô lý vì gỗ đâu phải là một loại kim thuộc như đồng mà gọi là cùng loại được. Đã không cùng loại mà *loại suy* thì tất phải suy lầm.

Phép loại suy tuy kém giá trị nhưng lại rất hữu ích: nếu không có óc loại suy thì sự hiểu biết của loài người sẽ rất hẹp, biết điều nào chỉ biết được điều đó thôi, không suy ra được những trường hợp tương tự. Và nhiều khi không dùng lối loại suy thì không còn cách nào khác để đoán sự thực. Chẳng hạn về lịch sử, có cách nào thí nghiệm được đâu; chỉ có cách dùng những tài liệu thời trước để lại, rồi suy từ đời nay mà đoán ra thời xưa: trong những trường hợp tương tự người thời nay hành động ra sao thì người xưa cũng như vậy; ở một nơi khô khan như vậy thì đời sống chắc phải như thế... Và cả môn siêu hình học gần như hoàn toàn xây dựng trên phép loại suy. Vì vậy mà lịch sử, siêu hình học không được sắp vào loại khoa học đích xác.

B. Lối ví von

Trong văn chương người ta thường dùng lối ví để cho người đọc dễ thấy, để làm cho một ý trừu tượng thành một ý cụ thể. Ví dụ khuyên ai nên lựa bạn mà chơi, người nói:

Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng.

Hoặc: *ở bầu thì tròn, ở ống thì dài.*

Lối đó cũng tựa tựa loại suy nhưng còn kém loại suy một bậc, chẳng chứng minh được điều gì cả.

Loài người đâu chịu ảnh hưởng của xã hội tới cái mức “ở bầu thì tròn, ở ống thì dài”. Và lại câu đó nói về sự ảnh hưởng tới thân thể, liên lạc gì tới sự ảnh hưởng về tinh thần?

Còn như câu “gần đèn thì sáng” nếu dùng để chỉ cái nghĩa ở gần người sang cũng được hưởng lây cái sang thì may ra còn đúng.

Lối “ví ví von von” đó có cái lợi là làm cho văn thêm tươi, nhưng cái lợi đó không bỏ cái hại là đánh lạc sự suy nghĩ của cả người đọc lẫn người viết. Người đọc thấy có chút gì hơi giống nhau giữa hai câu:

Vầng trăng khi khuyết khi tròn

Người đời lúc thanh, e còn lúc suy.

rồi cho rằng câu trên đã đúng thì câu dưới cũng phải đúng. Người viết thấy ví dụ như vậy người đọc thích mà dễ tin, càng ưa tìm những hình ảnh để so sánh mà không chú trọng đến phép lý luận nữa.

Cũng may, lối hành văn “tài hoa” đó rất thịnh ở thời xưa ngày nay đã ít người trọng rồi.

4. Phản chứng: phương pháp và giá trị

Khi người ta không có cách nào chứng minh được một điều A là sự thực, thì người ta dùng tới cách *phản chứng*. Người ta đặt ra một giả thuyết rằng có một điều B trái với sự thực đó, rồi người ta chứng minh rằng giả thuyết B đó không thể có được; sau cùng người ta kết luận rằng B đã không thể có được thì A tất phải có.

Trong môn Hình học, khi nào bí lắm thì người ta phải dùng lối đó. Xưa kia, các nhà toán học không chứng minh nổi hai tam giác có ba cạnh bằng nhau từng cặp một thì bằng nhau. Người ta phải dùng lối phản chứng: Người ta thí dụ có hai tam giác ABC và A'B'C' có ba cạnh bằng nhau $AB = A'B'$, $BC = B'C'$, $AC = A'C'$, nhưng hai tam giác đó không bằng nhau. Người ta đặt giả thuyết như vậy. Rồi người ta chứng minh rằng giả thuyết đó đưa đến những điều vô lý. Kết luận là nhận rằng hai tam giác đó bằng nhau.

Ngày nay, đã tìm thấy được cách chứng minh khác, chứng minh bằng diễn dịch, người ta bỏ cái lối chứng minh bằng phản chứng đó đi. Nhưng người ta vẫn còn phải dùng lối đó để chứng minh rằng *Hai vòng tròn O và O' giao nhau nếu bán kính R của vòng tròn O và bán kính R' của vòng tròn O' hợp với điều kiện này: $R - R' < OO' < R + R'$*

Người ta lý luận như sau:

Hai vòng tròn có thể có 5 vị trí tương đối với nhau. Ta giả tử rằng kết luận trên kia không đúng, nghĩa là hai vòng tròn O và O' không giao nhau. Ta thử xét 4 trường hợp khác ngoài trường hợp trong kết luận đó.

- A. Nếu hai vòng tròn ở ngoài nhau thì $OO' > R + R'$, kết quả đó trái với giả thuyết là $OO' < R + R'$
- B. Nếu nó ngoại tiếp với nhau thì $OO' = R + R'$, kết quả đó cũng trái với giả thuyết $OO' < R + R'$
- C. Nếu nó nội tiếp nhau thì $OO' = R - R'$, kết quả đó cũng trái với giả thuyết $OO' > R - R'$
- D. Nếu nó ở trong nhau thì $OO' < R - R'$, kết quả đó cũng trái với giả thuyết $OO' > R - R'$

Và hai vòng tròn chỉ có thể có 5 vị trí tương đối với nhau: bốn vị trí mới xét đã trái với giả thuyết, nghĩa là hai vòng tròn O và O' phải giao nhau.

Trong đời sống, ta cũng thường dùng phép phản chứng. Chẳng hạn ta đi vắng về nhà thấy bình bông của ta bể. Ta nghi cho em Xuân. Ta không chứng minh được rằng Xuân có lỗi; ta tìm

cách chứng minh rằng cái sự nó không đánh bể bình bông là một điều vô lý. Ta bảo nó:

“Trong nhà chỉ có bốn đứa bay thôi. Thằng Tạo giờ đó còn đi học. Còn Huệ theo má nó lại bà Phán Tân. Còn thằng Tiến thì suốt buổi ở dưới bếp chơi với vú em. Vậy ba đứa không đánh bể rồi. Nếu mày cũng không đánh bể nữa thì làm sao nó bể được? Không phải mày thì còn ai vào đó nữa?”

Em Xuân đáp:

“Thưa ba, con cũng không đánh bể ạ. Có thể rằng con mèo nhảy từ nóc nhà xuống rồi đụng phải. Cũng có thể rằng gió phất tấm màn này, đụng phải cành huệ trong bình rồi rớt.”

Ta đuối lý. Em ấy đã cho ta thấy nhược điểm của phép phản chứng. Phép đó chỉ có giá trị khi nào ta xét hết được mọi trường hợp (như trong hình học tương đối). Mà ở ngoài đời, thường thường có một hai trường hợp ta không ngờ được (như trong thí dụ bình bông trên kia) nên ta không thể kết luận được. Ngay trong toán học, phép đó cũng không có giá trị như phép diễn dịch, người ta miễn cưỡng phải dùng nó đấy thôi.

Nhiều người còn dùng phép đó chứng minh rằng có đấng Tạo Hóa: Nếu không có đấng tạo hóa thì ai sinh ra thủy tổ loài người, loài vật? Bảo là tự nhiên mà có thì vô lý, vì ở đời có cái gì tự nhiên mà sinh ra đâu? Vậy thì tất phải có một đấng sinh ra vạn vật.

Nhưng có người bẻ lại: “Thế đấng sinh ra vạn vật đó ở đâu mà sinh ra?” Bí mật đó, con người không hiểu nổi. Tín ngưỡng thuộc về tình cảm chứ không thuộc về lý trí.

CHƯƠNG IV: NHỮNG LỖI LÝ LUẬN

1. Những lỗi phải tránh khi diễn dịch

- A. Nguyên lý sai
- B. Định nghĩa sai
- C. Chưa định nghĩa đã lý luận
- D. Lạc đề
- E. Thừa dư
- F. Thiếu
- G. Ngụy biện và ngụy luận
- a) Công Tôn long
- b) Zénon ở Elée
- c) Lecomte de Nouy

2. Những lỗi phải tránh khi qui nạp

- A. Qui nạp vội vàng
- B. Qui nạp quá ra ngoài
- C. Tiên đoán sai
- D. Liệt cử thiếu sót

3. Những lỗi phải tránh khi loại suy

- A. Đứng trên một khu vực mà kết luận trên một khu vực khác
- B. Tránh những so sánh nguy hiểm

4. Những lỗi phải tránh khi phản chứng

- A. Những song quan giả
- B. Những song quan không cần

5. Những lỗi khác thường mắc

- A. Làm một việc thường xảy ra với một việc luôn luôn xảy ra
- B. Làm về nguyên nhân
- C. Làm nguyên nhân với kết quả
- D. Phải biết lựa những ngẫu hợp
- E. Cái vòng luẩn quẩn
- F. Giá trị của sự lý đảo
- G. Không đảm tư tưởng mà đảm người hoặc đảm văn

6. Bảy trắc nghiệm để xem bạn biết lý luận không?

Trong chương trên, tôi đã xét bốn phép chính về lý luận và chỉ những qui tắc quan trọng phải theo để tránh những lỗi về nguyên tắc:

Trong phép diễn dịch thì sự lý đúng làm khởi điểm phải xác đáng.

Trong phép qui nạp, phải quan sát kỹ và nhiều lần, thí nghiệm, phản thí nghiệm rồi mới được kết luận.

Trong phép phản chứng, phải xét hết mọi trường hợp vô lý hoặc không thể có được, nếu bỏ sót một trường hợp nào thì kết luận sẽ sai.

Nhưng đó mới chỉ là những lỗi về nguyên tắc. Ngoài ra còn rất nhiều lỗi nữa mà dưới đây tôi sẽ xét kỹ hơn.

Tôi sẽ rón lựa những thí dụ thực tế, và sắp các lỗi vào loại này hay loại khác để cho công việc trình bày được tiện, sáng nhưng độc giả nên nhận rằng có những lỗi sắp vào hai loại cũng

được; vì trong sự lý luận, phán đoán hằng ngày, có khi ta dùng một lúc cả hai, ba phép lý luận – như trường hợp Claude Bernard tôi đã kể ở trên – chứ không phải chỉ dùng riêng một phép.

Đôi khi tôi cũng phải nhắc lại những qui tắc đã chỉ trong những chương trên cho độc giả nhớ kỹ và dễ hiểu.

1. Những lỗi phải tránh khi diễn dịch

A. Chưa chứng minh được nguyên lý đã lý luận

Các nhà tôn giáo và chính trị có lòng tin quá mạnh thường mắc lỗi đó. Chẳng hạn họ bảo: “Không kính trời thì bị họa”, “Ủng hộ phong trào X là yêu nước”. Họ chưa chứng minh được những lời đó là đúng, rồi dùng nguyên lý để diễn dịch:

Không kính trời là bị họa mà anh M không kính trời Vậy anh M sẽ bị họa

Hoặc:

Ủng hộ phong trào X là yêu nước mà ông N không ủng hộ phong trào đó Vậy ông N không yêu nước.

Có khi họ lại thêm: mà không yêu nước tức là phản quốc Vậy ông N đã phản quốc.
mà không nghĩ rằng: không yêu nước chưa nhất định là phản quốc.

B. Định nghĩa sai rồi lý luận

Hồi tôi còn đi học, một giáo sư Toán của chúng tôi rất chú trọng đến những định nghĩa, buổi học nào cũng bắt chúng tôi đọc thuộc lòng những định nghĩa đã học, hễ sai một chữ là phạt. Nhiều anh bạn tôi không nhớ được định nghĩa của vòng tròn: “La circonférence est le lieu des points équidistants d’un point O intérieur appelé centre”, đọc thiếu hoài chữ “intérieur”, lần đầu bị không điểm, lần thứ nhì bị chộp phạt. Học sinh nào cũng phàn nàn vị giáo sư đó là quá nghiêm khắc. Bây giờ tôi nhận thấy rằng ông đã biết cách dạy. Định nghĩa là điều quan trọng nhất trong môn toán, không nhớ nó thì lý luận tất phải sai. Không biết đường trung trực là cái gì mà làm nó với đường trung tuyến thì làm toán sao được?

Trong đời sống hằng ngày chúng ta cũng mắc lỗi rất quan trọng đó, định nghĩa sai rồi lý luận. Chẳng hạn có nhiều người bảo đạo Nho là đạo duy nhiên hoặc duy vật, rồi kết luận rằng đạo đó là gốc Cộng sản. Sự thực, ở thời Khổng Tử, người Trung Hoa chưa có quan niệm rõ ràng về duy vật, duy tâm. Khổng Tử không hẳn là duy vật hay duy tâm, có lúc duy vật, có lúc lại duy tâm. Phải đến thế kỷ thứ 5 sau công nguyên, Trung Hoa mới có nhà duy vật thứ nhất là Phạm Trấn, tác giả bài “*Thần diệt luận*” [\[13\]](#) gây nên một sự phản đối mãnh liệt và nhóm Thẩm Ước viết bài “*Thần bất diệt luận*” để đả đảo; từ đó Trung Hoa mới có phái duy vật và duy tâm, nhưng mãi đến cuối đời Thanh, phái duy vật cũng chẳng có ảnh hưởng gì hơn.

C. Chưa định nghĩa đã lý luận

Ở chương đầu tôi đã nói ngôn ngữ của loài người rất thiếu thốn thành thử có rất nhiều vật, ý, tình hơi khác nhau mà ta chỉ có một tiếng để gọi chung. Có biết bao quan niệm về tự do, bình đẳng, bác ái, dân chủ, cách mạng... mà ta có đủ tiếng để phân biệt đâu. Một tiếng tự do chẳng hạn, gọi trong óc mỗi người một ý, một chính sách, một chương trình; nếu mỗi người không định rõ quan niệm của mình về tự do ra sao mà đem vấn đề đó ra bàn cãi với người khác thì rất có thể là chẳng ai hiểu ai cả, có khi còn xung đột nhau nữa.

Nhiều học giả đã bút chiến về đạo Nho. Người thì bênh vực, kẻ thì chỉ trích, chỉ vì họ không chịu cho biết trước là họ hiểu đạo Nho là đạo của Khổng Tử hay là lý thuyết của Tống Nho.

Ngày nay quan niệm về quân tử và tiểu nhân trong *Luận ngữ* cũng có hai nghĩa khác nhau. Trong hai câu: “*Quân tử học đạo tắc ái nhân, tiểu nhân học đạo tắc dị sử dã*” (Quân tử học đạo thì yêu người, tiểu nhân học đạo thì dễ khiến); “*Quân tử hữu dũng nhi vô nghĩa vi loạn; tiểu nhân hữu dũng nhi vô nghĩa vi đạo*” (Quân tử có dũng mà không có nghĩa thì làm loạn; tiểu nhân có dũng mà không có nghĩa thì làm kẻ trộm); thì quân tử có nghĩa là người có địa vị cao trong xã hội, còn tiểu nhân có nghĩa là thường dân.

Nhưng trong những câu: “*Quân tử thảo dãng dãng, tiểu nhân trường thích thích*” (Quân tử trong lòng thảo nhiên vui vẻ, tiểu nhân trong lòng lúc nào cũng lo ngay ngáy); “*Quân tử thành nhân chi mỹ, bất thành nhân chi ác; tiểu nhân phản thị*” (Quân tử làm thành cái hay, không làm thành cái ác cho người ta; tiểu nhân trái lại); thì quân tử và tiểu nhân có nghĩa khác rồi; quân tử chỉ hạng người có đức hạnh cao quý, mà tiểu nhân chỉ hạng người tâm hồn hèn hạ, như vậy thì trong bọn quyền cao tước trọng có thể có nhiều tiểu nhân mà bọn thường dân nghèo khổ có thể có nhiều quân tử.

Gặp những câu đạo Khổng nói về quân tử và tiểu nhân, nếu ta không tìm hiểu nghĩa rồi giải nghĩa mà vội lý luận thì lý luận của ta có thể sai và chắc chắn là không minh bạch.

Gần đây nhiều giáo sư cãi nhau về Cao Bá Quát, người thì chủ trương như cụ Dương Quảng Hàm rằng Cao Bá Quát chỉ là người bất đắc chí mà làm loạn, người thì cho rằng họ Cao là một nhà cách mạng chân chính. Rút cục chẳng ai thuyết phục được ai cả, vì mỗi người hiểu danh từ cách mạng một khác. Danh từ đó cũng như rất nhiều danh từ khác về chính trị, tôn giáo triết lý cần phải định nghĩa lại.

D. Lạc đề

Theo lối tam đoạn luận, đoạn kết luận phải nằm trong đoạn đại đề, nếu không thì hóa lạc đề.

Thí dụ:

đại tiền đề là: *Người Việt Nam có tri thức phải thông tiếng Việt.*

tiểu tiền đề là : *mà ông X là người Việt mà không thông tiếng Việt*

thì kết luận phải là: *vậy ông X không phải là người Việt tri thức.*

nếu kết là: *Vậy ông X là người không yêu nước.*

thì là lạc đề.

Khi lạc đề thì mất liên lạc trong lý luận. Lẽ đó rất minh bạch và giản dị, nhưng ngay các nhà văn cũng ít người nhớ; cùng trong một đoạn đương nói cái này, người ta nhảy qua cái khác, làm cho người đọc bối ngỡ không sao hiểu nổi.

E. Đề dư

Ông Marcel Boll trong cuốn đã dẫn, kể chuyện rằng một nhà toán học danh tiếng đã chứng minh một định lý mà dùng lối diễn dịch *đại loại* như vậy:

1. *Tất cả vật có vú đều có cha là vật có vú*
2. *mà loài người là vật có vú*
3. *vậy người nào cũng có cha là người.*

Và nhà toán học đó thấy kết luận đúng, tin rằng cách chứng minh đã đúng.

Mới xét ta tưởng đoạn kết nằm trong đại tiền đề vì người là một vật có vú, nhưng sự thực thì nó không ôm sát đại tiền đề, chỉ là một trường hợp của đại tiền đề, và đại tiền đề dư so với đoạn kết, hoặc đoạn kết thiếu so với đại tiền đề.

Nếu lý luận như nhà toán học đó được thì cũng có thể lý luận như vậy:

1. *Tất cả vật có vú đều có cha là vật có vú,*
2. *mà các người thợ mộc là những vật có vú,*
3. *vậy các người thợ mộc đều có cha là thợ mộc.*

Đoạn kết đó vô lý, phải kết là:

Vậy các người thợ mộc đều có cha là vật có vú.

Đây cũng là một trường hợp lạc đề, vì đoạn kết là đại tiền đề tuy có liên lạc với nhau, nhưng không sát nhau.

F. Đề thiếu

Trên một nhật báo nọ, một “sử gia” có danh tiếng viết:

“Nguyễn Công Trứ đã

Xếp bút nghiên theo việc kiếm cung,

Đem hai chữ trung trinh báo quốc.

thời vị nho tướng này, nguyên tể tửu ở Quốc tử giám, lẽ tất nhiên là phải thắng Phan Bá Vành”

Nghĩa là:

1. Nguyễn Công Trứ ra quân

2. thì tất nhiên phải thắng Phan Bá Vành.

Tác giả đã kết luận vội quá. Tại sao lại “tất nhiên phải thắng”?

Nếu thêm đại tiền đề: *Nguyễn Công Trứ là người cầm quân tài nhất thời đó*; thì còn có nghĩa một chút. Tôi nói “có nghĩa một chút” chứ chưa hẳn là đúng, vì người cầm quân tài nhất một thời chưa nhất định là bách chiến bách thắng. Ở đầu thế kỷ 19, bên Âu, ai cầm quân giỏi bằng Nã Phá Luân mà rồi cũng thua mấy trận lớn, đến nỗi ngai vàng mất, vợ con bị người ta bắt đi, mà thân mình thì bị đày trên một hoang đảo.

Tôi hiểu chủ ý của “sử gia” đó là làm văn chứ không phải lý luận.

Tôi đưa ra thí dụ đó chỉ để độc giả đề phòng thôi.

G. Ngụy biện và ngụy luận

Ta nên phân biệt ngụy biện và ngụy luận. Ngụy biện là cố ý dùng một lý luận sai nhưng khó nhận được để đánh lừa người khác, bắt người ta phải nhận một kết luận vô lý; còn ngụy luận thì vô tình dùng một lý luận hơi lắt léo, mới nghe tưởng là đúng, sau mới biết là sai, mà không định tâm lừa gạt ai cả.

Dưới đây tôi xin kể hai thí dụ ngụy biện, mỗi thí dụ ngụy luận đều nổi danh trong triết học.

a. Ngụy biện Công Tôn Long

Công Tôn Long là một nhân vật thời Chiến Quốc bên Trung Hoa. Ông bảo: *“Con ngựa trắng không phải là con ngựa, vì trắng là nói về sắc mà ngựa nói về hình, hình sắc đã là hai cái khác nhau thì ngựa trắng cũng không thể là ngựa được.”*

Lý luận đó sai. Ông chỉ có thể kết luận rằng: *“trắng không thể là ngựa được”*, chứ không thể kết: *“ngựa trắng không thể là ngựa được”*; vì ngựa là một danh từ chỉ chung một loài, ngựa trắng chỉ là một giống trong loài đó. Nói như ông thì có khác gì bảo một điểm ở trong một múi trên hình tròn không phải ở trong hình tròn đó không?

b. Ngụy biện Zénon ở Elée (một tỉnh nước Ý thời xưa)

Zénon bảo một mũi tên không bao giờ tới đích được, dù nó bay hoài một cách liên tiếp và đều đều, vì muốn vượt được quãng đường từ chỗ khởi hành cho tới đích, thì trước hết phải vượt nửa quãng đường đó đã; cứ như vậy hoài thì bao giờ cũng vẫn còn lại một quãng đường dù rất nhỏ, rồi mới tới đích, nghĩa là không bao giờ tới được đích cả.

Lý luận của ông chặt chẽ, rất khó bác, và lâu lắm các nhà toán học mới bác nổi; nhưng dù một em nhỏ cũng thấy điều đó vô lý; thử bắt ông ta làm đích rồi bắn xem mũi tên có cắm vào da thịt ông không.

c. Ngụy luận phản ngẫu nhiên của Lecomte de Nouy

Pierre Lecomte de Nouy là một nhà bác học danh tiếng hiện đại đã dùng toán học chứng thực rằng sinh vật trên trái đất này không phải ngẫu nhiên mà có. Ta biết rằng cơ thể sinh vật bao gồm những chất này: carbon, hydro, oxy, nito... Lấy những chất đó theo đúng tỷ lệ rồi để tự chúng phối hợp với nhau theo sự ngẫu nhiên, thì cái phần may để chúng hợp [\[14\]](#) lại thành một sinh thể sẽ nhỏ lắm, không khác gì liêng những bộ phận rời của một chiếc xe hơi từ trên cao xuống đất mà mong rằng những bộ phận đó do may rủi, do ngẫu nhiên, tự ráp thành chiếc xe trước khi tới đất. Rồi ông kết luận rằng sinh vật phải do Thượng Đế tạo ra.

Như vậy ông ta mắc hai lỗi:

Lỗi thứ nhất, như người Pháp nói, là “tung một cái cửa đã mở sẵn”, nghĩa là làm một việc thừa. Có ai tin rằng do ngẫu nhiên tạo thành đâu mà ông phải tốn công chứng minh điều đó sai.

Lỗi thứ nhì: tiền đề “sinh vật không do ngẫu nhiên tạo thành” không đủ cho ông kết luận rằng sinh vật phải do Thượng Đế tạo ra.

2. Những lỗi phải tránh khi qui nạp

A. Qui nạp một cách vội vàng

Ở chương trên tôi đã nói về lỗi này, lỗi vợ đùa cả năm. Lỗi đó người Pháp gọi là lỗi “ngụy luận người đàn bà tóc hung hung” (sophisme de la femme rousse): một văn sỹ nọ tới một xứ lạ, tàu mới cập bến, ông thấy vài người đàn bà trên bến có mớ tóc hung hung, về viết du ký, bảo xứ đó đàn bà đều tóc hung hung cả.

Trong *Án Tử Xuân Thu* kể một chuyện vua Sở dùng lối vợ đùa cả năm để làm nhục Án Tử: Vua Sở bắt một người ở tù ăn bận giả làm người nước Tề, nước của Án Tử. Rồi trong lúc vua Sở tiếp Án Tử, triều đình Sở dẫn người tù đó đi qua. Vua Sở liền hỏi: “Người Tề bị tội gì?” Lính đáp: “Tội ăn trộm”. Vua Sở quay lại hỏi Án Tử: “Người Tề ăn trộm cả hay sao?” [\[15\]](#).

Một giáo sư Đại học ở đây đã có lần mắc lỗi qui nạp vội vàng.

Ông ta viết: *“Người đàn bà Phương Tây ít săn sóc con, nuôi nấng con. Sinh con ra, nếu có vú nuôi, người ta trao cho vú nuôi, hay không có thì cũng ném vào trống(?)”* [\[16\]](#), *ít khi săn sóc, bông bẽ*”. Ông xét đàn bà phương Tây ở đâu vậy? Chắc là ở Sài Gòn chứ không phải ở những miền quê, bên Pháp, bên Ý... Có lẽ ông cũng ít đọc những tiểu thuyết tả đời sống dân quê của Pháp. Đàn bà của họ không phải “ném con” và ít khi săn sóc tới đâu.

Xét về người mẹ Việt Nam, ông cũng có những nhận xét. Ông viết:

“Tấm lòng người mẹ Việt Nam đối với con cái làm cho người ngoại quốc phải sửng sốt, tuy nhiên, (!) không những họ không nuôi con mà còn rất ít khi vuốt ve âu yếm. Lòng yêu thiên về lý trí hơn là tình cảm:

Yêu cho roi cho vọt

Ghét cho ngọt cho bùi

Hai câu này tóm tắt tất cả phương pháp giáo dục của các bà mẹ Việt Nam.”

Hai câu đó tóm tắt phương pháp giáo dục của người cha Việt Nam thời xưa thì phải hơn. Nó không đủ chứng minh rằng người mẹ Việt Nam rất ít khi vuốt ve, âu yếm con; biết đâu chẳng phải vì người mẹ Việt Nam quá nuông con nên mới phải có lời khuyên trong hai câu đó?

Vả lại tôi nhớ người Anh, người Pháp cũng có những câu tục ngữ như vậy:

Spare the rod and spoil the child

Qui aime bien châtie bien.

Nếu lý luận như vị giáo sư đại học nọ thì ta cũng có thể kết luận rằng người mẹ Anh, Pháp

cũng rất ít khi vuốt ve âu yếm con sao?

Ông Stuart Chase, trong tạp chí *Sélection du Readers Digest* số tháng 8 năm 1954, viết một bài về lỗi qui nạp hấp tấp. Tôi xin lược dịch lại để độc giả suy nghiệm:

“Tục ngữ nói: «Một con én không làm thành mùa xuân»[\[17\]](#)

Bạn lái xe qua một thôn nhỏ và thấy một người say rượu trên vỉa hè. Rồi thấy một người say rượu thứ nhì. Bạn nói với người đồng hành:

- Xứ này toàn là dân say rượu.

Lát sau xe bạn chạy 100 cây số một giờ qua một cánh đồng. Một chiếc xe khác qua mặt bạn cái vù, coi xe của bạn như một cái trụ bên đường, chẳng thèm để ý tới. Một chiếc xe khác cũng vượt bạn như vậy. Người đồng hành quay lại phía bạn, nói:

- Trên đường này, toàn những thằng điên lái xe.

Không phải mới đây loài người có cái thói lý luận đáng giận đó, mà từ thời Aristote đã có rồi (...). Lỗi lầm là không chịu đếm những con én trước khi bảo rằng mùa xuân đã tới.

Trong một cuộc thảo luận về sự chu cấp cho các người già cả, bạn có bao giờ nghe thấy một người nói như vậy không? «Có nguồn tin chắc chắn cho tôi biết rằng một ông già nọ có một ống tiền khá lớn. Mà ông ta than là nghèo khổ để lãnh phụ cấp. Chu cấp cho người già là bị bịp.»

Có thể rằng trường hợp kẻ đó hoàn toàn đúng, nhưng mới có một thí dụ mà đã vơ đũa cả nắm, thì đúng là hơi vội.

Hai ông bạn thân của tôi mới tranh biện về những tai hại của thói uống rượu. Một ông đưa những thống kê ra để chứng minh rằng đa số những người nghiện rượu nặng không sống lâu. Ông kia bẻ ngay, vẻ đắc thắng:

- Phải, nhưng ông bác tôi ngày nào cũng tu hết một chai Whisky mà vẫn sống được 93 tuổi!

Theo ông ta thì bằng chứng đó không thể cãi được. Như vậy người ta có thể tranh biện nhau hằng giờ mà chẳng đi tới đâu cả. Cứ kẻ này kể một thí dụ thì kẻ kia đưa ra một thí dụ ngược lại. Khi nào bạn thấy một người đưa ra một thí dụ độc nhất để muốn chứng thực một điều gì, thì bạn có thể bảo ông ta như vậy:

- Xin lỗi ông, thí dụ đó điển hình tới mức nào? Nó có phải là một chứng cứ không hay chỉ là để làm sáng tỏ thuyết của ông thôi?

(...) Những thành kiến về người da đen, người Do Thái, người ngoại quốc thường do lỗi vơ đũa cả nắm đó. Một hai kỷ niệm riêng gây ra lòng thù oán cả một nhóm người. Ở thế giới này, biết bao sự xung đột, nổi đau khổ, cuộc tàn sát mà nguyên do là qui nạp vội vàng!” (...)

Và chúng ta phải buồn rầu mà nhận rằng ai cũng đã có lần mắc cái lỗi tai hại đó!

B. Qui nạp hóa ra ngoài

Bạn đã nhiều lần trông thấy những đồ biểu cho biết sự gia tăng dân số của một nước nào đó, trong một thời gian nào đó? Tôi thí dụ là dân số của Hoa Kỳ từ năm 1800 đến năm 1860.

Trong thời gian đó dân số Hoa Kỳ cứ hai chục năm lại tăng lên gấp đôi. Thế rồi ta kết luận rằng, sau khoảng đó, dân số cũng sẽ tăng lên gấp đôi trong 20 năm, nghĩa là ta kéo dài đường thẳng biểu diễn ra ngoài bản đồ [\[18\]](#), và ta thấy tới năm 1960 dân số Hoa Kỳ lên tới 1 tỷ, mà thực sự dân số đó mới vào khoảng 200 triệu, nghĩa là sai tới 500%.

Như vậy có khác gì thấy một đám thợ đang xây móng bằng đá ta vội kết luận rằng toàn ngôi nhà sẽ bằng đá không?

C. Tiên đoán sai

Thí dụ tôi vừa kể về dân số Hoa Kỳ là một trường hợp tiên đoán sai. Trong trường hợp đó, ta căn cứ vào cách thức quá khứ của một sự kiện để đoán cách thức tương lai của nó.

Nhiều khi người ta căn cứ vào một sự kiện xảy ra chỉ hơi giống với sự kiện mà người ta muốn đoán thôi. Ví dụ sự tiên đoán về khí tượng. Người ta nhận xét, ghi chép những biến đổi về thời tiết: nhiệt độ, áp lực của không khí, gió, mây, trời, nước... cùng những kết quả (sinh ra bão, hay mưa, nắng...), rồi lần sau thấy có những thay đổi tương tự về thời tiết người ta đoán cũng sẽ có kết quả đó, hoặc nắng, mưa, bão hay không.

Những tiên đoán đó căn cứ vào sự thực, có tính cách khoa học mà cũng có khi sai (100 lần thì có 5 lần sai).

Còn những tiên đoán không căn cứ vào cái gì chắc chắn thì dễ sai hơn nhiều. Hồi cách mạng Nga mới phát, năm 1917 thì biết bao chính khách Châu Âu dựa theo cách mạng Pháp năm 1789 mà đoán sự diễn tiến của cách mạng Nga và họ đã lầm hết.

Đầu thế chiến vừa rồi, một người Pháp bảo tôi: “Rồi đây ông coi, quân Đức sẽ bị chặn đứng ở miền bắc nước chúng tôi, như hồi đại chiến trước, họ đã bị chặn đứng ở Verdun.” Sự thực vài tháng sau họ đã vào Paris. Rồi chiếm trọn nước Pháp.

Chúng ta cũng thường đoán sai như vậy: thấy một em nhỏ học dở, đoán sau này không thể đậu tú tài được; nhưng vẫn có những trẻ 15, 16 tuổi mới phát, chỉ trong một hai ba năm vượt tất cả những bạn cũ. Vậy về nhân sự, những tiên đoán của chúng ta chỉ có tính cách ức thuyết, chưa nên tin chắc là đúng.

D. Liệt cử thiếu sót

Đọc báo chí, ta thường thấy người ta khoe một môn thuốc nọ rất thần hiệu rồi chép cả lại những bức thư của bệnh nhân cảm ơn nhà thuốc đã chữa được hết bệnh. Dù những bức thư đó có thực, chứ không phải do họ viết lấy hoặc nhờ một người quen viết cho, thì những chứng cứ như vậy cũng không có giá trị gì cả, vì không đủ chứng thực một điều gì. Có thể rằng môn thuốc đó trị được 100 người nhưng trong 500 lần khác thì vô hiệu.

Khoa Đông Y hồi xưa không biết dùng thống kê. Tôi đã biết nhiều ông lang cho con bệnh một toa thuốc; con bệnh về uống một hai thang rồi trở lại nói là khá, mười phần bớt được hai ba, và xin đổi toa. Ông lang thêm bớt vài vị, người bệnh mang toa về, sau không thấy trở lại nữa. Ông lang đó vội kết luận rằng bệnh đã hết hẳn và toa thuốc của mình là thần phương. Có biết đâu con bệnh vì không thấy bớt thêm, nên không trở lại, mà đi thầy khác. Mà dù bệnh có hết thì cũng chưa đủ tin là thần phương. Có thể rằng con bệnh dùng những thuốc của các ông lang trước gần tới lúc công hiệu, thì vì nóng lòng, bỏ đi tìm thầy khác, thầy này ra một toa “không thưởng không phạt” và bệnh nhờ những thuốc trước mà giảm hẳn rất mau. Thành thử công của người trước mà người sau được hưởng.

Cho nên đọc sách Đông Y, thấy ghi những “thần phương” tôi thường nghi ngờ. Giá hồi xưa các cụ biết làm thống kê, ghi hết những trường hợp công hiệu và không công hiệu của mỗi phương, thì số “thần phương” sẽ giảm đi nhiều lắm.

Và hiện nay, nhiều trường tư thục ở nước ta cũng dùng lối liệt cử thiếu sót để khoe kết quả: người ta chỉ cho biết bao nhiêu học sinh thi đậu mà không cho biết số đậu đó là bao nhiêu phần trăm tổng số học sinh; có trường làm ra vẻ đứng đắn hơn, ghi tỷ số đậu, nhưng lại không thành thực trong khi tính tỷ số; những học sinh ở trường công chỉ lại học thêm một hai môn buổi tối, trong ba bốn tháng người ta cũng coi họ như học sinh ở lớp đệ tứ hay đệ nhị của trường.

3. Những lỗi phải tránh khi loại suy

A. Đừng vội đứng trên một khu vực mà kết luận trên một khu vực khác

Tôi lấy một thí dụ thông thường mà rất quan trọng. Về giáo dục, chúng ta có nên uốn nắn trẻ ngay từ nhỏ cho nó theo cái khuôn hợp với khung lý luận và xã hội của ta không, hay là nên để cho chúng tự do phát triển? Người ta bảo trẻ cũng như cái cây non không nên chặt những mầm non, cành non của nó, mà phải cho cành nó lớn lên, xum xuê rồi mới coi xem cành nào nên để thì để, nên cắt thì cắt.

Ta thử xét xem lý luận đó có giá trị gì không? Nếu người ta chỉ muốn khuyên ta không nên rầy mắng trẻ, làm trái ý chúng hoài thì ta nhận là đúng. Nhưng thực ra lời đó có ý này: để cho tự do phát triển rồi *sau mới* cắt xén. Loại suy như vậy là sai vì diệt một thói quen với cắt một cành là hai việc khác nhau. Cắt một cành, nếu là cành nhỏ thì cây chẳng làm sao cả; còn diệt một thói quen thì có khi làm thay đổi cả tính tình của trẻ đi, vì tính tình của trẻ gồm nhiều thói quen mà thói quen này liên quan với thói quen khác. Vậy giáo dục không phải là việc cắt xén mà là việc săn sóc, hướng dẫn, sửa đổi tập cho trẻ thích nghi lần lần.

Lý luận như trên là đứng trên khu vực sinh lý mà kết trên khu vực tâm lý.

B. Tránh những lỗi so sánh nguy hiểm

Đã lâu rồi, một lần Winston Churchill diễn thuyết ở Hyde Park (Luân Đôn) về chương trình xây dựng lại nhà cửa. Một kẻ nhả ra ngắt lời ông, hỏi quần chúng:

- Ông Churchill mất năm năm mới xây xong một bức tường trong biệt thự của ông thì làm sao có thể thực hiện được một chương trình cất 300.000 ngôi nhà trong một năm?

So sánh như vậy thật vô lý. Ông Churchill xây lấy tường để tiêu khiển, lúc nào rảnh vui thì làm, không thì nghỉ; có liên can gì tới chương trình kiến thiết của quốc gia mà ông sẽ đề nghị với chính phủ?

Ông Stuart Chase khi kể lại truyện đó trong tạp chí *Sélection du Reader's Digest* số tháng 2 năm 1958, nói rằng kẻ phản đối Churchill chắc đã đạt được mục đích là gây một chút ác cảm với Churchill trong số thánh giả. Quần chúng bên Anh cũng thế à?

Nhưng nhiều chính khách Hoa Kỳ cũng so sánh lạ lùng như vậy. Thế chiến vừa rồi, họ bảo năm 1787 giành được độc lập rồi, 13 xứ của họ đã họp nhau lại, nhường lẫn nhau để lập một Hiến Pháp chung, thì tại sao các nước ở thế giới hiện nay không tìm hiểu nhau, thỏa thuận nhau để lập một Hiến Pháp chung cho vạn quốc? Tại sao ư? Tại tình thế khác nhau. Mười ba xứ Hoa Kỳ gần như cùng một ngôn ngữ, một lối sống, một phong tục, cùng trên một cõi, còn các nước Anh, Đức, Pháp, Trung Hoa, Nhật, Hoa Kỳ hiện nay đâu có được tính cách hợp nhất đó?

Muốn tránh cái bẫy của lỗi so sánh, ta nên tự hỏi câu này:

Người ta so sánh như vậy để làm gì? Chỉ để cho lời lẽ thêm bóng bẫy, hay còn chứng thực một điều gì?

Hai việc người ta so sánh với nhau đó có thực là y như nhau không? Hay chỉ có bề ngoài giống nhau?

Và mỗi khi muốn so sánh, ta cũng nên tự hỏi ta hai câu đó.

4. Những lỗi phải tránh khi phản chứng

A. Những song quan giả

Song quan là một lỗi phản chứng. Lỗi này rất công hiệu, nhất là khi ta muốn bác lý luận của ai, dồn họ vào chỗ bí.

Muốn chứng minh một điều gì là đúng (hoặc tốt), bạn chứng minh rằng điều trái với điều ấy, xét về mọi phương diện, đều không thể có được (hoặc xấu xa).

Ví dụ, bạn muốn khuyên ai đừng đánh bạc, ta bảo:

“Nếu ông tập đánh bạc thì một là ông phải chống cự với máu cờ bạc, hai là ông phải để cho nó sai khiến. Chống cự với nó ông sẽ khổ sở vì ông luôn phải phấn đấu; mà ông để cho nó sai khiến thì ông sẽ mất nhân phẩm. Vậy đừng nên tập thói đó.”

Vì ta đưa ra hai trường hợp để bác cả hai, nên lỗi đó có tên là song quan nghĩa là hai cửa. Ta bịt được hết cả hai cửa là ta thắng.

Nhưng có những song quan giả, có hai cửa rồi, lại thêm có một cửa thứ ba nữa mà ta không ngờ.

Nếu tôi nói: “Bất kỳ số nguyên nào cũng lớn hơn 5 và nhỏ hơn 5 thì chắc bạn cho tôi là nói bậy, vì có một số nguyên không lớn hơn 5, cũng không nhỏ hơn 5, số đó chính là số 5.”

Mười năm trước đây, người ta thường nghe nói:

Ai không nghe theo chánh phủ là chống chánh phủ (chánh phủ thực dân).

Đó cũng đều là những song quan giả.

Chính Pascal cũng đã mắc lỗi đó. Ông đề nghị với chúng ta chơi sắp ngựa, hễ ngựa là có Thượng Đế, sắp là không có Thượng Đế, rồi bảo:

“Ta thử cân nhắc thiệt hại (...) Ta xét hai trường hợp: Nếu ông ăn thì ăn hết, nếu thua thì chẳng mất gì cả. Vậy đừng do dự, cứ cá rằng có Thượng Đế đi”.

Ông Marcel Boll, trong cuốn *L'Education du jugement* đưa ra những thí dụ đó, rồi khuyên ta mỗi khi lý luận chỉ có hai trường hợp “một là, hai là...” thì nên xét thêm một trường hợp nữa: “ba là...”. Ông thật mĩa mai.

B. Những song quan không cần

Tôi đã ví lối song quan như lối dùng hai cửa, hoặc chẹn cả hai để dồn người ta vào chỗ bí, hoặc chẹn một cửa để bắt người ta phải thoát ra cửa kia.

Trong lối đó, cái phần có thể xảy ra của hai trường hợp phải ngang nhau thì lý luận mới không lầm. Ví dụ ta gieo một đồng tiền. Nó rơi xuống, hoặc sấp hoặc ngửa. Nếu gieo thật nhiều lần: 100 lần, 1.000 lần, 10.000 lần thì thấy số lần ra ngửa ngang ngang với số lần ra sấp. Người Pháp gọi như vậy là équipossible mà tôi dịch là đẳng khả.

Có nhiều song quan mà hai trường hợp không có tính cách đẳng khả. Chẳng hạn như có thể nói ngày mai hoặc tôi còn sống, hoặc tôi sẽ chết, không thể có trường hợp thứ ba. Nhưng ta còn khỏe mạnh, thì phần sống chắc hơn là phần chết, nghĩa là hai trường hợp đó không đẳng khả. Vậy ta không thể kết luận: hai phần của tôi có một phần chắc chết trong đêm nay.

Chính nhà bác học danh tiếng D'Alembert cũng đã mắc lỗi ấy, mặc dầu nhà toán học Euler vạch rõ cho ông, chứng minh cho ông mà ông vẫn ngoan cố giữ ý kiến của mình. Vậy thì hạng thường dân như chúng ta có thể đã mắc năm sáu lỗi sơ đẳng đó mà không biết. Ta đừng nên cười ai hết.

5. Những lỗi khác thường mắc

A. Làm một việc thường xảy ra với một việc luôn luôn xảy ra

Ví dụ ta nói:

Ông Tâm từ trước đến nay không hề lầm lẫn

Mà ông có ý kiến đó

Vậy ta phải theo ý kiến đó.

Ta đã kết luận vậy, vì sự kiện từ trước tới nay ông Tâm không hề lầm chưa đủ chứng thực rằng từ nay về sau ông ấy không thể lầm được.

B. Lầm về nguyên nhân

Một tình trạng có thể có nhiều nguyên nhân: như sự học kém của trẻ. Nếu thấy một em học dở, ta không chịu xét là tại em ấy thiếu sức khỏe, hoặc không đủ sức theo bài giảng, mà vội đổ cho em là làm biếng thì lầm lẫn của ta có ảnh hưởng không tốt tới trẻ.

C. Lầm nguyên nhân với kết quả

Đầu năm 1960, trên báo Tự Do, có một cuộc thảo luận khá rộng về vấn đề chuyển ngữ ở bậc Đại học. Một số sinh viên phàn nàn rằng “bức tường Pháp ngữ” đã ngăn cản họ, không cho họ hiểu được những bài giảng của giáo sư, họ ngồi nghe trọn giờ mà chỉ lồm bồm được ít lời, đến nỗi nhiều người thất vọng, chán nản, cuối năm đa số thi rớt.

Một giáo sư bảo là tại những sinh viên đó làm biếng, chứ nếu họ chịu khó nghe và tìm tòi học hỏi thêm thì chỉ sáu tháng là phải nghe quen.

Giáo sư đó đã lầm nguyên nhân với kết quả. Vì bài giảng bằng ngoại ngữ họ hiểu không nổi nên sinh ra chán nản, không muốn học, chứ không phải họ làm biếng không muốn học nên nghe không nổi bài giảng. Lỗi đó nặng như lỗi của Bernardin de Saint Pierre trong câu:

“Trái dừa trời chia sẵn ra từng múi để cho loài người chia ra ăn trong gia đình.”

Biết bao người nói: “Trời cho ta mắt để ta ngó.” Chỉ nên nói: “Ta có mắt và ta ngó bằng mắt”, còn cái sự tiến hóa của vạn vật từ khi khai thiên lập địa cho đến ngày mà loài người có mắt, thì lại là một vấn đề khác hiện nay chưa ai có thể giảng được.

D. Phải coi chừng sự ngẫu hợp

Tôi thấy một người đi chơi trong rừng, tôi nghe một tiếng súng rồi tôi thấy người đó té xuống chết: tôi có thể kết luận ngay rằng phát súng đã giết người đó, mà không cần phải điều tra, xem xét gì nữa không?

Tất nhiên là không. Vậy một sự ngẫu hợp chưa đủ làm nguyên nhân. Biết đâu người đó chẳng bị chứng đau tim, nghe tiếng súng giật mình, đứt mạch máu mà chết. Ít nhất ta cũng phải xem xét người đó có bị thương vì viên đạn không rồi mới có thể quả quyết được.

Tôi lại xin tóm tắt một bài nữa của Stuart Chase trong tạp chí *Sélection du Reader's Digest* số tháng chạp năm 1954.

“Con gà trống trong kịch nổi danh *Chantecler* của Rostand tin rằng tiếng gáy buổi sáng của nó làm cho mặt trời mọc. Nó chẳng nhận thấy rằng có lẽ nó gáy xong là mặt trời mọc đấy ư?

“(…) Khi hai việc xảy ra liên tiếp nhau, ta thường cho rằng việc trước là nhân mà việc sau là quả. Đây, một thí dụ (…) Xưa kia người ta nhận thấy rằng những người đi chơi đêm thường bị bệnh sốt rét. Người ta kết luận rằng không khí ban đêm là nguyên nhân, rồi tìm cách ngăn không khí ban đêm không vào được phòng ngủ. Nhưng một nhà bác học, tên là Waler Read không tin những lời nhảm nhí đó, thí nghiệm rồi tìm ra rằng bệnh đó do một loài muỗi chích mà sinh ra. Loài đó thường chích ban đêm nên người ta mới tưởng rằng không khí ban đêm độc.

“(…) Lỗi ngụy luận đó sinh ra rất nhiều sự hiểu lầm và xung đột.

“Nhân loại rất sợ cái gì mập mờ. Mỗi khi không kiểm ra được nguyên nhân của một hiện tượng nào đó, chúng ta thường hay lo sợ đau khổ. Một lý do, dù sai đi nữa cũng còn hơn là không có lý do. Đây, một trường hợp rất bình thường: nửa đêm bạn thức dậy, thấy đau bao tử. Bạn tìm nguyên nhân, nhớ lại xem ban ngày đã ăn những gì: “À! Tại trái dưa đó rồi!” Nguyên nhân có thể phức tạp hơn nhiều: do ăn thức ăn cũng có, do thần kinh cũng có, do tranh biện khá hăng trong bữa cơm, lo lắng vì có tin sắp đuổi bớt nhân viên... Nhưng đổ tội riết cho trái dưa vẫn là dễ hơn.

“Nhiều sự dị đoan nguồn gốc ở những diễn dịch vội vàng đó. Một buổi sáng bạn gặp một con mèo đen và ngày hôm đó bạn mất ghế chủ tịch. Kết luận: gặp mèo đen là một điềm gở (…)

“Bạn có nghe thấy người ta nói rằng mùa hè để sữa trong một bình bỏ ngỏ, thì hẳn có tiếng sấm là sữa chua không? Thực ra là tại những ngày đông tố, không khí thường oi bức làm cho vi khuẩn dễ sinh sản mà sữa hóa chua, chứ sấm chớp không liên can gì tới cả.

“Thổ dân ở quần đảo Nouvelles Hébrides tin rằng loài rận làm cho con người khỏe mạnh vì họ nhận thấy rằng nhiều người khỏe mạnh có rận; còn người bình thường không có. Sự thực như vậy: ở xứ nóng, nhiệt độ người bệnh thường lên, mà loài rận không ưa máu nóng nên đi tìm người khác.

“Các nhà chiêm tinh cũng thường hay dùng lối lý luận đó để đoán tương lai. Theo họ, tinh tú khi di chuyển, ảnh hưởng tới nhân sự.

“Môn quảng cáo cũng lạm dụng lối đó: *Cô ấy có ý trung nhân!... Cô ấy dùng phấn Tartempion!* (...) Hiểu ngầm rằng: muốn có ý trung nhân thì phải dùng phấn Tartempion. (...) Một ông lớn nọ chỉ uống rượu bia hiệu đó, vậy bạn cũng uống rượu bia hiệu đó là sẽ thành ông lớn.

“Ngay những người siêu quần cũng không tránh khỏi cái bẫy của lối ngụ luận đó. Chẳng hạn đại sử gia Gibbon nhận thấy rằng Ki-tô giáo phát triển đúng lúc đế quốc La Mã suy tàn, rồi kết luận rằng Ki-tô giáo làm cho đế quốc suy tàn. Ngày nay không còn sử gia nào bênh vực thuyết đó nữa.

“(…) Có ba trường hợp làm ta dễ mắc bẫy:

Trường hợp thứ nhất: một việc xảy ra, rồi ngay sau đó, một việc khác xảy ra, làm cho ta ngỡ rằng việc trước là nguyên nhân của việc sau, mà sự thực không liên quan gì với nhau cả.

Trường hợp thứ nhì, thường hơn: việc A với B chỉ có liên lạc xa với nhau trong một toàn thể gồm nhiều nguyên nhân khác nữa.

Trường hợp thứ ba: hai đường biểu diễn A và B cùng tiến lên song song với nhau mà khó gỡ ra được mỗi manh, đâu là nhân, đâu là quả, hoặc khó tìm được một yếu tố thứ ba làm nguyên nhân cho cả hai (như trường hợp giá rượu Rhum với tiền công trong các đám táng cùng tăng lên một lúc).

“Các nhà bác học bảo rằng phần đông các hiện tượng mà chúng ta nhận xét có nhiều nguyên nhân dính với nhau như một chùm hoặc một chuỗi, một sự kiện kéo dài ra. Một hiện tượng song song nào cũng có thể cho ta một lối giảng đúng thì có biết bao lối giảng sai! (...) ”

“Cho nên, trước khi kết luận rằng có liên lạc nhân quả giữa hai việc, bạn nên tự hỏi có đủ dữ liệu về vấn đề hay không đã. Nếu không mà còn nghi ngờ thì nên thận trọng là hơn.”

Tôi đã trích gần trọn bài của Stuart Chase vì nó rất quan trọng. Chỉ nhớ kỹ lời khuyên của tác giả, chúng ta cũng tránh được nhiều hành động vô lý, nhiều sự phán đoán ngu xuẩn, nhiều sự xung đột vô cớ và bỏ được nhiều dị đoan.

E. Cái vòng luẩn quẩn

Đáng lẽ phải chứng minh cả hai chân lý thì ta lại dùng chân lý này để chứng minh chân lý kia, như vậy là mắc vào cái vòng luẩn quẩn.

Ví dụ muốn chứng minh rằng vị X là một ông thánh, bạn nói: Nếu vị X không phải là một ông thánh thì sao lại có những phép màu này nọ được. Nhưng tới khi người ta bảo bạn chứng minh rằng vị X làm được những phép màu đó thì bạn lại đáp rằng vị X tất nhiên phải làm được những phép màu đó vì ngài là một vị thánh kia mà, phép gì mà chẳng làm được?

Một ông bạn tôi kể chuyện một lần cầu cơ. Một “vị” nào đó giáng cơ, tự xưng là Tô Đông Pha, mà ý tưởng non nớt, lời lẽ quê mùa. Ông bạn tôi hỏi một người trong đám:

- Tô Đông Pha sao biết tiếng Việt?

Người đó, cũng hơi có tri thức, còn do dự, thì một bà đứng lên, nhanh nhẩu đáp ngay:

- Ngài là thánh thần, cái gì mà chẳng biết?

Ông bạn tôi lại hỏi:

- Tôi biết Tô Đông Pha là một văn hào đời Tống, chứ chưa nghe có công đức gì với dân tộc Trung Hoa mà sao được tôn là thánh thần?

Một bà khác trề môi ra vẻ khinh khỉnh ra mặt:

- Không thánh thần sao giáng cơ được?

Tôi mong cho trường học bỏ bớt một vài môn nào chỉ có ích cho ký tính đi mà tập cho thanh niên biết lý luận, phán đoán, suy xét. Như vậy chỉ trong một thể hệ nhân loại có thể tiến mau hơn là trong một thế kỷ.

F. Giá trị của sự lý đảo

Ta nói: không ăn thì đói.

Đó là một sự lý đúng.

Nếu ta đảo lại, nói: Người nào đói là người ấy nhịn ăn.

Sự lý đảo này cũng đúng.

Hễ là người thì ai cũng chết.

Đó là một sự lý đúng nữa. Nhưng đảo lại, nói:

Cái gì chết đều là người cả.

Thì sự lý đảo này sai, vì loài vật cũng chết, cây cỏ cũng chết, không phải chỉ riêng có loài người.

Vậy một sự lý đúng có thể có một sự lý đảo đúng, nhưng không phải sự lý nào đúng cũng có một sự lý đảo đúng. Ba chục năm trước hồi tôi còn đi học, các giáo sư toán ít chú trọng đến tính cách đảo của các định lý, gặp định lý nào có phần đảo, các ông chỉ giảng qua thôi. Ngày nay chương trình toán đã nhấn mạnh vào những khái niệm định lý đảo, điều kiện ắt có và đủ.

Tôi xin nhắc lại những khái niệm đó. (Bạn nào chưa học tới lớp đệ ngũ ban trung học không cần đọc đoạn dưới đây.)

Một tam giác cân (nghĩa là có hai cạnh bằng nhau) có hai góc bằng nhau.

Đảo lại.

Một tam giác có hai góc bằng nhau là một tam giác cân (nghĩa là có hai cạnh bằng nhau).

*Đó là những định lý đã được chứng minh là đúng, và ta bảo điều kiện có hai góc bằng nhau là điều kiện **ắt có** và **đủ**,* nghĩa là hễ một tam giác mà cân thì **ắt có** hai góc bằng nhau mà một tam giác có hai góc bằng nhau thì **đủ** cho ta kết luận rằng tam giác đó cân.

Nhưng có khi một điều kiện **ắt có** mà **không đủ**. Thí dụ hai tam giác bằng nhau thì **thế nào cũng có** những góc bằng nhau từng cặp một; nhưng điều kiện đó **không đủ** cho ta kết luận rằng hai tam giác đó bằng nhau; còn phải thêm một điều kiện nữa, chẳng hạn có thêm một cạnh bằng nhau.

Lại có những điều kiện **đủ** mà **không nhất định là ắt có**. Chẳng hạn hai góc nhọn nếu có những cạnh thẳng góc với nhau thì bằng nhau.

Điều kiện có cạnh thẳng góc với nhau đó là đủ rồi; nhưng nó không nhất định là phải có vì

ngoài trường hợp ấy ra, thiếu gì trường hợp hai góc nhọn bằng nhau mà cạnh không thẳng góc với nhau, có khi song song với nhau, có khi lại nằm xiên xẹo với nhau.

Giảng cho học sinh hiểu rõ được điều đó là mở cho óc của họ được kha khá rồi.

Nhưng giá sau bài về những định lý đảo, ta đưa thêm ít thí dụ thực tế trong đời thì còn lợi cho học sinh nhiều nữa. Ta phải cho trẻ thấy chỗ vô lý của những lý luận dưới đây:

Con mèo nào cũng có bốn chân

Vậy hễ có bốn chân là con mèo

Bò là loài ăn cỏ

Con vật nào ăn cỏ cũng là bò.

Những lý luận đó sai vì điều kiện có *bốn chân* là điều kiện *ắt có* của loài mèo, chứ *không phải* là *điều kiện đủ* (ngoài bốn chân ra, mèo còn có nhiều tính cách khác nữa); mà không phải chỉ có loài bò là ăn cỏ, còn dê, ngựa, thỏ, hươu nai... nữa.

Trẻ thấy những vô lý đó và quen suy luận đúng rồi sau này mới khỏi mắc những lỗi chẳng hạn như vậy: thấy phàm là cộng sản thì chống Mỹ rồi kết luận rằng, hễ chống Mỹ là cộng sản.

G. Không đả tư tưởng mà đả người hoặc văn

Sau cùng còn một lỗi nữa nhiều người thường mắc là không phải đả lý thuyết, tư tưởng mà đả đời tư hoặc đả văn của đối phương.

Ông Stuart Chase kể chuyện có lần một luật sư Anh viết cho người giúp việc hàng chữ này: “Không có cách nào bênh vực thân chủ của mình được; ông tấn công luật sư của đối phương đi.” Nghĩa là kiếm cách vu oan, bôi nhọ luật sư của đối phương để cho các vị thẩm phán lạc lối.

Lỗi đó, thời nào cũng có người dùng. Cách đây khoảng một thế kỷ, Darwin và Huxley tìm được những định tắc tiến hóa của vạn vật. Rất nhiều tín đồ bất bình và phản đối kịch liệt, trong số đó có chủ giáo Wilberforce. Trong một cuộc tranh luận Wilberforce đuối lý, hỏi Huxley:

- Tổ tiên bên nội hay bên ngoại ông là khỉ?

Thính giả, hoan hô rầm rĩ lên, Wilberforce rất khoái chí. Nhưng các thức giả đều cho thái độ đó là khiếm nhã và chỉ tỏ rằng ông ta đã thua cuộc.

Câu chuyện đó được chép trong nhiều sách, và gần đây tôi được biết một người đã dùng gần đúng lời của Wilberforce để mỉa mai tác giả một bộ sách lịch sử thế giới.

Ông Nguyễn Duy Cần tác giả cuốn *Ốc sảng suốt* có lần ngạc nhiên rằng đối phương của ông – tôi nhớ đâu như là một học giả nào đó ở Bắc – không chỉ trích thuyết của ông lại bảo rằng một người viết văn còn sai – việc xảy ra cách đây khoảng hai chục năm – thì tư tưởng tất không có giá trị gì hết. Đã đành thường thường xét văn có thể đoán được trình độ học thức của tác giả, nhưng không nhất định rằng văn không thông thì tư tưởng phải sai hết, mà cũng không nhất định rằng viết văn hay thì tư tưởng đều đúng hết. Không trả lời về nội dung mà đi đả kích hình thức thì cũng không khác gì luật sư Anh ở trên kia, đả kích đời tư của luật sư đối phương.

Nhớ được điều đó, chúng ta tránh được nhiều bẫy, nhất là khi đọc báo của các đảng phái, mà cũng tránh được nhiều lỗi lý luận sai. Mỗi khi chỉ trích ai ta phải hỏi câu này: “Ta chỉ trích lý thuyết của người đó hay chỉ trích bản thân của họ.” Nếu ta ngờ rằng ta đã lạc ra ngoài khu vực lý thuyết, thì phải “tối” ngay lại.

6. Bảy trắc nghiệm

Độc giả đã biết những phép lý luận quan trọng, lại biết tránh nhiều lỗi trong khi kết luận. Bây giờ xin độc giả thử làm bảy trắc nghiệm dưới đây xem lý luận đã vững chưa.

Trắc nghiệm thứ nhất

Một người phân loại các tiếng trong ngôn ngữ, định nghĩa cảm từ như vậy:

“Cảm từ đặt trước dấu cảm!”

Cảm từ dịch tiếng interjection của Pháp (có sách gọi là thán tự). Định nghĩa đó ra sao?

Trắc nghiệm thứ nhì

Một nhà biên khảo viết:

“Trải qua mấy thế kỷ, người Việt cũng như người Tàu, chuyên môn vẽ chữ Hán (chứ không phải viết, vì mỗi chữ Hán, là cả một bức họa); thành thử năng khiếu hội họa đã có sẵn trong huyết thống đến khi ngòi bút lông chuyển qua ngòi bút sắt, người Việt vẫn giữ được danh tiếng là viết chữ mỹ lệ nhất thế giới, vì vậy nó mới có câu thành ngữ “Viết như rồng bay phượng múa.”

Lý luận đó sai ở chỗ nào?

Trắc nghiệm thứ ba

Có người lý luận rằng:

Cái gì hiếm thì đắt

Mà một căn nhà rẻ tiền thì hiếm

Vậy một căn nhà rẻ tiền thì đắt

Bạn xét xem họ ngụy luận ở chỗ nào?

Trắc nghiệm thứ tư

Anh em nhà đó là ba người

Mà Tri và Năng là anh em nhà đó

Vậy Tri và Năng là ba người.

Sai ở đâu?

Trắc nghiệm thứ năm

Báo đăng tin tất cả những hành khách hạng nhì trong chuyến tàu X đều thoát nạn. Bà Xuân có con đi trong chuyến tàu đó, bà ngờ rằng đã lấy vé hạng nhì. Bà lại hỏi hãng tàu, người thư ký lật sổ coi thì đúng là con bà lấy vé hạng nhì. Bà kết luận: vậy con bà thoát nạn.

Có chắc chắn như vậy không?

Trắc nghiệm thứ sáu

Bạn tưởng tượng có hai hạng người mà muốn cho tiện, ta gọi là hạng Trắng và hạng Xanh. Hạng Xanh luôn nói dối; hạng Trắng luôn luôn nói thực.

Ban đêm, bạn chèo thuyền ở biển, tiến vào bờ. Bạn lò mò thấy ba bóng người, bạn lớn tiếng hỏi:

- Các ông xanh hay trắng đấy?

Một người trả lời gì đó mà gió bạt đi, bạn nghe không ra. Người thứ nhì bảo:

- Hắn nói hắn trắng, mà đúng là hắn trắng. Tôi cũng trắng như hắn.

Người thứ ba cãi:

- Không, hắn xanh, tôi mới trắng.

Vậy mỗi người đó trong hạng nào?

Trắc nghiệm thứ bảy: Ngụy luận Epiménide

Epiménide là một thi sĩ ở Crète, thế kỷ thứ sáu trước Công nguyên. Ngụy luận đó như sau:

“Epiménide ở Crète bảo dân Crète nói dối. Mà Epiménide là dân Crète. Vậy Epiménide nói dối. Vậy dân Crète không nói dối. Vậy Epiménide không nói dối. Vậy dân Crète...”

Nếu tìm được lỗi trong năm trắc nghiệm đầu, bạn đã biết cách lý luận rồi; nếu tìm thêm được lỗi trong hai trắc nghiệm sau nữa thì bạn vào hạng rất giỏi.

DƯỚI ĐÂY LÀ NHỮNG CÂU TRẢ LỜI

Trắc nghiệm thứ nhất

Định nghĩa đó vô lý. Những tiếng mà tác giả gọi là cảm tự, như: ạ, ôi, hỡi ơi, than ơi... có lẽ xuất hiện từ hồi loài người mới có ngôn ngữ; còn “dấu cảm” (!) người phương Tây sau này mới đặt ra, và người phương Đông chúng ta cũng bắt chước họ mà dùng. Định nghĩa như vậy có khác gì bảo *loài người là sinh vật ăn cơm* không? Trước khi trồng được lúa, chưa có cơm để ăn, tổ tiên ta cũng là loài người; mà những giống người không ăn cơm, chỉ ăn bắp hoặc bánh mỳ cũng gọi là người chứ?

Trắc nghiệm thứ nhì

“Người Việt vẫn giữ được danh tiếng là viết chữ mỹ lệ nhất thế giới”, là vô bằng cứ. Người Trung Hoa, người Nhật, người Triều Tiên cũng vẽ *chữ Hán*, mà có lẽ còn vẽ sớm hơn ta nữa; vậy thì cái việc vẽ chữ Hán chưa đủ chứng minh ta viết chữ mỹ lệ *nhất* thế giới.

Vì vậy mới có thành ngữ: “*Viết như rồng bay phượng múa*”, thành ngữ này cũng không áp dụng riêng vào dân tộc Việt Nam.

Trắc nghiệm thứ ba

Lý luận sai ở đại tiền đề. Không nhất định rằng cứ hiếm thì đắt; nhưng hễ hiếm thì hóa ra đắt.

Lý luận như vậy mới đúng:

Cái gì hiếm thì do nhiều người đòi hỏi, giá sẽ tăng lên mà hóa đắt. Mà những căn nhà rẻ tiền thì hiếm, vậy những căn nhà đó, do nhiều người hỏi giá, giá sẽ tăng lên, mà không còn rẻ tiền nữa.

Trắc nghiệm thứ tư

Lỗi ở chỗ hiểu sai đại tiền đề. Là đó không chỉ một tính cách, như là ở tiểu tiền đề, mà chỉ có nghĩa là có: *Anh em nhà đó có ba người*. Thay tiếng có vô như thế, ta thấy ngay là kết luận sai.

Trắc nghiệm thứ năm

Chưa chắc hẳn. Bà ấy mới kiểm soát xem phải con bà đi hạng nhì không. Còn phải kiểm soát xem lời đăng trên báo có đúng không nữa.

Trắc nghiệm thứ sáu đã trích trong tạp chí Sélection du Reader's digest số tháng tư năm 1955

Tạp chí đó trả lời:

“Nếu người thứ nhất xanh thì hẳn đã nói dối và đáp: “tôi trắng” [19]. Nếu hẳn trắng thì hẳn cũng nói rằng hẳn trắng. Vậy trong hai trường hợp, lời mà gió đánh bật đi, đều phải là: “tôi trắng”. Như vậy thì người thứ nhì nói đúng sự thực khi hẳn lặp lại lời của người thứ nhất. Vậy người thứ nhì trắng, còn người thứ ba chỉ có thể là xanh thôi.

Trắc nghiệm thứ bảy- Ngụy luận Epiménide

Cái bẫy ở trong câu đầu: “Epiménide ở Crète bảo dân Crète nói dối”. Ý Epiménide là: những người Crète *trừ y ra* đều nói dối. Nhưng câu đó có thể hiểu là tất cả dân Crète, *kể cả Epiménide*, đều nói dối, và người tìm ra được ngụy luận đó đã hiểu theo nghĩa thứ hai để làm cho ta lúng túng.

Ta thử xét xem ý thứ hai đó có thể đứng được không. Có hai trường hợp và chỉ có hai trường hợp: một là Epiménide nói dối, hai là y không nói dối.

Nếu y nói dối thì lời y tuyên bố: “dân Crète nói dối” là sai, mà dân Crète đây, theo nghĩa thứ hai gồm có cả y. Vậy thì tất cả dân Crète, kể cả y, không nói dối, điều đó trái với giả thuyết: Epiménide nói dối. Trường hợp đó không thể đứng vững được.

Nếu y không nói dối thì lời y tuyên bố: “dân Crète nói dối” là đúng, mà dân Crète, theo nghĩa thứ hai, gồm cả y. Vậy thì y cũng nói dối như người Crète khác, điều đó cũng trái với giả thuyết: Epiménide không nói dối. Trường hợp này không thể đứng được.

Vậy ta không thể hiểu câu “Epiménide ở Crète bảo dân Crète nói dối” theo nghĩa thứ nhì, nghĩa: dân Crète gồm cả Epiménide, vì hiểu như vậy thì câu đó vô lý.

Vả lại, theo tâm lý, một người nói dối không khi nào lại nhận mình nói dối. Vậy ta phải hiểu theo nghĩa thứ nhất: dân Crète, *trừ Epiménide* đều nói dối.

Ta cũng phân biệt hai trường hợp: một là y nói dối, hai là y không nói dối.

Trường hợp thứ nhất: y nói dối, thì những người Crète đều nói thực, vì lời tuyên bố của y sai.

Trường hợp thứ nhì: y nói thực, thì những người Crète khác đều nói dối.

CHƯƠNG V: VÌ THIẾU HIỂU BIẾT MÀ TA LÝ LUẬN SAI

1. Nhận xét

A. Thành kiến

B. Giá trị của nhận xét

C. Những điều nên nhớ khi nhận xét

a. Nhận xét bằng giác quan mới

b. Nhận xét nhiều lần

c. Kiểm soát lại

2. Điều tra – phỏng vấn

A. Có hai lỗi phỏng vấn

B. Cách hỏi

C. Lựa miền và lựa người

D. Người phỏng vấn phải có những đức gì?

E. Giá trị của kết quả

F. Kiểm soát chứng ngôn tài liệu

3. Thống kê và phân loại

A. Thống kê

B. Phân loại

Lý luận là phán đoán. Muốn phán cho đúng, luận phải đúng, mà muốn lý luận cho đúng thì sự hiểu biết của ta phải đúng. Dù là diễn dịch hay qui nạp thì ta cũng phải căn cứ vào sự thực (một sự lý đúng hoặc những sự kiện đúng). Mà muốn biết sự thực, ta cần phải học hỏi, nghĩa là phải nhận xét và điều tra: nhận xét những việc xảy ra trước mắt ta, điều tra những việc xảy ra ở xa ta về thời gian, hoặc không gian. Trong cuốn này tôi không nhắc lại phép đọc sách mà tôi đã bàn trong cuốn *Tự học để thành công*[\[20\]](#); và đọc sách cũng là một nhận xét, tra khảo để có một kiến thức rồi lý luận, phán đoán. Vậy hai việc cần thiết để hiểu biết vẫn là nhận xét và điều tra.

1. Nhận xét

A. Thành kiến

Sự nhận xét quan trọng nhất. Hầu hết những thành kiến gây ra những lầm lẫn trong sự phán đoán suy xét, đều do ta không chịu nhận xét hay là nhận xét không kỹ.

Hiện nay còn biết bao nhiêu người tin rằng người xông đất ngày nguyên đán có ảnh hưởng lớn đến đời sống của ta trong một năm, rằng xuất hành ngày mừng năm hoặc ra ngõ gặp gái là xui xẻo... Ở bên Pháp người ta tin rằng ve sầu do đất sinh ra, mãi đến khi Frabe, nhà côn trùng nổi danh, nhận xét mới thấy rằng con sâu non của ve sầu chui xuống đất để ở, khi lớn mới moi đất mà lên chứ không phải đất “tạo ra ve sầu”.

Theo Maurice Dorolle tác giả cuốn *La logique dans la vie* thì ở bên Pháp có hai thứ rau vào loại cây cần, một thứ thứ trắng, một thứ có đốm tím. Dân miền Champagne cho rằng thứ trắng không độc, thứ có đốm tím độc; trái lại dân miền Lorraine lại bảo thứ trắng độc, thứ có đốm tím không độc. Ông lại thí nghiệm thì chẳng có thứ nào độc cả.

Vậy dù là mọi người đều nói như nhau thì cũng vẫn chưa đủ cho ta tin: phải đích thân nhận xét nữa.

B. Giá trị của nhận xét

Edouard Clarapède, tâm lý trứ danh của Thụy Sĩ, bảo *giá trị của sự nhận xét không tùy sự kiện mà tùy tâm trạng, kiến thức của người nhận xét.*

Marcel Boll cũng nói: “Tất cả cái quá khứ của ta hoặc, ít nhất cũng là cái phần quá khứ còn lại trong bản thân ta “hướng dẫn” sự chú ý của ta. Ta thích cái gì mới chú ý tới cái đó; *hiếu được cái gì mới biết chú ý tới cái đó.* Vì vậy cùng đứng trước một cảnh vật, mỗi người nhận thấy một khía cạnh. Chẳng hạn ta cùng ra sân ngắm trăng, một nông phu để ý ngay đến cái quần chung quanh mặt trăng, nhớ tới câu tục ngữ “quầng càn tán mưa” mà lo còn nắng lâu, lúa sẽ héo; một nhà khoa học nghĩ tới ngày mà loài người có thể ngồi hỏa tiễn bay lên mặt trăng; còn một thi nhân nảy ra những thi tứ, lúc thì nhớ nhà:

Cử đầu vọng minh nguyệt

Đê đầu tư cố hương

Lý Bạch

lúc thì chán đời:

Đêm thu buồn lắm chị Hằng ơi!

Trần thế em nay chán nửa rồi.

Tản Đà

Mà nghĩ tới điều gì thì người ta chỉ nhận xét cái liên quan tới điều đó. *Ta chỉ thấy cái gì ta ngó và ta chỉ ngó cái gì trong óc ta.* Cùng đi ngang qua Quốc hội, ông chồng một kiến trúc sư, nhận xét cái cửa tò vò của quốc hội, cậu con mới học văn Quốc ngữ đánh vần chữ Quốc hội, còn bà vợ thì lại chỉ thấy những chiếc “xắc” kiểu mới bằng trúc trong tay một người thiếu nữ đương đi tới.

C. Những điều nên nhớ

Dù có để ý nhận xét kỹ thì những nhận xét của ta cũng chưa chắc đúng vì chính ngũ quan của ta không phải là những cơ quan hoàn toàn.

Tệ nhất có lẽ là cặp mắt của loài người. Vật nhỏ quá thì ta không nhìn thấy: chẳng hạn trang giấy bạn đang đọc, bạn thấy nó nhẵn mịn, nhưng dưới ống kính hiển vi, nó có khác gì tờ giấy nhám đâu.

Mà vật không có thì ta lại nhìn thấy.

Bạn thử viết cho tôi số bốn la mã ở trên mặt đồng hồ quả lắc trong nhà bạn. Đúng rồi, chữ I hoa bên trái chữ V hoa là gì? nhưng coi lại trên đồng hồ xem. Sai bét. Nó là bốn chữ I hay bốn số I La mã: IIII.

Image[\[21\]](#)

Và rất nhiều khi ta nhìn sai.

Xin bạn hãy coi những hình ở trên[\[22\]](#). Hình số 1 là hai hình vuông mà ta thấy một hình chiều cao dài hơn chiều ngang, một hình chiều ngang dài hơn chiều cao.

Coi hình số 2, ta có ngờ đâu đường xéo ở bên mặt là đoạn nối dài của đường xéo ở trên bên trái.

Hình số 3, bốn đường dọc tưởng như lệch lạc mà thực ra song song với nhau.

Rõ nhất là hình số 4: con đường hai mép song song với nhau mà ta tưởng phòng ở giữa và thon ở hai đầu.

Thọc một cây gậy xuống nước, ta thấy nó gãy; đi trên đường nhựa những buổi trưa nắng, ta thấy bóng người và xe đằng xa tiến lại, chiếu xuống mặt đường, tưởng chừng mặt đường ướt.

Tất cả những cái đó là ảo giác của thị quan.

Những nhận xét về màu sắc cũng dễ sai. Một lần ở Vũng Tàu, lúc trời sắp lặn, tôi thấy một chiếc ghe đi ở ngoài xa cách bờ độ năm sáu trăm thước, buồm đỏ như màu huyết. Tôi lấy làm lạ. Độ mười, mười lăm phút sau, màu đỏ tối lần lần trở thành màu nâu.

Cùng một màu hoa nọ, tôi gọi là tím, một ông bạn tôi gọi là đỏ, vì nó có tím mà có đỏ, tôi thấy tím nhiều, ông bạn tôi thấy đỏ nhiều. Lại nhiều trường hợp những người bị bệnh sắc manh không phân biệt được màu đỏ, màu xanh lá cây, hoặc màu xanh da trời, có kẻ không phân biệt được màu sắc nào cả.

Cho nên gặp ai cũng hung hăng cãi rằng: “Tôi đã trông thấy, trông thấy tận mắt tôi” thì ta có

thể mượn lời này của Edgar Poe mà bảo: “Ông chỉ nên tin một nửa những cái mà ông thấy thôi”.

Những giác quan khác của ta đều có thể nhận xét sai được; tôi chỉ xin kể thêm ít thí dụ về xúc giác, giác cảm mà ta có thể coi như là đúng nhất, đúng hơn cả thị giác, vì khi nhìn ta còn nhìn xa mà lầm chứ rờ thì ta tiếp xúc ngay với vật. Đi chân không trên gạch hoa ta thấy mát hơn là trên sàn gỗ; có phải nhiệt độ của hai vật đó khác nhau đâu, mà tại gạch hoa hút hơi nóng ở chân ta nhạy hơn gỗ...

Ta nhắm mắt lại vặn chéo hai ngón trở vào [\[23\]](#) giữa rồi dùng hai đầu ngón tay đó lăn một viên đạn đường kính khoảng một phân, thì ta có cảm giác là lăn hai viên chứ không phải một.

Tóm lại, khi ta nhận xét, ta thường để óc hoặc tâm trí chi phối, chỉ để ý tới những điều liên quan đến ta hoặc làm cho ta thích, mà bỏ những điều khác; và dù có nhận xét kỹ một điều nào thì nhận xét đó của ta cũng có thể sai vì chính những giác quan của ta không hoàn toàn.

Vì vậy, ta phải nhớ kỹ ba điều này:

(1) Nhận xét cho đủ, đừng bỏ sót một cái gì

Phải như nhà trinh thám lượm một cái nút áo hơi lạ ở nơi xảy ra án mạng rồi sau này gặp được người dùng kiểu nút áo đó mà tìm ra hung thủ. Phải như Fleming để ý tới một thứ nấm có tính cách sát trùng mà rồi chế tạo được thuốc Pénicilline, hoặc như Edison nghe thấy cái máy ông đương thí nghiệm bỗng nhiên lặp lại lời một người bạn mà chế tạo ra được máy hát.

Nhìn khắp khía cạnh cũng chưa đủ, phải rờ, ngửi, cân, nghe... Em nhỏ vì chưa biết gì, gặp cái gì cũng tìm hiểu nên tò mò hơn chúng ta; còn chúng ta thì tự giam mình trong bốn bức tường kinh nghiệm của mình. Phải phá cái ngục kinh nghiệm đó đi rồi mới tự do mà nhận xét thêm được nhiều. Nói cách khác, là phải *nhận xét bằng những giác quan mới*.

(2) Nhận xét nhiều lần

Có những việc xảy ra rất mau, cho ta một cảm giác rất phù du và dễ sai. Ngay những việc xảy ra trong một thời gian lâu, nếu chỉ nhìn thấy một lần ta cũng không thấy hết được.

(3) Sau cùng, kiểm soát lại những điều đã nhận xét

Thấy gậy thọc vào nước mà có vẻ như gãy, ta không tin ngay nó là gãy, rút nó ra khỏi nước xem có gãy thật không. Trong hình số 4 ở trên, ta đừng vội cho ngay là con đường thon ở hai đầu, mà phải lấy cây thước đo lại xem đã. Biết kiểm soát là một tánh rất khó tập vì nhiều khi ta yên trí rằng mọi vật hiện ra như trong óc ta tưởng tượng. Ai đã dò lại những bản chính mình đánh máy tất nhận rằng có khi dò hai ba lần mà vẫn còn lỗi, vì mắt ta không nhìn thấy chữ thực ở trên giấy mà nhìn thấy chữ hiện ở trong óc ta.

2. Điều tra – phỏng vấn

A. Hai lối phỏng vấn

Một cách điều tra là phỏng vấn – Có hai lối phỏng vấn:

- Hoặc trực tiếp lại hỏi.

- Hoặc gián tiếp gửi thư. Cách này tốn ít tiền mà hỏi được nhiều người, nhưng kết quả thường không như ý muốn; một số đông người không chịu trả lời; có kẻ lại muốn phá mình chơi, trả lời không đúng như ý họ nghĩ. Trong cuộc phỏng vấn năm 1959 của báo *Bách Khoa* về những truyện ngắn hay nhất, ký giả Nguyễn Hữu Ngự đã phỏng vấn 72 nhà trí thức mà chỉ có 42 người trả lời, tức được khoảng 58%. Kết quả như vậy là đáng kể, là khả quan. Nhưng ta nên nhớ già nửa đã do dự lâu, đợi ký giả nhắc hai ba lần rồi mới đáp. Lại thêm 5 người trả lời không đúng vào câu hỏi, và 9 người chỉ trả lời có phần nửa.

Ở bên Pháp, kết quả cũng gần gần như vậy. Theo Alfred Sauvy trong cuốn *L'opinion publique* (P.U.F. 1958) cứ trung bình 100 bức thư gửi đi thì lần đầu nhận được 24 bức trả lời, viết thêm bức nữa để thúc thì được thêm 16 bức hồi âm, thúc lần thứ nhì, thêm được 9 bức nữa, cộng lại được 52 bức, tức 52%. Thì ra, về việc phỏng vấn, tâm lý con người phương Đông hay phương Tây cũng không khác nhau là mấy.

B. Cách hỏi

Dù phỏng vấn lỗi nào thì cũng phải nghĩ trước rất kỹ những câu sẽ đem ra hỏi rồi thí nghiệm xem những câu ấy đặt có khéo không, người bị phỏng vấn có hiểu rõ ý muốn của ta không.

Có khi chỉ thay đổi lối hỏi mà những câu trả lời khác nhau rất xa. Đây là một thí dụ cổ điển:

Năm 1940, ở Huê Kỳ muốn biết dư luận quần chúng, người ta đặt câu hỏi theo hai hình thức:

- hình thức thứ nhất: Bạn có nghĩ rằng Huê Kỳ phải gắng sức hơn bây giờ để giúp Anh và Pháp không?
- hình thức thứ nhì: Bạn có nghĩ rằng Huê Kỳ phải gắng sức hơn bây giờ để giúp Anh và Pháp chiến đấu với Hitler không?

Kết quả như sau:

Về nội dung, hai câu hỏi y như nhau, chỉ thêm có tên Hitler vô mà thêm được 9% câu đáp nên giúp Anh, Pháp.

Câu trả lời	Hình thức thứ nhất	Hình thức thứ nhì
Phải gắng sức hơn	13%	22%
Không nên gắng sức hơn	75%	66%
Không có ý kiến	12%	12%

Đừng nên hỏi quá 10 câu. Bảy tám câu là hơi nhiều rồi. Mỗi câu phải đặt cách nào cho người ta có thể trả lời vắn tắt: “có” hoặc “không”.

Câu hỏi nên đặt theo một thứ tự tự nhiên.

Thí dụ: một nhà doanh nghiệp muốn điều tra về thị hiếu của các người tiêu thụ, có thể đặt những câu hỏi như sau:

- Ông (hoặc Bà) dùng nhãn hiệu nào?
- Ông luôn luôn dùng nhãn hiệu đó không?
- Bao lâu ông mua một lần?
- Theo ông nhãn hiệu nào tốt nhất? rẻ nhất?
- Ông có phản nản gì về các nhãn hiệu khác không?

Khi thí nghiệm và sửa đổi những câu hỏi rồi, mới lựa miền để điều tra và người để phỏng vấn.

C. Lựa miền và lựa người

Ví dụ, điều tra về sức tiêu thụ lưỡi dao cạo thì lựa các châu thành, đừng về nhà quê; điều tra trong châu thành Sài Gòn, Chợ Lớn thì nên lựa một quận có nhiều lao động, một quận có nhiều nhà buôn, một quận có nhiều công chức... Muốn điều tra ở khắp Nam Việt thì điều tra ở Sài Gòn, Chợ Lớn, vài tỉnh miền Đông, vài tỉnh miền Tây...

Trong cuộc phỏng vấn về truyện ngắn hay, tạp chí Bách Khoa đã lựa người để phỏng vấn: Các nhà văn, nhà thơ, giáo sư có nhiều tên tuổi, một số người trong môi giới.

Nếu muốn lựa 3000 người để phỏng vấn xem độc giả Việt Nam thích môn nào nhất trong tạp chí thì ta phải chia ra tùy theo số độc giả từng miền, chẳng hạn:

- riêng miền Sài Gòn – Chợ Lớn 1500 người
- miền Đông 700 người
- miền Tây 800 người

Về mỗi miền, lại nên phân phối theo một tỷ lệ nào đó, chẳng hạn:

- đàn ông 1/2
- đàn bà 1/4
- học sinh 1/4.

D. Người phỏng vấn phải có những đức gì?

Trên kia tôi đã nói câu hỏi có thể ảnh hưởng đến câu đáp. Người đi phỏng vấn cũng ảnh hưởng đến người bị phỏng vấn.

Phải vui vẻ, nhã nhặn, kiên nhẫn, biết tâm lý người thì phỏng vấn mới có kết quả. Nhất là không được có thành kiến. Chẳng hạn bạn thích truyện ngắn A của tác giả X, gặp ai cũng nói “Tôi thích truyện đó nhất. Ông thích nó không? Có phải nó hay hơn những truyện khác không?” thì bạn đã vô tình ảnh hưởng đến tư tưởng của người đó.

E. Giá trị của kết quả

Tuy vậy, ta cũng phải nhớ rằng những cuộc điều tra, phỏng vấn chỉ có một giá trị tương đối. Nó chỉ như một cái máy chụp hình, ghi được hình ảnh trong một lát của một vật thay đổi. Một người đã trả lời cuộc phỏng vấn của Bách Khoa về truyện ngắn sau khi tạp chí đã tuyên bố hết kết quả, nói với ký giả phụ trách cuộc phỏng vấn rằng: “Hồi đó tôi trả lời anh như vậy. Nhưng bây giờ, giá anh phỏng vấn lại thì có lẽ tôi trả lời khác, không lựa hết những truyện tôi đã lựa đâu”. Tâm lý đó rất thông thường.

Năm 1954, chính phủ Pháp phỏng vấn nếu tăng lương 20% cho công nhân thì họ sẽ dùng số tiền được tăng đó vào việc gì. Người ta hỏi 200 công nhân, 26% trả lời rằng sẽ để dành, 7% nói sẽ để dành trọn số lương được tăng. Ta có thể tin rằng khi được tăng lương rồi, những người trả lời như vậy sẽ giữ đúng lời của họ không? Tôi ngờ lắm: lúc chưa có tiền người ta có nhiều thiện chí hơn; đến khi tiền đã nằm ở trong túi, đi qua các cửa hàng rục rờ, thiện chí mới tiêu tan lần lần đi. Cho nên mười mấy năm trước, ta thấy công chức chỉ mong có “rappel” để trả nợ, mà sau hai lần “rappel”, số nợ của họ đã chẳng giảm lại cứ tăng lên. Nếu tin hẳn vào các cuộc phỏng vấn thì phán đoán có thể lầm lẫn nặng.

Chẳng những ý kiến thay đổi, đến tin tức của một người kể lại cũng càng xa gốc thì càng sai.

Nhà tâm lý Mỹ Gordon Allport năm 1943 làm thí nghiệm này: người ta lựa mỗi học sinh trung học cho vô một phòng chiếu hoạt cảnh nào đó; chẳng hạn như một cuộc ẩu đả, hoặc một tai nạn xe hơi. Mỗi lần chỉ cho một em vô thôi. Khi chiếu xong, bật đèn sáng lên, người ta mới cho em thứ nhì vô. Em thứ nhất kể cho em thứ nhì nghe những cái gì mới thấy trên màn ảnh, rồi đi ra, để em thứ nhì ở lại. Người ta tắt đèn, lại chiếu hoạt cảnh đó lên cho em thứ nhì coi. Coi xong, em thứ ba vô, cứ như vậy cho tới học sinh thứ mười. Khi em này vô phòng, nghe xong truyện phim rồi, người ta kêu cả chín em kia vô, bảo em thứ mười quay lưng lại màn ảnh, kể lại những điều đã nghe được, trong lúc đó, người ta chiếu lại phim cho chín em kia coi lại. Thì câu chuyện em thứ mười kể lại chỉ có rất ít liên lạc với sự thực trên màn ảnh, nhiều chỗ sai đến nỗi “cử tọa” phá lên cười.

Cùng một truyện đó, cũng do một người kể, mà lần thứ tư, thứ năm khác lần đầu khá xa. Không phải cố ý đâu. Người ta tưởng là kể đúng chứ nhưng người ta vô tình quên đi, hoặc tưởng tượng thêm, và khi đã kể nhiều lần quá, thì rút cục người ta nhớ những cái người ta mới kể hơn là nhớ những điều đã trông thấy. Bạn có thể thí nghiệm: gặp ai cũng nói rằng ngay từ hồi mười tuổi đã thích văn thơ hay âm nhạc chẳng hạn, đã được người lớn khen thế này thế nọ, như vậy độ bốn năm chục lần trong năm năm thì bạn sẽ tin điều đó là một sự thực.

Lời tôi nói có thể sai, nhưng tôi tin rằng nhận xét này của Alfred Binet đúng. Ông bảo trong các cuộc thẩm vấn, nếu người ta hỏi dồn một nhân chứng, người này mặc dầu không biết gì, riết rồi cũng thấy rằng mình bắt buộc phải biết, và trả lời cho có chứ không cần đúng nữa. Trả lời độ năm sáu lần như vậy thì người đó sẽ tin rằng lời mình nói là đúng.

Còn nguyên nhân nữa là bị ám thị. Ông F.Gorphe trong cuốn *La critique du témoignage* (Daloz) đã xét kỹ điều đó, và gần đây, ông L.Vérel cũng đã nhiều lần thí nghiệm trong đám học sinh.

Một ngày tháng hai, gần tới lễ Mardi gras, ông làm bộ ngẫu nhiên cho bốn trăm học sinh trai và gái coi một hình múa rối màu sắc rực rỡ. Một tuần lễ sau, đúng ngày Mardi gras, ông bảo các trò gái trả lời những câu hỏi mà ông đã ghi sẵn, về hình dáng và màu sắc của hình múa rối. Hôm sau ông bảo các trò trai cũng làm công việc đó.

Bốn trăm lễ hai đứa trả lời (hai trăm hai mươi bốn trai, một trăm bảy mươi tám gái) tính ra tỷ số không được ba phần trăm.

Ông thấy rằng những trẻ nhỏ chưa biết nhận xét, trả lời sai nhiều hơn hết. Và điều này mới đầu tưởng như khó hiểu: ai cũng thấy con trai nhận xét đúng hơn con gái mà lần đó thì ngược lại (tỷ số con trai đáp đúng là 2,2%, con gái là 2,8%). Ông cho rằng con trai đã bị ám thị, vì ông hỏi chúng sau khi chúng đã được coi những cuộc nhảy múa hôm Mardi gras, và những hình ảnh trong cuộc vui đó đã làm lu mờ, sai lạc ký ức về hình múa rối.

“Để thêm chứng cứ về tính cách dễ bị ám thị của trẻ, ông thí nghiệm. Sau khi chấm xong các câu hỏi, ông bảo học sinh rằng ít đứa cho biết hình đó có cầm gì trong tay không và có râu mép không (sự thực nó chẳng cầm gì cả, mà cũng không có râu). Rồi ông lại phân phát những tờ giấy ghi sẵn câu hỏi để chúng đáp lại. Ông đã ám thị chúng và kết quả là một trăm bảy mươi lăm đứa trả lời, thì có hai mươi lăm đứa chống nổi sự ám thị về bộ râu, và hai mươi bốn đứa chống nổi sự ám thị về màu sắc. Hầu hết chống lại một cách rất yếu ớt: “Con không nhớ rõ”; chỉ có hai đứa chống lại mạnh mẽ, không bị ám thị chút nào và giữ đúng những câu trả lời lần trước. Còn những trò khác thì đáp bậy bạ cả; tay thì cầm vật này, vật nọ, cả những vật kỳ cục; râu thì màu sắc ra sao, dài ngắn ra sao.”

Bảo chúng bị ám thị hết có lẽ không đúng. Chắc có đứa trả lời cho xong chuyện, hoặc để làm vui lòng thầy, hoặc thấy chúng bạn làm thì cũng làm, chẳng suy nghĩ gì cả. Nhưng hai thí nghiệm đó chứng tỏ rằng sự ám thị có thực. Tôi tiếc rằng chưa biết một thí nghiệm tương tự về người lớn, nhưng tôi có thể tin rằng chúng ta cũng không thoát khỏi luật ám thị đó, và những việc ma quỷ dị đoan mà trong một chương sau tôi sẽ xét, nguyên do một phần lớn ở sự ám thị.

Trong thí nghiệm trên, ta thấy có một phần bảy học sinh chống nổi sự ám thị về màu sắc. Ta thường tưởng rằng màu sắc để lại cho ta một ấn tượng mạnh, mà sự thực khi nhìn một vật gì, ta không chú trọng mấy tới màu sắc. Nhất là những màu xám, màu lợt rất dễ là cho ta quên. Sau màu sắc rồi tới vị trí, kích thước; hình dáng được ta dễ nhận, dễ nhớ hơn cả.

Ta lại phải cẩn thận khi người ta đưa ra những con số. Những con số thường dùng nhất là 1,2,3,5,10; ta nói có *vài ba* con chim, *năm sáu* đứa trẻ, *mười* cuốn sách, chứ ít khi nói có sáu bảy con chim, đứa trẻ, cuốn sách. Thực kỳ dị! Ngay luật pháp nước ta cũng ưa dùng những con số đó: 1,2,3,5,10,20 năm tù. Còn tỷ số thì ta thường dùng *một nửa*, *một phần ba*. Chứ ít khi nói một phần năm, hay hai phần bảy, ba phần tám. Ông H.Wallon trong cuốn *Principes de Psychologie appliquée* (Armand Colin 1950) lại bảo rằng nếu con số mà nhỏ, thì ta thường tính phóng cao hơn số thực; nếu con số mà lớn thì ta phóng thấp xuống.

Những cái đó đều làm cho chứng ngôn dễ sai. Ấy là tôi không muốn kể những lý do như: thành kiến, khoe khoang, lười suy nghĩ, sợ sệt, tham lam, thương người...

Vì vậy ta có hai bốn phận:

Đối với ta: mỗi khi đưa một chứng ngôn, một tài liệu gì, phải thận trọng, đừng vô tình nói sai, đừng để cho lời nói không hợp với hồi ký, và phải nhận lỗi nếu ta nói sai, hoặc thú rằng điều này điều nọ mình không biết rõ. Nhớ kỹ lời của Khổng Tử: “*Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri*”.

Đối với người: đừng có thành kiến rằng người ta nói sai, nhưng cũng đừng vội tin những điều người ta cho hay, mà chỉ nên coi những điều đó như những giả thuyết. Phải kiểm soát lại.

F. Kiểm soát chứng ngôn, tài liệu

Muốn kiểm soát chứng ngôn và tài liệu, ta phải làm sáu công việc dưới đây:

(1) Tìm nguồn gốc

Tự hỏi điều người ta cho biết đó là chính người ta nhìn thấy, nghe thấy, tìm tòi ra được, hoặc do người khác kể lại, do chép lại một tài liệu nào. Trong trường hợp thứ nhì, phải lùi về quá khứ mà tìm nguồn gốc của nguồn gốc đó nữa.

Một tin đồn đã qua miệng mười người thì mười phần không chắc đúng được một hai, cho nên tin đồn xa thì lại càng đáng ngờ. Một phần vì vậy mà thỉnh thoảng trên báo ta mới thấy những tin kỳ quái, như tin người khỉ đăng ở *Sài Gòn Mới* năm 1959.

(2) Tra xem nguồn gốc có giả không

Có người đưa ra một bản chữ nôm, bảo là bản Đoạn Trường Tân Thanh của cụ Nguyễn Du viết. Tất nhiên ta không thể tin ngay được, phải xét xem chữ phải là nét chữ của cụ không, thứ giấy viết phải là giấy chế tạo hồi đó không, dấu son in trên sách phải là dấu son của cụ không...

Phải là những nhà chuyên môn mới xét được những điều đó.

Kiểm soát cho hết sức của ta, còn điều gì chưa chắc thì còn nghi.

(3) Xét xem lời chứng đó có thành thực không

Một nhà văn tự viết tiểu sử thì khó có hùng tâm mà thành thực hoàn toàn được lắm; không nhiều thì ít, người ta cũng trình bày sự kiện sao cho có lợi cho mình, cả khi thú tội lỗi chứ không phải chỉ riêng những khi khoe tài đức.

Nếu nhà văn đó viết bài minh hay bài điệu văn để khen một người quen thì phần thành thực cũng đáng ngờ.

Cho nên gặp một tài liệu, ta phải tự hỏi người chép tài liệu đó có mục đích gì. Có kẻ chê người phương Tây gìn giữ những tài liệu không có ý nghĩa như những toa hàng, sổ chi tiêu, bức thư cho gia đình của các danh nhân; nhưng chính những tài liệu đó lại thành thực nhất – vì người viết không có dụng ý gì cả – và giúp ta hiểu được tình tình, đời sống cổ nhân.

(4) Xét đoán sự kiện

Ta thường có lỗi vội tin một sự kiện là có thực mà không chịu kiểm soát. Nhưng đôi khi ta cũng mắc lỗi ngược lại, cho ngay một sự kiện nào đó là vô lý, nguyên do tại sự hiểu biết của ta hẹp.

Tôi đã kể thí dụ một nông dân không tin được rằng loài kiến biết nuôi một loại sâu nhỏ để

hút chất bổ của nó, như ta nuôi bò sữa.

Dã sử Trung Hoa chép một lời phê phán nông nổi của văn hào Tô Đông Pha. Tô là người đồng thời của Vương An Thạch; cả hai đều nổi danh về văn tài nhưng sức hiểu biết của Vương có phần hơn của Tô – Tô là người thủ cựu, Vương là một nhà cách mạng – Tô ghét Vương, chỉ trích Vương.

Một hôm đọc hai câu thơ dưới đây của Vương:

Minh nguyệt sơn đầu khiếu

Hoàng khuyến ngọa hoa tâm

Tô cho là vô lý, là viết càn, chữ trắng sáng làm sao mà kêu ở đầu núi, chó vàng làm sao mà ngủ trong lòng hoa được? Tô sửa lại:

Minh nguyệt sơn đầu chiếu

Hoàng khuyến ngọa hoa âm

(Trắng sáng chiếu đầu núi

Chó vàng ngủ dưới bóng hoa)

Sau bị đày tới một miền ở phương Nam, Tô thấy ở đó có một loài chim tên là “minh nguyệt” và một loài sâu tên là “hoàng khuyến” mới chịu nhận kiến văn của mình kém Vương.

Maurice Dorolle trong cuốn *La logique dans la vie* cho ta một thí dụ nữa, Annibal là một danh tướng ở xứ Carthage, thế kỷ thứ ba trước công nguyên. Ông đi qua xứ Y Pha Nho, miền nam xứ Gaule (Pháp hiện nay) rồi vượt dãy núi Alpes để tấn công La Mã. Juvenal chép về việc đó dùng ba chữ “montem rupit aceto” mà người sau cho là vô lý: dùng dấm mà đục núi làm sao được? Nhưng gần đây người ta khảo về cổ ngữ, biết rằng thời xưa chữ aceto không có nghĩa là dấm, mà chỉ một đồ nhọn bằng kim thuật.

Vậy gặp điều gì ta chưa hiểu thì đừng vội bác bỏ mà để dò xét lại.

(5) Xét chứng nhân

Về hai phương diện: trí tuệ và tư cách. Một người trí tuệ hẹp hòi không đáng tin nhiều mà một người thông minh nhưng tư cách kém thì lại càng đáng cho ta đề phòng. Không phải rằng hễ nhân phẩm thấp thì luôn luôn nói sai; nhưng những người biết tự trọng thì ít khi nói bậy.

Thường thường một chứng ngôn có lợi cho người kể lại không đáng tin bằng một chứng ngôn có hại cho người đó. Đọc một tờ báo của đảng X thấy đảng một tin bất lợi cho đảng đó, thì ta có thể chắc rằng tin đó đúng.

Nhưng dù một tin có vẻ xác thực thì cũng chưa đủ cho ta kết luận, và ta phải nhớ điều thứ sáu

này nữa.

(6) *Đối chiếu các tin tức, tài liệu*

Một tin do nhiều người truyền, một tài liệu ghi trong nhiều sách có phần xác thực hơn những tin lẻ loi. Nhưng cũng còn tùy nguồn gốc có khác nhau hay không: nếu nguồn gốc khác hẳn nhau thì mới đáng tin, nếu tất cả đều do một nguồn gốc, hoặc những nguồn gốc cùng một phía thì lại đáng ngờ.

Trong nước có tám tờ báo của Đảng X mỗi tờ ở một miền, nếu cả tám tờ cùng loan tin A – nhất là tin này lại có lợi cho đảng – thì tin đó chưa có giá trị gì cả. Nhưng nếu đảng Y chống đảng X cũng loan tin A đó thì ta có thể cho tin đó là đúng.

Ông Maurice Dorolle có lần thí nghiệm trong một tỉnh nhỏ. Một việc xảy ra trong một gia đình nọ; ông phỏng đoán nguyên nhân: có thể là thế này, thế nọ... Hai ngày sau, một người bà con của ông kể lại nguyên nhân đó mà quả quyết là đúng. Ông ngạc nhiên: lời người đó đúng với lời ông phỏng đoán hai ngày trước quá. Ông nghi ngờ, điều tra thì hay rằng chính là lời phỏng đoán của ông truyền qua ba bốn miệng mới đầu hình thức “có thể” sau biến thành hình thức “chắc chắn”.

Thỉnh thoảng báo chí ngoại quốc đăng tin một thủ phạm bị giam bốn mươi năm vì tòa xét lại, thấy vô tội. Trường hợp đó có thể như vậy: người ta thấy một người chết đuối trong một cái đầm. Điều tra lần đầu: không có kết quả. Sau đó người ở gần đó nhớ rằng nạn nhân thường hay xích mích với một người láng giềng. Tin đó lan ra; có kẻ bảo: “Ừ hôm đó, nghe tiếng cãi cọ; vật lộn”. Rồi người lại tìm ra dấu vết nữa. Thế là người ta bắt giam kẻ bị nghi ngờ, cho tới khi tìm được chứng cứ chắc chắn thì đã quá trễ.

3. Thống kê và phân loại

A. Thống kê

Ở trên tôi đã nói vì thiếu thống kê, ta không biết chắc giá trị của các thần phương trong Đông y.

Chắc độc giả đã nhận thấy có hồi đi tới đâu cũng nghe người ta phàn nàn thời tiết nóng quá hoặc mưa quá. Những lúc đó, giá có ai làm một bảng thống kê để so sánh với thời tiết cũng tháng đó những năm trước thì lời phàn nàn chắc bớt đi nhiều, vì có nhìn vào thống kê mới thấy nhiệt độ có hơn chỉ cũng chỉ một hai độ mà mực nước mưa hứng được có lẽ không tăng, chỉ xấp xỉ như các năm trước.

Thống kê là ghi chép và so sánh sự thực mà tại sao có người lại bảo nó là một phương pháp khoa học để nói láo? Có hai lý do:

- Một là không biết cách dùng thống kê

Chắc độc giả không ngờ được rằng phải có cử nhân toán, rồi học hai ba năm nữa, mới thành một nhà chuyên môn về thống kê. Tôi không hiểu gì nhiều về môn đó, chỉ xin kể ít thí dụ để bạn thấy không phải hễ cứ biết đếm là làm nổi thống kê.

Trong xưởng A, dùng 50 người thợ, tổng cộng số lương trả mỗi tháng là 100.000đ. Nếu ta chia 100.000đ cho 50 thấy rõ số lương trung bình là 2.000đ mà vội kết luận rằng xưởng đó trả lương thợ rất cao thì rất có thể ta lầm lẫn nặng; còn phải xem tiền lương cao nhất và thấp nhất là bao nhiêu nữa.

Cũng xưởng đó tháng 6 năm 1959 sản xuất nhiều hơn tháng 6 năm 1958, nhưng như vậy chưa đủ cho ban giám đốc mừng, vì có thể năng suất của mỗi người, của mỗi cái máy sụt đi, vì số thợ và số máy dùng năm 1959 nhiều gấp hai năm 1958.

Cũng đừng thấy cùng một số thợ mà hãng A sản xuất nhiều hơn hãng B, rồi kết luận rằng thợ hãng A siêng năng hơn hãng B: còn phải xét thợ hãng A làm việc trong những điều kiện ra sao nữa.

Rất nhiều người mắc lỗi này: thấy lương một thấy ký A là 2.400đ., lương công nhật của thợ B là 80đ., vội bảo thầy A ăn lương bằng thợ B. Như vậy là sai, vì thầy A không làm cả 30 ngày một tháng mà trung bình chỉ làm 25 ngày thôi, và nghỉ những ngày lễ và chủ nhật, cho nên phải chia 2.400đ. cho 25, được 96đ. Vậy thầy A lãnh hơn thợ B 16đ. một ngày.

Hồi tôi còn đi học, thấy sách Địa lý cho biết diện tích cây cấy được của Nam Việt thì rộng mà

dân số ít, tôi tưởng rằng người dân Nam Việt giàu gấp bốn, gấp năm người dân Bắc Việt, vô đây tôi mới thấy trong này nhiều điền chủ lớn hơn Bắc Việt, còn tá điền thì tuy không đói rách chứ không thể coi là giàu gấp bốn gấp năm nông dân Bắc Việt được.

- Hai là cố ý dùng sai thống kê

Tôi tiếc là chưa được đọc cuốn *How to lie with Statistics* (Dùng thống kê biểu cách nào để lừa gạt?) của Darrell Huff. Đọc cuốn đó chắc biết được nhiều phương pháp “khoa học mà các chính phủ, các chính khách Âu Mỹ dùng để lèo đời. Nhưng coi một đoạn trong tạp chí *Sélection du Reader's Digest* (số tháng chạp năm 1954) của Stuart Chase tôi cũng thấy được rằng dùng con số người ta có thể “chứng minh” cái gì cũng được, cho nó nói trắng, rồi lại bắt nó nói đen cũng được.

Chẳng hạn, người ta làm thống kê rất đúng, biết được rằng những sinh viên hút thuốc là đậu thấp hơn những sinh viên không hút thuốc. Đó là một sự thực hoàn toàn, không ai chối cãi được. Những kẻ thù thuốc lá, “nắm” ngay những con số đó để kết luận rằng thuốc lá có hại cho sự học. Những kẻ bệnh vực thuốc lá lại chứng minh ngược lại rằng chính vì những sinh viên đó học kém óc không minh mẫn, nên phải hút thuốc cho tỉnh táo để học, và nhờ vậy mới đậu được, nếu không thì còn rớt nhiều hơn nữa.

Vậy thì sự thật ở đâu, hỏi các nhà thống kê? Ông Stuart Chase đưa một thuyết nghe cũng xuôi xuôi. Ông bảo những sinh viên hút thuốc là hạng giao thiệp đời, xã giao, học miễn đủ đậu thì thôi, không học gạo, cho nên không đậu cao. Thế là có ba thuyết: trắng, đen, xám. Nếu chịu khó tìm tòi, chúng ta cũng có thể đưa ra được một thuyết nữa, chẳng hạn những sinh viên nghiện thuốc phần nhiều là hạng hoặc kiếm được tiền hoặc gia đình có tiền, nên không siêng năng, vân vân...

Khi dân số một nước tăng lên thì những thống kê biểu cho ta thấy rằng số sinh viên, số người điên, số người đau tim, số tội nhân, số trai muộn vợ, số gái ế chồng vân vân... (tùy ý bạn, muốn thêm gì vô đây cũng được) đều tăng lên; và như vậy ta có thể kết luận ra sao cũng được, chẳng hạn: số người điên tăng cùng với số sinh viên (nghĩa là các trường Đại học làm cho người ta hóa điên), hoặc số tội nhân tăng cùng với số trường Đại học – Victor Hugo nghe thấy vậy tất phản đối dữ – hoặc số người đau tim tăng cùng với số trai muộn vợ và số gái ế chồng (không phải là vô lý)...

Cho nên hễ dùng thống kê biểu thì ta phải nhớ quy tắc đã chỉ ở một đoạn trên: Không nhất định rằng việc B xảy ra sau việc A mà B là kết quả của A. Những kẻ “bắt những con số phải nói dối” đã làm bộ quên quy tắc đó để gạt ta bằng cái hình thức hào nhoáng của khoa học.

B. Phân loại

Để so sánh, phán đoán, đôi khi ta cần phải phân loại. Tôi không bàn về các phương pháp phân loại mới mẻ, như phương pháp Brunet, Cutter, Crozet, Bliss, nhất là phương pháp thập tiến phổ cập (classement décimal universel, viết tắt: C.D.U) của Dewey[24] vì trong đời sống hàng ngày ít khi ta có dịp dùng đến chúng. Tôi chỉ xin nhắc lại hai qui tắc mà bạn nên nhớ: Không được để một vật gì lọt ra ngoài các loại ta đã phân; và hễ có chung tính cách thì phải để chung vào một loại.

Không được để có một vật gì ở vào một loại này mà cũng có thể ở vào loại khác.

Tản Đà đã bị Phan Khôi chê là lảm cẩm trong *Tao Đàn* số 3 (ngày 1.4.1939) chỉ vì không biết qui tắc thứ nhất.

Tản Đà phân loại các bài thơ trong cuốn *Khối tình con* như vầy:



Vì lỗi vịnh cũng là thơ, tại sao tách ra làm một loại khác. Nhận xét đó rất đúng và quy tắc thứ nhất là một quy tắc sắt.

Nhưng quy tắc thứ nhì còn tùy, có lúc không cần phải theo. Khi phân các loài hoa chẳng hạn, một thứ bông nào đã vào loài huệ thì không được vào loài khác, chẳng hạn như loài lan; nhưng khi phân loại sách thì có cuốn nên đặt vào hai loại, vì nội dung của nó thuộc về hai loại. Chẳng hạn cuốn *Trông giòng sông Vĩ* của Trần Thanh Mại theo tôi, nên đặt vào hai loại: Tiểu sử và Phê bình cho dễ kiểm.

CHƯƠNG VI: LUYỆN ÓC PHÁN ĐOÁN

1. Tinh thần khách quan
2. Những lời khuyên của Bertrand Russell
- A. Phải đề phòng hễ thấy một ý kiến làm cho ta bất bình.
- B. Tìm hiểu ý kiến của người.
- C. Coi chừng lòng tự ái.
- D. Đừng sợ sệt.
- E. Học chữ ngờ

1. Tinh thần khách quan

Muốn luyện óc phán đoán, chúng ta phải tập cho ngờ từ cái bản thân ta, đừng để cảm tình làm cho ta mù quáng. Ở một chương trên, tôi đã dẫn mấy câu của Molière trong kịch *Misanthrope*. Molière chỉ diễn lại ý của Lucèce vì Lucèce, một thi sĩ La tinh sinh khoảng một trăm năm trước công nguyên, đã nhận thấy rằng tình cảm làm cho kết quả của nhận xét có thể bị đảo ngược hết: một người đàn bà ho lao mà người ta yêu thì cũng thấy đẹp, đẹp ở nước da trắng xanh, ở dáng điệu éo lá, ở vẻ buồn như một cành hoa lê dưới mưa xuân.

Tâm lý đó từ khi loài người bắt đầu biết suy nghĩ, phán đoán, chắc đã có rồi, mà chắc cũng sẽ còn đúng hoài, vì tinh thần khách quan là một tinh thần rất khó tập, nó gần như trái hẳn với bản thể con người. Phương pháp nghiên cứu sử theo khoa học phát triển đã hơn một thế kỷ^[25], nhưng tới nay người ta vẫn không chịu sắp môn đó vào loại Khoa học đích xác chỉ vì không làm sao tránh được sự chủ quan trong khi lựa chọn, xếp đặt, giải thích tài liệu. Ngay trong những môn khoa học đích xác như Vật lý, Hóa, biết bao nhà khoa học đưa ra những lý thuyết sai do cái tật chủ quan trong khi lựa chọn, xếp đặt, giải thích tài liệu. Cho nên Claude Bernard, trong cuốn *Introduction à l'étude de la médecine expérimentale* (Y học thực nghiệm nhập môn) đã nhấn mạnh rằng: Nhà thí nghiệm đặt câu hỏi cho thiên nhiên; nhưng ngay từ khi thiên nhiên lên tiếng thì nhà thí nghiệm *phải* im đi, *phải* (...) nghe thiên nhiên cho tới cùng. Đúng lắm. Nhưng mấy ai mà theo được như vậy, và khi nghe thiên nhiên, đồng thời người ta cũng nghe con tim của người ta nữa. Ta thích cái gì thì ta cho nó là đẹp, là đúng; ta mong cái gì thì ta trông thấy nó xảy ra. Luật đó cần thiết cho hạnh phúc của loài người, nó là một dấu hiệu của bản năng sinh tồn cho nên thắng được nó là một điều vạn nan. Luôn luôn phải quên mình đi, phải tìm lý lẽ tại sao thế này, tại sao thế kia, phải kiểm soát từng ý nghĩ, từng hành động của mình. Cái đó gần như vượt ra ngoài nhân lực.

Hết thảy chúng ta, kể cả các nhà khoa học, không nhiều thì ít, đều như cô Mai trong truyện *Thương yêu* của Nguyễn Thị Vinh (Phượng Giang. 1945):

Mai cầu khẩn Trời Phật và nghĩ cả đến linh hồn mẹ để phù hộ cho cô được lấy Khanh. Nhìn chiếc đồng hồ trên mặt tủ, còn thiếu ba phút nữa thì đến 5 giờ, Mai thầm khẩn rằng: “Nếu đúng 5 giờ mà tôi đan xong đường len dỏ này thì tôi sẽ lấy được Khanh, nếu không xong thì việc sẽ hỏng”.

Thầm khẩn thế xong, Mai thấy tim đập mạnh, tay đan cứ rú lên; cô nhin cả thở để đan. Nhưng đến lúc kim đồng hồ chỉ 5 giờ, Mai hãy còn đến ba mũi nữa mới hết đường len. Mai toát mồ hôi, nhưng lại khẩn lại. Lần này Mai tự hẹn trong 5 phút phải xong cả đường len.

Mai thậm biết chỉ 5 phút là đàn xong, tuy vậy Mai vẫn vội và cuống. Sau hết Mai được cuộc, cô thở mạnh ra, lòng nhẹ nhàng, sung sướng. Nhưng Mai vẫn muốn bói lại lần nữa cho chắc chắn”.

Ta suy xét, thí nghiệm, kết quả rõ ràng quá; nó trái hẳn với điều ta nghĩ; ta vội gạt đi, cho thí nghiệm đó là điều đáng bỏ, làm lại; lần này ta thêm những điều kiện thuận tiện để cho thí nghiệm phải đem lại kết quả mà ta muốn. Ta bắt óc ta phải chiều theo lòng ta, có khi bắt cả thiên nhiên phải chiều theo lòng ta nữa. Muốn tìm hạnh phúc, một hạnh phúc đôi khi giả tạo, phù du, ta cứ nên làm như cô Mai; nhưng muốn luyện óc phán đoán tìm sự thực dù có thất vọng lúc đầu mà sau khỏi lầm lạc, thì phải chống lại với tinh thần chủ quan đó.

2. Những lời khuyên của Bertrand Russell

Ông Bertrand Russell, một triết gia đương thời được giải thưởng Nobel về văn chương năm 1950 khuyên ta mấy điều dưới đây để tập có tinh thần khách quan:

A. Phải đề phòng hễ thấy một ý kiến làm cho ta bất bình

- Nếu bạn thấy một ý kiến trái với ý kiến của bạn mà làm cho bạn bất bình, thì phải đề phòng; đó là một dấu hiệu rằng ý kiến của bạn chưa vững.

Lời đó thực sâu sắc. Ừ, nếu có ai bảo rằng hai với hai là năm, hoặc đương giữa trưa mà bảo là nửa đêm thì chúng ta có bất bình không, hay chỉ thương hại kẻ đó đã mất trí. Vậy thì khi người ta bảo một tác phẩm nọ là tuyệt tác, không tiền khoáng hậu, một đường lối chính trị nọ là sai lầm, sao ta lại vội nổi cơn khùng lên? Có phải tại ta lo lắng rằng ý kiến của ta sẽ bị đảo lại, mà như vậy có phải là tự nó đã có sẵn một nhược điểm, đã bắt đầu lung lay đấy không?

Ca dao có câu:

Dù ai nói Đông nói Tây

Thì ta vẫn vững như cây giữa rừng.

Dù ai nói ngả nói nghiêng

Thì ta vẫn vững như kiềng ba chân.

Nếu ý kiến của ta đã “vững như cây giữa rừng”, “như kiềng ba chân” thì ai nói gì cũng mặc, ta cứ thản nhiên chứ? Thái độ thản nhiên đó có khi chỉ chứng rằng ta có bản lĩnh cao chứ chưa đủ chứng rằng ý kiến của ta hoàn toàn đúng; nhưng thái độ “nổi khùng” luôn luôn tỏ rằng ý kiến của ta cần phải xét lại.

B. Tìm hiểu ý kiến của người.

Có một cách xét lại ý kiến của ta là tìm hiểu ý kiến của các giới, các nhóm khác với giới, nhóm của ta. Bạn không thích thơ tự do, thì bạn lại càng nên đọc thơ tự do và những sách phê bình thơ tự do, xét xem tại sao loại thơ đó đang phát triển mạnh như vậy, tại sao có những người học rộng lại bênh vực nó, tại sao người ta bỏ lối thơ cũ. Tại sao ta lại chỉ đọc tờ báo của đảng ta mà không đọc tờ báo của đảng khác? Và xin bạn nhớ đừng vội cho người khác là điên; chính những người đó cũng cho ta là điên trong khi ta bảo họ điên.

Một cách nữa là ta tưởng tượng một cuộc tranh biện hăng hái giữa ta và họ. Ta đưa ra lý lẽ này họ sẽ bác ta ra sao? Họ sẽ đưa lý lẽ kia, ta sẽ trả lời ra sao? Nhớ ghi cả lên trên giấy, và nếu có thể được, đưa cho một người không phải trong giới, đảng của ta coi. Ông Bertrand Russell thú rằng nhờ cách đó mà đôi khi ông thay đổi ý kiến, bớt độc đoán. Tôi biết thái độ đó là thái độ của một triết gia chứ không phải của một chiến sĩ, nhưng giá nhân loại bớt được tinh thần chiến sĩ mà tăng tinh thần triết gia lên thì chắc sẽ tránh được nhiều cuộc đổ máu ghê gớm.

C. Coi chừng lòng tự ái

Ta lại phải đề phòng những lời phán đoán làm thỏa lòng tự phụ của ta. Đàn ông thì khoe đàn ông là tài, đàn bà cũng khoe đàn bà là giỏi. Bên nào cũng có lý.

- Chúng tôi có Trần Quốc Tuấn, Lê Lợi, Nguyễn Huệ.
- Thì chúng tôi cũng có Trưng Trắc, Trưng Nhị, Bà Triệu.
- Nhưng ít hơn bên chúng tôi.
- Người ta bắt chúng tôi lo việc nội trợ, thử để chúng tôi lo việc quốc gia xem...

Thực là chuyện con nít.

Nhưng thường khi các học giả bậc đầu cũng chẳng người lớn hơn. Đầu năm 1960, một sử gia Trung Hoa tuyên bố ở Đài Loan rằng từ khi dân tộc Việt Nam đã lập quốc rồi (từ đời Ngô trở đi), các vua Trung Hoa theo đạo Khổng không muốn xâm chiếm nước Việt Nam để mở mang đế quốc, mấy lần bắt buộc dĩ phải đem quân sang Việt Nam chỉ để dò xét xem nếu triều vua cũ ở Việt Nam còn được lòng dân thì khôi phục lại địa vị cho, nếu không thì trao quyền cho triều đại mới, vì vậy vua Càn Long chỉ sai Tôn Sĩ Nghị đem có tám ngàn quân qua nước ta để đến nỗi phải đại bại ở Thăng Long. Rõ ràng là ông ta muốn làm thỏa mãn lòng tự ái của mình. Ông bảo triều đại Càn Long rất hùng cường, muốn chiếm Việt Nam thì không khó gì cả.

Dân tộc nào cũng tự khoe là hơn dân tộc khác. Nhưng thử xét xem có dân tộc nào không có những đức tính riêng, những tật riêng, và không có những thời thịnh và thời suy. Đặt vấn đề theo lòng tự ái như vậy là đưa tới chỗ bí, gây những cuộc tranh biện vô ích và không sao giải quyết được.

D. Đừng sợ sệt

Nhiều khi ta phán đoán sai vì sợ sệt. Cô Mai trong truyện của Nguyễn Thị Vinh tôi mới dẫn sợ không lấy được Khanh nên tin một điều rất vô lý: hễ đan xong đường len là nhân duyên sẽ thành. Có liên lạc gì đâu giữa đường len và nhân duyên của cô?

Thời thượng cổ, thành Carthage bị quân La Mã tấn công, thua hoài. Dân Carthage thấy vậy, cho rằng tại họ có lỗi lừa gạt thần Moloch. Theo tục lệ thì phải thiêu những trẻ trong gia đình quý phái để tế thần. Nhưng bọn quý phái ngầm đánh tráo con nhà bạch đình từ lâu. Dân chúng tin rằng vì vậy thần Moloch bất bình, không che chở họ nữa, bèn đem thiêu nhiều kẻ quý phái để cúng. Kết quả là La Mã chiếm được Carthage.

Hễ sợ sệt thì ai cũng dễ hóa mù quáng, không còn lý luận, phán đoán gì được nữa. Cho nên luyện đức bình tĩnh cũng là một cách luyện óc cho sáng suốt.

E. Học chữ ngờ

Sau cùng là phải học cái chữ ngờ. Tới Aristote, một triết gia, một nhà bác học danh tiếng bậc nhất thời cổ ở phương Tây cũng lầm lẫn một cách tức cười.

Cũng như nhiều người đồng thời, ông tin rằng đàn ông ít răng hơn đàn bà. Nếu ông bảo bà vợ nhe răng ra cho ông đếm thì đã không để lại giai thoại đó cho hậu thế. Ông tưởng biết rõ chứ có ngờ đâu lại lầm. Cái tật không ngờ đó, hết thấy chúng ta, từ bậc đại trí trở xuống đều có lần mắc phải.

Một ông bạn tôi thường trách nhà văn này, nhà văn nọ để những lỗi quá nặng trong báo chí, sách vở, và hỏi tôi: “Tại sao như vậy được nhỉ? Nếu họ không biết thì đi hỏi chứ! Xấu hổ gì cái việc đó?”

Tôi đáp: “Họ không ngờ rằng sai, nếu ngờ thì đã hỏi rồi. Chính tôi cũng đã có vài lần mắc lỗi như họ.”

Tôi nói *vài lần* vì hiện nay tôi mới nhận được vài cái lỗi trước của tôi, biết đâu chẳng còn nhiều lỗi hơn nữa mà tôi chưa tìm ra. Cổ nhân đã nói: “Càng học càng thấy mình ngu.” Lời đó đúng. Tôi có thể nói: “Người nào không ngờ mình sai, lại khoe rằng mình học rộng là người đó ít học. Người nào được người khác chỉ cho chỗ mình sai mà không chịu nhận, thì càng ít học hơn nữa.”

CHƯƠNG VII: NHỮNG ĐIỀU MÀ NHIỀU NGƯỜI TIN

- 1. Tin có một hoàng kim thời đại
- 2. Tin dị đoan
 - A. Ma quỷ
 - B. Lý số
 - a. Thuyết tiền định
 - b. Khoa chiêm tinh của phương Tây
 - c. Khoa số và bói của phương Đông

Nếu có bà tiên nào hiện xuống, cho tôi cái phép được làm lại cuộc đời từ hồi nhỏ, thì có lẽ tôi sẽ do dự, không biết nên sống lại một đời công chức rồi dạy tư rồi viết lách hay lựa một đời khác, chẳng hạn một đời rất thanh bạch trong một căn nhà lá ở Yên Phụ, tủ sách chứa mươi tập thơ, sáng dạy vài chục đứa trẻ, chiều thì trồng hoa, ngồi trên bờ hồ Tây nhìn ngọn núi Ba Vì xanh ngắt ở chân trời, mà nghe tiếng chuông chùa Trấn Quốc vọng lại.

Nhưng nếu tôi lựa cuộc đời đã qua của tôi thì ít nhất tôi cũng xin một điều là cho tôi khi ở trường ra, có ngay được dăm chục cuốn sách để tôi bỏ ra ba bốn năm đọc thật kỹ rồi tóm tắt, hầu bỏ tức sự học ở trường mà dự bị bước vào đời. Trong dăm chục cuốn đó, thế nào cũng có *La logique dans la vie* của Maurice Dorolle, nhất là cuốn *L'Education du jugement* của Marcel Boll.

Tác giả những cuốn đó đã dạy tôi học đến chữ NGỜ và tôi tiếc rằng biết nó hơi trễ nếu không tôi đã tránh được biết bao lần nói càn tin bậy. Trong chương này và ba chương sau tôi sẽ xét đến chữ *ngờ* đó.

1. Tin có một hoàng kim thời đại

Trước hết là ngờ cái “thiên hạ đều nói vậy”. Hễ nghe ai bảo “Mọi người đều nói vậy” là chúng ta không dám cãi nữa, nhất là khi danh từ *mọi người* chỉ những danh nhân đời trước. Nhưng có phải cái gì mọi người tin thì tất phải đúng không?

Tôi lấy một thí dụ. Bất kỳ dân tộc nào, từ hồi có sử đến nay – đều tin có một hoàng kim thời đại. Người phương Đông chúng ta cho đó là thời Nghiêu, Thuấn, thời *đại đồng*, thời mà theo Khổng Tử “thiên hạ là của chung, người ta chọn kẻ hiền năng, giảng điều tín, sửa điều hòa thuận, cho nên người ta không riêng thân cha mẹ mình, không riêng yêu con mình, kẻ già được nuôi dưỡng trọn đời, kẻ mạnh có chỗ dùng, trẻ con được săn sóc đến trưởng thành, người ta thương kẻ góa, con cô, người già cô độc, người tàn tật được chu cấp, con trai có chức phận, con gái có chồng con, người ta ghét thấy của cải bỏ phí trên đất mà lượm lên chứ không chú ý giấu giếm trong nhà mình, ghét sự không dùng sức nên làm việc, chứ không chú ý lo lợi riêng cho mình”; thời mà “cơ mưu phải bế tắc, kẻ trộm cắp, người làm loạn, làm giặc không nổi lên, cho nên cửa ngõ không cần đóng,” tóm lại thời mà ai cũng phong lưu, đạo đức, thương yêu nhau. Nhưng thời Nghiêu Thuấn là thời khuyết sử, cách Khổng Tử khoảng hai ngàn năm, thì đoạn văn tôi mới trích của Khổng Tử trong kinh Lễ đó đáng tin đến mức nào?

Ở phương Tây, hoàng kim thời đại còn mơ hồ hơn nhiều: không ai biết được nó cách chúng ta mấy ngàn năm hay mấy chục ngàn năm; mà theo tôn giáo này nó ở miền này, theo tôn giáo nọ nó lại ở miền nọ.

Chúng ta ngày nay có nhắc đến thời hoàng kim đó cũng để nói chơi, chứ ít người tin lắm; nhưng ta lại tin một thuyết khác, rằng đời sống ngày nay khó khăn hơn ngày xưa. Chúng ta thường than thở: “Ôi cái thời có một cắc một con gà, có hai đồng một chiếc áo xuyên bận ba bốn năm không rách! Thời đó mỗi ngày làm vài giờ cũng đủ ăn, bây giờ làm thì hăm hăm hờ hờ từ sáng đến tối vẫn thiếu.” Và từ người nói đến kẻ nghe, ai nấy đều mơ mộng cái hoàng kim cận đại đó.

Tôi không bàn đến vấn đề hạnh phúc: nó thuộc về nội tâm hơn là ngoại giới, mặc dầu tôi cũng nhận rằng ngoại giới có ảnh hưởng đến nội tâm. Chúng ta bây giờ có thể thấy rằng mình không sung sướng; và cổ nhân – tôi nói phần đông – có thể cảm thấy thỏa mãn, mặc dầu các cụ không được nghe giọng du dương của các danh ca thế giới trong máy thu thanh, không được trông những nàng tiên nắm tay nhau múa trên băng ở góc đường Trương Minh Giảng và Hiền Vương của gánh Holiday on ice. Cũng có thể rằng số người thất nghiệp ngày nay có lúc đông hơn ngày xưa – điều đó chưa đủ chứng thực cái gì cả vì dân số ngày nay cũng đông hơn ngày

xưa – rằng sự cách biệt giữa người giàu và kẻ nghèo có tăng lên; nhưng cứ so sánh đời sống ngày nay với đời sống bốn chục năm trước thì tôi phải nhận rằng mức sống chung đã tăng lên nhiều lắm. Bạn thử nhớ lại hồi xưa chúng ta đi học cực khổ ra sao: làm gì có đèn điện ở nhà, làm gì có áo mưa; ông cha chúng ta còn cực khổ hơn nữa; hễ ra tỉnh học cụ Đốc, cụ Nghè thì kiếm một ngôi chùa, xin ở nhờ, quét lá đa, lá bàng để đun bếp, nấu cơm, lâu lâu cụ bà gánh gạo, khoai ra nuôi, may lắm đưa thêm được một quan tiền để mua giấy bút và thức ăn; còn bây giờ đây, đa số học sinh có những tiện nghi mà hồi xưa chúng ta coi là xa xỉ và ông cha ta không thể nào tưởng tượng được: có viết máy, đồng hồ, xe máy và có cả tiền để đi coi hát bóng mỗi tháng ít nhất một lần. Mới hai chục năm trước, công chức cao cấp mấy người có được máy khâu thanh, bây giờ mà không có xe hơi thì người ta tủi lắm!

Ông Alfred Sauvy trong cuốn *L'opinion publique* (Presses Universitaires de France – 1858) nói rằng bên Pháp, đầu thế kỷ 18, thịt còn là một đại xa xỉ phẩm trong nhiều gia đình, mà đường thì không người dân nào dám ao ước tới. Qua thế kỷ sau, mặc dầu kỹ nghệ đã phát triển mà đời sống của họ cũng rất cực khổ: trẻ em 12 tuổi làm việc 12 giờ một ngày là điều mà người ta cho là tự nhiên, không kêu ca gì cả; danh từ “thất nghiệp” chưa có, nhưng số nông dân không có đất để cày rất đông, và mới cách đây trăm năm dân quê Pháp, Ý đi dự tiệc ở đâu xa thì đi chân không, tới nơi mới xỏ giày, khi chết, để giày lại cho con như gia bảo. (Ông bà chúng ta cũng vậy: bà nội tôi đã để lại cho con dâu người một chiếc áo nhiễu lót mà người bạn mấy chục năm không rách). Ấy thế mà trên sách báo, báo Pháp, thỉnh thoảng người ta vẫn thấy có kẻ phàn nàn rằng đời sống ngày nay thiếu thốn hơn thời xưa! Chỉ cái thời ông cha chúng ta mới sướng. Rồi con cháu chúng ta sau này cũng lại bảo chỉ cái thời chúng ta ngày nay mới sướng. Thời nào mà chẳng là hoàng kim nếu đứng xa mà nhìn?

Chẳng riêng gì đời sống, đến sức khỏe, sự thông minh, tài cán, đạo đức thời xưa cũng hơn thời nay nữa, người ta nghĩ vậy và tin vậy. Tôi nhận rằng những vĩ nhân như Trần Hưng Đạo, Quang Trung, những thi bá như Nguyễn Du, Đoàn Thị Điểm, lâu lâu mới xuất hiện nhưng bảo rằng ngày nay đều kém người xưa về mọi phương diện, kém sáng suốt, kém hy sinh, sức làm việc tầm thường; rằng Nguyễn Văn Vĩnh, Phạm Quỳnh chết rồi không có ai thay, rằng không thể nào có một tạp chí như Nam Phong được nữa, thì tôi cũng cho là tuyên bố một cách vô căn cứ.

Sở dĩ loài người dễ tin những “dị đoan” đó là vì cái gì tốt đẹp của thời xưa mới lưu lại, còn những cái xấu xa đã mất tích từ lâu. Mà ngay những cái tốt đẹp còn lưu lại đó, ta quý nó nhiều khi cũng chỉ tại cái tính cách cổ của nó, tại cái công lao của bao nhiêu thế hệ gìn giữ để truyền lại cho ta, tại nó hiếm và đánh dấu được một thời đại, chứ vị tất đã phải tại nó đẹp hơn thời nay. Đó là ý kiến của tôi mà cũng là của một ông bạn chơi đồ cổ có tiếng ở Sài Gòn này nữa.

Còn một nguyên nhân nữa là lòng người ai cũng như ai, thấy đời sống hiện tại có chỗ bất mãn, nên phải níu vào thời xưa để tìm nguồn an ủi, để có lý lẽ mà phàn nàn:

“Ngày xưa các cụ sung sướng như vậy đó, còn chúng ta bây giờ...”

Tôi không bảo rằng chúng ta phải hoàn toàn thỏa mãn về hiện tại – như vậy làm sao mà tiến được – nhưng bất mãn mà tìm cách cải thiện cho đời sống thì nên, chứ bất mãn để tiếc một thời đã qua thì sẽ mắc hai cái lỗi: một là yên phận, hai là không sáng suốt, tin những điều vô căn cứ.

2. Tin dị đoan

Bây giờ tới vấn đề gay cấn, vấn đề dị đoan. Tiếng dị đoan hồi xưa có nghĩa là “mối lạ”, trở những tín ngưỡng không phải là chính giáo, ngày nay trở những tín ngưỡng vô lý. Khoa học càng tiến, càng phổ biến thì dị đoan càng bớt đi mà số người dị đoan cũng bớt đi. Ngày nay ít người ra ngõ, gặp gái thì quay trở vào mà đợi có bóng đàn ông sắp tới mới dám bước ra, đi đâu xa, cũng ít người chọn ngày, nhưng không biết bao giờ khoa học mới có thể giáng hết những cái mà ngày nay ta cho là huyền bí. Tới nhiều nhà khoa học tuy không tin khoa học huyền bí mà cũng chưa dám bác hẳn khoa học huyền bí.

Ông Camille Flammarion và nhiều nhà khác hồi mấy chục năm trước dùng phương pháp khoa học để nghiên cứu nó; công việc đó còn được tiếp tục và gần đây bác sĩ Alexis Carrel – một vị đã được giải thưởng Nobel – viết cuốn *Le voyage de Lourdes* để kể những phép màu ở nhà thờ Lourdes: rất nhiều người mắc những bệnh mà Tây y không chữa nổi, lại hành hương ở Lourdes, tắm nước suối ở đó mà khỏi bệnh được, có khi chỉ trong một vài ngày. Những trường hợp đó đều được ghi chép kỹ lưỡng trong hồ sơ của một cơ quan y tế tại Lourdes. Đọc xong cuốn sách đó tôi có cảm tưởng rằng tác giả cho rằng có sức gì huyền bí trị được những bệnh đó. Đức đó là đức tin, nhưng tại sao đức tin lại có kết quả phi thường như vậy, tại sao cơ thể lại biến chuyển đột ngột lạ lùng như vậy thì ông không giảng được. Tôi mới kể qua vài tác giả mà tôi biết, còn rất nhiều nhà nữa có thành tích, có tiếng tăm cũng tin, hoặc nửa tin nửa ngờ.

Trái lại có những vị nhất định không tin mà đã đảo kịch liệt như ông Paul Couderc trong cuốn *L'astrologie* (Presses universitaires de France – 1957), ông Marcel Boll trong cuốn *L'éducation du jugement*.

Giữa hai phái đó, ông Alfred Sauvy có thái độ dè dặt hơn. Trong cuốn *L'opinion publique* ông bảo rằng thời nào cũng có người tin khoa học huyền bí. Có môn mất đi mà cũng có môn lưu truyền từ thế kỷ này qua thế kỷ khác, tất cả đều có tính cách này là các người theo những môn đó đều hơi dễ tin, không chịu nhận xét một cách khoa học, không chịu lập một thống kê biểu đồ minh bạch.

Ông cho rằng khoa học huyền bí đôi khi có đúng chỉ là do sự ngẫu nhiên, nhưng ông không cương quyết đảo dị đoan.

Dưới đây tôi chỉ xét hai vấn đề quan trọng là ma quỷ và lý số.

A. Ma quỷ

Mặc Tử trong thiên *Thượng quỷ*, viết:

“Cái cách để cùng thiên hạ cùng xét xem có hay không, là phải lấy cái sự tai mắt mọi người thật biết là có hay không làm bằng... Nếu thế thì sao không vào một làng xóm mà hỏi. Từ xưa đến nay nếu thời nào cũng đã từng có những người thấy hình quỷ thần, nghe tiếng quỷ thần, thì sao lại bảo không có quỷ thần? Bằng như chẳng có ai nghe thấy, chẳng có ai trông thấy thì sao lại bảo có quỷ thần?”

Rồi ông kể ra mấy chuyện làm chứng:

“Khi vua Tuyên Vương nhà Chu giết bề tôi vô tội tên là Đỗ Bá, Đỗ Bá có nói: “Nếu kẻ chết mà không biết thì thôi. Bằng như kẻ chết còn tri giác, thì trong ba năm, ta sẽ khiến cho vua biết. Ba năm sau, Tuyên Vương họp các nước chư hầu đi săn trong vườn. Giữa trưa Đỗ Bá cưỡi ngựa bạch xe trắng, đội mũ đỏ, mặc áo đỏ, và cầm cung đỏ tên đỏ, đuổi theo Tuyên Vương mà bắn vào xe. Trúng ngực gãy xương sống. Tuyên Vương gục lên một chiếc túi cung rồi chết.”

“Mục Công nước Trịnh giữa ban ngày ở trong miếu, thấy có vị thần vào cửa rồi sang phía tả. Vị thần ấy mình chim, áo trắng ba đoạn, khổ mặt vuông vắn. Mục Công hoảng sợ, toan chạy. Vị thần ấy nói: “Đừng sợ! Thượng Đế chúng giám đức sáng của mày, sai ta cho mày thọ thêm được mười chín tuổi nữa, khiến mày nhà nước phồn thịnh, con cháu đông đúc.” Mục Công lay hai tay đập đầu và hỏi thần gì. Vị thần ấy đáp là thần “Câu Mang”.

“Bề tôi của Trang Quân nước Tề có Vương Lý Ty và Trung Lý Hạo kiện nhau, ba năm không phân phải trái. Trang Quân không biết xử trí ra sao, giết thì sợ oan, tha thì sợ họ đích thực có tội, mới bảo hai người chung nhau giết một con dê, đem ra thề trước thần xã nước Tề. Hai người xin vâng. Khi thề, Trung Lý Hạo mới khấn hết nửa câu, thì con dê chết vùng dậy, xông vào húc Trung Lý Hạo, anh ta gãy chân, chết ở chỗ thề^[26].”

Ông còn đưa nhiều thí dụ nữa đại loại như vậy cả, mà lần nào ông cũng bảo đó là những “sự thực ở trước tai mắt mọi người”. Ngày nay ta không thể cho những truyện đó là “sự thực ở trước tai mắt mọi người” được. Những việc truyền khẩu lại, ngay như chép lại, mà xảy ra cùng thời với ta – đừng nói là cách ta hàng trăm, hàng ngàn năm trước – cũng vị tất đã đáng tin. Thí nghiệm của Gordon Allport ở trên đã cho ta thấy chỉ trong một buổi, một hoạt cảnh chiếu trên phim do mười người coi rồi kể lại mà đã sai đi biết bao nhiêu. Ta lại biết rằng ngũ quan của ta nhận xét cũng lầm lẩn mà sức ám thị lại rất mạnh: ta tưởng ra sao thì thấy như vậy.

Đáng cho ta *suy nghĩ* hơn là những truyện của nhóm Camille Flammarion, nhất là của Robert

Wallace trong tạp chí *Sélection du Reader's Digest* số tháng 8 năm 1959. Truyện sau cùng xảy ra ngày 3-2-1958. Trong một gia đình nọ, những ve nước, ve thuốc, ve mực, tượng bằng sứ tự nhiên nhảy lên, di động. Một viên thanh tra cảnh sát lại điều tra mà không tìm ra nguyên nhân. Bác sỹ Gaither Pratt lại nghiên cứu, nhưng chỉ ở có ba ngày và ba ngày đó yên tĩnh, rồi ít bữa sau lại có chén đĩa bay đi. Tác giả bài đó, ông Robert Wallace kết luận:

“Tất cả những chuyện đó phải chăng là một vụ lừa gạt lớn lao khéo xếp đặt? Nếu vậy thì sao ông bà Hermann (tức chủ nhà) không đáng tin sao? Ở xa thì có thể nghĩ như vậy được nhưng ở tại chỗ thì thấy điều đó là vô lý (hai ông bà là người đứng đắn). Vả lại không nên quên rằng ông thanh tra Tozzi đã tới điều tra, mà ông là một người còn trẻ và rất sáng suốt (...). Xưa kia, Galiée nói về trái đất, bảo: “VẬY mà nó quay chứ!”. Nó di động cách nào được và tại sao lại di động, điều đó còn là một bí mật”

Bài đó đăng trong báo *Life* rồi *Sélection du Reader's Digest* tóm tắt lại. Xin bạn để ý đến chi tiết này trong truyện: Bác sỹ Gaither Pratt nghiên cứu mà đợi ba ngày không thấy gì cả.

Ông Marcel Boll kể lại rằng ngày 12-1-1951 đài B.B.C ở Luân Đôn cũng muốn vô tuyến truyền hình một con ma nổi danh, bà vợ thứ năm của Henri VIII, nhưng đã thất bại chua chát, vì ma sợ ánh sáng đèn rọi mà không dám hiện lên. Những thất bại như vậy làm cho đa số các nhà bác học – nhất là trong giới bác sỹ – không tin có ma quỷ, mà riêng tôi, tôi cũng ngờ ngờ. Và tới nay, tôi vẫn giữ quan niệm về ma tôi đã trình với độc giả *Bách khoa* trong số 61 ngày 15-7-1959. Tôi xin chép lại đoạn văn đó dưới đây:

“Tôi sinh trưởng tại ngõ Phất Lộc, trong một khu nổi tiếng là nhiều ma nhất Hà Nội. Đầu ngõ đó ở ngay sát đường Mã Mây mà người Pháp gọi là Rue des Pavillons noirs (Đường Giặc Cờ Đen). Tương truyền giặc cờ đen hồi xưa đóng trại dọc theo bờ sông Nhị, từ Cầu Đất, gần viện tàng cổ Louis Finot, tới Ô Quan Chưởng ở đầu phố Hàng Chiếu. Nhà tôi gần pháp trường của chúng và theo các ông bà già kể lại, mỗi lần chúng chặt đầu ai thì vùi ngay bên cạnh pháp trường, thành thử ngõ Phất Lộc và phố Bờ Sông nằm trên bãi tha ma của những kẻ bị chúng xử tử. Lại thêm nhà tôi là một nhà cổ cách đây non 100 năm, thấp hơn mặt đường trên một thước, sâu hun hút, có những phòng ngang phòng dọc, những lối đi tối om om và hôi hám, nên hồi tôi còn nhỏ, ai cũng tin là nhà có ma. Một bà cô tôi kể cho chúng tôi nghe rằng chồng bà bị ma khách hành cho tới điên. Sau “nó” chỉ cho chỗ chôn cất hài cốt của nó, bảo phải dời đi cho nó. Đào chỗ dưới giường ông dượng tôi nằm, quả thấy bộ xương, bà cô tôi thuê người nhặt, cho vào một tiểu sành, đem chôn ở Cầu Đất. “Nó” chưa bằng lòng, còn hành ông dượng tôi dữ hơn nữa. Hồi nó, nó khóc lóc trách móc là độc ác, sao lại đem vùi nó ở bờ sông để tới mùa lụt, nước sông cuốn nó đi. Thế là lại phải đào lên, đem chôn nơi khác. Đó là chuyện trong

nhà tôi, chuyện các nhà khác trong xóm còn rùng rợn hơn nhiều.

“Hồi chín tuổi, nghe những truyện đó tôi nổi ốc cùng mình, và tới nay tôi còn nhớ, đã có hai lần trông thấy cái mà người ta gọi là ma: một lần vào khoảng chín giờ tối, một bóng đen vụt qua trước mắt tôi rất nhanh, chỉ một phần mười hay một phần trăm giây, khi tôi bước vào một lối hẻm ở bên cạnh chỗ mà xưa kia đào được hài cốt của “ma khách”; một lần nữa vào khoảng nửa đêm, một người đàn ông bận quần áo trắng ngồi hút thuốc lá trên một cái đôn dưới chân giường tôi.

“Nay (...) tôi nhớ lại chuyện đó, nhưng cho rằng bà cô tôi đã thêm thắt ít nhiều, còn những điều mắt tôi trông thấy thì do ảo tưởng, do “thần hồn nát thần tính”, chứ chưa chắc đã có ma (...). Nhưng tôi cũng không nói quyết là không có ma. Tôi chỉ chưa tin thôi. Vấn đề đó còn là một bí mật mà tôi không có thì giờ, cũng không có phương tiện, cơ hội để dò xét, tìm hiểu, cho nên tạm bỏ ra một bên.”

Vậy tôi không nói quyết là không có ma vì đọc những tài liệu của nhóm Camille Flammarion, của Robert Wallace... (còn rất nhiều nhà khác nữa) tôi không thể cho rằng họ bịa đặt, mà tôi cũng không nghĩ như Marcel Boll cho rằng phải vô tuyến truyền hình hoặc chụp hình được ma thì mới tin có ma, vì ta có chụp hình được điện đâu, ta cũng chẳng biết điện là cái gì cả, mà điện đã làm thay đổi được cả trái đất đấy.

B. Khoa lý số

Khoa này gồm những cách để đoán tương lai: coi chỉ tay, coi tướng, coi chữ viết, dùng khoa chiêm tinh, lấy số, bói. Riêng về số, bói cũng có nhiều cuốn: tử vi, tử bình, hà lạc..., bói dịch, nhâm độn...

Tôi không xét những khoa coi chỉ tay, coi tướng, coi chữ viết, vì những khoa đó không có tính cách huyền bí mà có tính cách kinh nghiệm, đặt cơ sở trên những cái cụ thể ta trông thấy, hiểu được, và đã được nhiều tâm lý gia châu Âu, Mỹ nghiên cứu. Nhưng ta phải nhận rằng những nhà bác học này chỉ tìm hiểu để đoán tính tình người chứ không phải để đoán tương lai: họ không bàn tới thuyết tiền định.

a. Thuyết tiền định

Về thuyết tiền định: tôi đã nghe nhiều người hỏi như vậy:

- Nếu ta tin có phép tiền định thì ai giàu sẽ giàu, ai nghèo sẽ nghèo, tới lúc giàu sẽ giàu, tới lúc nghèo sẽ nghèo, vậy còn hoạt động làm gì nữa? Và thuyết tiền định dạy ta cái thói làm biếng rồi.

Lý luận như vậy là sai: đã tin có thuyết tiền định thì phải nhận rằng mỗi hành động của ta không do ý chí của ta nữa, vậy thì làm sao ta có thể lựa sự không hoạt động, mà bảo rằng tiền định dạy ta làm biếng?

Như vậy không đủ để thuyết tiền định. Dưới đây tôi chỉ xét khoa chiêm tinh, khoa lý số, khoa bói có đúng hay không, nếu đúng thì phải nhận có thuyết tiền định, nếu sai thì ta chưa thể kết luận gì được hết vì có thể rằng luật đó có mà khoa học huyền bí hiện nay chưa tìm ra được một cách đích xác.

b. Khoa chiêm tinh của phương Tây

Trước hết tôi xin bàn về khoa chiêm tinh, người Pháp gọi là Astrologie. Tôi thú thực chưa nghiên cứu khoa này, nhưng ông Paul Couder, nhà thiên văn học của đài thiên văn Paris, trong cuốn *L'astrologie* (Presses Universitaire de France – 1957) đã để tâm nghiên cứu và bảo nó không có giá trị gì cả.

Ông chứng thực rất công phu rằng những điều mà khoa chiêm tinh nói về các ngôi sao đều sai, phản khoa học; rằng chính các nhà chiêm tinh danh tiếng cũng mâu thuẫn với nhau và tính ngày giờ thường sai.

Ông lại bảo rằng khoa đó hoàn toàn vô lý ngay từ căn bản. Đại ý ông bảo: “Tại sao lại cho rằng vị trí của các ngôi sao khi đứa trẻ lọt lòng mẹ có ảnh hưởng tới suốt đời của nó? Tại sao lựa lúc

đó mà không lựa lúc hai tinh trùng mới hợp nhau để kết thành thai trong bụng người mẹ? Mà mỗi ngày mỗi giờ, trong mỗi tỉnh lớn sinh ra bao nhiêu trẻ con, gia đình, giống nòi, tổ quốc khác nhau, thì bấy nhiêu đứa số đều như nhau cả sao?”

Ông có thể nói thêm: “Trong những thiên tai như nạn động đất vừa rồi (tháng ba năm 1960) ở Maroc; cả vạn người chết cùng một ngày cùng một nguyên nhân, thì số của họ phải có một điểm nao giống cả sao? Trong những họa chiến tranh như họa bom nguyên tử ở Hiroshima, Nagasaki năm 1945, thì hằng trăm ngàn người cùng một số với nhau sao?”

Ông cũng nhận rằng có khi các nhà chiêm tinh đoán đúng, nhưng một con én không làm nổi mùa xuân, một lần đoán đúng thì biết bao lần đoán sai, mà các nhà chiêm tinh không chịu làm thống kê đảng hoàng; nếu làm thống kê tất sẽ thấy khoa chiêm tinh hoàn toàn sai. Ông đưa một thí dụ: Các nhà chiêm tinh đều bảo rằng trẻ nào sinh vào ngày nào, giờ nào thì sau thành nhạc sĩ. Nhưng làm thống kê, ông thấy ngày nào cũng có nhạc sĩ tương lai ra đời, ít nhất là một nhạc sĩ, nhiều nhất là 17 nhạc sĩ trong số 2.817 nhạc sĩ trong một năm. Có 100 ngày mà 7 hoặc 8 nhạc sĩ ra đời cùng một ngày. Như vậy là hoàn toàn theo luật ngẫu nhiên chứ không có tiền định gì cả.

Sau cùng ông chép lại những lời tiên tri quan trọng mà sai từ hồi trung cổ tới nay. Năm 1179, một người bí mật tên là Jean de Tolède loan tin ở Đức rằng tới năm 1186, các tinh tú sẽ hội họp nhau làm sao đó mà thế giới sẽ bị tai nạn lớn: tháng chín sẽ có động đất, đông tố. Tin truyền đi rất mau làm cho dân chúng châu Âu kinh khủng, vội đào hầm, đào hang, bít cửa sổ, nhịn ăn, cầu nguyện. Nhưng tới tháng chín năm 1186 chẳng có gì cả. Về sau, các tin đồn của Jean de Tolède bảo thiên tai đó là sự lên ngôi của Thành Cát Tư Hãn (Gengis Khan). Sự thực Thành Cát Tư Hãn lên ngôi từ năm 1179 kia.

Tới thế kỷ thứ 16, cũng có một kẻ báo trước rằng tháng hai năm 1524 sẽ có một nạn đại hồng thủy vì các tinh tú gặp nhau ở một “dấu hiệu âm thấp”. Dân chúng cuống quýt cả lên; bán nhà để tậu thuyền, có kẻ lên núi ở, có kẻ lo quá hóa điên. Kết quả: tháng hai năm đó khô ráo hơn mọi năm.

Cũng trong thế kỷ đó, nhà chiêm tinh nổi danh nhất là Nostradamus, viết một bộ sách sấm, nghĩa rất bí hiểm, ai muốn hiểu ra sao cũng được. Hiện nay cuốn đó được tái bản, và mỗi lần tái bản người ta lại giảng thêm những việc xưa mà người ta “gò” vào cho đúng lời sấm. Đây là một thí dụ:

La grande estoile par sept jours bruslera,
Nue fera deux soleils apparoirs;
Le gros mastin toute nuit hurlera,

Quand grand Pontife changera de terroir.

Bốn câu thơ đó có ý báo rằng sẽ có một ngôi sao mới, sáng rực, thành thử như có hai mặt trời làm cho một con chó sợ mà sủa lớn tiếng và một đại giáo trưởng phải xuất ngoại – vào thuở nào thì không biết.

Một cuốn sách xuất bản năm 1947 giăng như vậy: ngôi sao lớn đó là Mussolini, ngôi sao chiếu sáng rực rỡ bảy ngày nghĩa là Mussolini đã thắng trận bảy năm, từ 1935 đến 1942; hai mặt trời trong sấm là Hitler và Mussolini; con chó sủa lớn tiếng đó cũng là Mussolini; và vị đại giáo trưởng phải xuất ngoại đó là Tổng thống Huê Kỳ Roosevelt đổ bộ lên Bắc Phi ngày 8 tháng 11 năm 1942. Cuốn sách dày 216 trang mà từ đầu tới cuối đều một luận điệu đó. Paul Couderc kết luận: “Người ta phải xấu hổ khi nghĩ rằng thời đó (năm 1947), thiếu giấy để in sách cho học sinh dùng, mà có đủ giấy để in những cái nhảm nhí ấy.”

Rồi ông tự hỏi hình luật (điều 479 – Luật ngày 28/4/1832) đã phạt vạ hoặc phạt tù những kẻ làm nghề thầy bói, giải mộng, đoán tương lai, vận mạng, mà sao vẫn còn nhiều kẻ sinh nhai bằng chiêm tinh, vẫn còn những nhật báo và tuần báo đăng đều đều những mục chiêm tinh, và năm 1935, nội Ba Lê có tới 3.460 phòng chiêm tinh có môn bài, không kể vô số phòng mở lậu nữa, và thậm chí đến một nhà chiêm tinh nọ nhận được 5.000 bức thư mỗi ngày, phải mượn 50 người để giúp việc.

c. Khoa số và bói của phương Đông

Tôi xin nhắc lại, tôi không biết chút gì về khoa chiêm tinh của Âu. Riêng tôi, không tin nó, và tôi thấy những lý lẽ của ông Paul Couderc đủ vững, nhưng tôi xin đưa ít ý kiến của tôi về môn lý số và bói mà tôi được biết sơ sài vì trong hai chục năm nay, tôi đã đọc năm bảy bộ sách Hán, Việt về các môn đó, lại được tiếp xúc với ít nhà coi số, coi bói chuyên nghiệp hoặc tài tử.

Heywood Brown, một ký giả nổi tiếng của Hoa Kỳ đã viết: “Tôi đã nhiều khi lầm lẫn, đã viết sai không biết bao nhiêu mà kể. Nhưng không bao giờ tôi chịu viết một điều gì mà lúc viết tôi không tin là đúng.” Câu đó diễn đúng tâm trạng tôi lúc này. Những điều tôi sẽ bàn dưới đây có thể lầm lẫn; có thể rằng năm mười năm nữa, tư tưởng của tôi sẽ thay đổi; nhưng khi diễn ra, thì tôi tin là đúng.

Tôi đã đọc những sách về số tử vi, số tử bình và bói Dã hạc.

Khoa tử vi và khoa tử bình cũng dùng ngày, giờ, năm, tháng và các ngôi sao như khoa chiêm tinh của Âu, nhưng khác hẳn với lối chiêm tinh, nhất là không liên quan gì với khoa thiên văn cả; vì vậy các nhà khoa học phương Tây có nghiên cứu khoa tử vi và tử bình, cũng không thể chứng minh được nó trái với khoa học, nói đúng hơn, là trái với khoa thiên văn ở chỗ nào. Hai

môn khác hẳn, không có điểm để so sánh.

Tôi không bàn đến lý thuyết của tử vi và tử bình. Cả hai môn đều dùng những thuyết âm dương, ngũ hành tương sinh tương khắc... mà ta còn có thể hiểu được; nhưng ngoài ra còn những qui tắc, những phép đặt chỗ cho các ngôi sao. Chẳng hạn về khoa tử vi tại sao lại có 12 cung mà không phải là 16 hay 8? Tại sao cung ách lại nằm giữa cung thiên di và cung quan lộc? Tại sao những người sinh năm Nhâm Tý, Quý Sửu thì mạng lại là mộc? Tại sao những người sanh ngày nọ ngày kia thì sao tử vi lại ở cung này cung khác?...

Có thể rằng những nhà sáng lập ra môn số, bói, khi định những phép tắc đó cũng có lý do riêng; nhưng hiện nay đọc sách về các môn đó, ta phải tin những lời chỉ trong sách là đúng, chứ đừng hỏi tại sao. Mà nếu không tin thì thôi. Tôi tưởng đó là một tính cách chung của các nhà khoa học huyền bí, ở phương Đông cũng như phương Tây.

Đã không thể xét về lý thuyết, thì ta xét về kết quả để định giá trị của những môn ấy. Kể ra như vậy cũng không thật là hợp lý vì hai lẽ:

Ta không thể tin được những lời đoán của người trước. Chẳng hạn có sách Tử Vi in lá số của Khổng Tử, Hạng Võ, Lữ Hậu, cả của Hitler nữa. Làm sao mà kiểm soát được giờ sinh ngày đẻ của Khổng Tử? Còn Hitler thì sinh ở Đức, mà giờ Trung Hoa với Đức khác nhau 7, 8 giờ, không biết người ta tính ra sao? Dù những ngày giờ đó có đúng chẳng nữa thì những lời đoán cũng không có nhiều giá trị vì đoán sau khi việc đã xảy ra.

Còn những lời đoán của người ngày nay về những việc hiện tại, nếu đúng thì không nói gì, nếu sai thì ta cũng không thể do đó mà bảo rằng những khoa đó sai vì biết đâu thước thì đúng mà vì thợ vụng nên hình vẽ hóa sai.

Nhưng không còn cách nào khác nên tôi phải căn cứ vào lời đoán của người đương thời và đối chiếu với những lời chỉ trong sách để xem khoa lý số đáng tin đến mức nào. Căn cứ vào đối chiếu như vậy, tôi thấy hoang mang.

Xét về đại cương thì các sách số không khác nhau nhiều vì sách đó có lẽ đều do một nguồn gốc. Nhưng về tiểu tiết, nhiều tác giả không đồng ý nhau, ngay trong việc đặt các sao và tính đại hạn, tiểu hạn.

Chẳng hạn, trong khoa tử vi, có sách nói sao Kinh dương đứng trước sao Lộc tồn, sao Đà la đứng sau sao Lộc tồn. Có người nói ngược lại: Kinh dương đứng sau, mà Đà la đứng trước. Đa số đều tính đại hạn (hạn từng mười năm một) từ cung mạng; có sách lại bảo nên tính từ cung ở giáp cung mạng tùy theo là dương nam hay âm nam, âm nữ hay dương nữ. Cách tính tiểu hạn (hạn từng năm một) cũng có hai thuyết. Cách tính tháng còn rắc rối hơn nữa: có đến ba thuyết

mà hai thuyết tương phản nhau.

Về tính cách của các sao cũng vậy. Như sao Thiên Lương người thì cho là thuộc mộc, người thì cho là thuộc thổ, có kẻ lại vừa mộc vừa thổ. Những sai biệt đó tuy nhỏ mà rất quan trọng làm thay đổi cả phép đoán.

Và trong những sách tôi đọc, không cuốn nào không chứa một vài chỗ mâu thuẫn: cùng một ngôi sao đó, trang này bảo là ở cung nọ thì tốt, mà trang khác lại bảo ở cung đó là xấu.

Như vậy tôi phải kết luận rằng khoa tử vi, hiện nay có vẻ lộn xộn; không thống nhất, có thể vì cái học nguyên thủy đã sai lạc, hoặc vì người ta tự ý thêm thắt mà không có lý do chính đáng để người khác phải theo. Khoa tử bình cũng có tình trạng đó nhưng ít hơn.

Sách dạy đã khác nhau thì lời đoán tất phải khác nhau và người nào cũng cho cách của mình là đoán đúng, cũng có thể dẫn lời trong sách hoặc của tôn sư ra để bênh vực được.

Cùng một đại hạn đó, người đoán là tốt người đoán là xấu. Khổ một nỗi là trong rất nhiều trường hợp cả hai thuyết tương phản đó đều có lý một phần. Biết tin ai? Dem nhân sự ra đối chiếu thì đôi khi cũng khó quyết định được thuyết nào đúng, thuyết nào sai vì cùng một hạn mười năm đó thường khi có cả tốt, lẫn xấu, cho nên có thể cho là tốt, mà cũng có thể cho là xấu, tùy quan niệm của mỗi người.

Đoán một tiểu hạn, tức họa phúc trong một năm cũng vậy, cũng không có gì là chắc chắn cả. Đó là tôi xét trường hợp mà các nhà đoán số đồng ý nhau về cách đặt những đại hạn hoặc những tiểu hạn vào cung nào, sao nào. Nếu họ đặt khác cung nhau như trên tôi đã nói thì đoán làm sao mà giống nhau được nữa?

Việc đoán họa phúc trong một tháng càng dễ sai hơn vì tháng là một đơn vị nhỏ nằm trong đơn vị tiểu hạn, tiểu hạn lại nằm trong đơn vị đại hạn, đại hạn lại nằm trong toàn thể số mạng của mỗi người. Nói chi đến việc đoán tử vi hàng ngày? Theo tôi, đoán việc hàng ngày chỉ là một câu chuyện đùa, cứ nói mười điều thế nào cũng được dăm điều trúng, theo luật trung bình.

Tuy nhiên, tôi không quả quyết rằng khoa tử vi, tử bình hoàn toàn vô lý. Vì tôi đã thấy những trường hợp đó đúng một cách không phải ngẫu nhiên. Tôi lấy ngay thí dụ một gia đình nọ gồm bốn anh em mà tôi được biết. Khi mới sanh mỗi người đều có một lá số tử vi. Số đoán rằng một người con trai sẽ khá nhất, đi càng xa nhà càng khá, một người con trai nữa sẽ chết yếu, một người con gái được nhờ chồng, một người nữa không được nhờ chồng mà được nhờ con. Hiện nay (sau nửa thế kỷ), tôi nghiệm thấy những lời đó đều đúng, mà đúng tới như vậy thì không thể cho là ngẫu nhiên được.

Từ khi tôi tìm hiểu khoa tử vi, tôi thấy những lời đoán đó không phải vô căn cứ. Tôi lại

nghiệm rằng coi qua những số của các bà con, bạn bè cũng có thể đoán ngay được mỗi người vào hạng nào trong xã hội nghĩa là số tốt hay xấu. Mà những lời đoán đó phần nhiều đúng, đúng về đại cương, đúng một cách tương đối. Và vấn đề nhân sự, hoàn cảnh vẫn là quan trọng.

Tôi cần giảng thêm câu tôi vừa viết.

Tôi nói *phần nhiều đúng*, vì tôi thấy cũng có lá số sai: theo số thì phải vào hạng bác sĩ hay ít nhất cũng cử nhân mà rồi, ngoài 20 tuổi, chưa đậu bằng Trung học đệ nhất cấp mặc dầu gặp hoàn cảnh tốt; hoặc theo số rất thông minh, (chính tinh đắc địa, xương khúc cũng đắc địa) mà học lại ở dưới cái mực trung bình.

Tôi mới coi được độ trăm lá số, không đủ để làm thống kê, nhưng cũng nhận thấy rằng 10 lá số, có thể có tới ba bốn lá hoàn toàn sai. Điều này đáng cho ta chú ý: những lá số đó thì tử vi đoán khác, tử bình đoán khác, trái lại những lá nào tử vi tử bình đều hợp nhau thì *thường* là đúng hết. Vậy muốn cho chắc chắn phải lấy cả tử vi lẫn tử bình, nếu hai lá không mâu thuẫn nhau thì mới có thể tin là có *phần* đúng.

Tôi lại nói: *đúng về đại cương*, nghĩa là chỉ đoán được số người đó tốt hay xấu, tới hạn nào thì khá, hạn nào thì kém; càng đi vào chi tiết (như ốm đau, kiện tụng, lập gia đình, thi đậu, phát tài, có tang...) thì càng dễ sai, mà lời đoán của mỗi nhà càng dễ khác nhau, có khi mâu thuẫn nhau.

Sau cùng tôi nói: *một cách tương đối* là nghĩa thế này: một lá số đó, ta đoán được tốt hay xấu, nhưng hai lá số tốt ngang nhau thì ta không thể kết luận rằng hai người đó sau này sẽ có địa vị ngang nhau. Có thể rằng vì hoàn cảnh gia đình, vì chỗ ở, vì sự gắng sức mà một người thành công gấp năm gấp mười người kia, thành một nhà văn nổi danh hoặc một thương gia, trong khi người kia chỉ là một thầy giáo, một chủ tiệm nhỏ ở quận, phủ. Điều đó, chính các người soạn sách lý số cũng công nhận.

Về khoa bói, tôi cũng đã được chút kinh nghiệm, nhận thấy rằng phần sai nhiều hơn phần đúng; nhưng khi gặp một hai quẻ đúng thì đúng một cách kỳ dị, đúng tới những chi tiết nhỏ nhặt làm cho tôi ngờ rằng không thể do sự ngẫu nhiên được.

Tôi xin dẫn hai thí dụ. Năm đó tôi làm việc ở Sài Gòn, thân mẫu tôi ở Vĩnh Yên, đầu đã vài tháng, tôi cũng tưởng là bệnh già chưa có gì đáng lo thì bỗng nhiên có điện tín báo rằng người đã mất. Tôi ngờ rằng là chưa mất nhưng muốn tôi về gấp nên báo vậy. Tôi xin một quẻ bói. Đoán rằng chưa mất, nhưng nửa tháng sau, vào ngày đó hoặc ngày đó sẽ mất. Sau quả nhiên như vậy. Lần khác, một bà chị tôi ra bán vải, xin một quẻ bói, quẻ đoán tốt; nhưng công việc làm ăn không bền, tới tháng ba sang năm sẽ phải thôi. Quẻ đó cũng nghiệm nữa. Đoán được chết hay sống, hoặc làm ăn khá hay không thì dù có đúng cũng là chuyện thường, có thể do

ngẫu nhiên mà đúng nhưng đoán được ngày nào chết; tháng nào phải dẹp công việc mặc dầu công việc đương phát thì không còn là may mà đúng được nữa. Nhưng tôi xin nhắc lại rất nhiều quẻ đoán sai be bét. Có phải tại tôi ít được gặp những người giỏi về môn đó chăng?

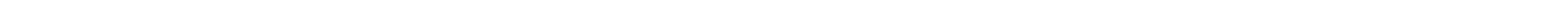
Tóm lại, ý kiến của tôi hiện nay về những khoa lý số bói toán của phương Đông như vậy: Những khoa đó không thống nhất, mà số người hiểu kỹ thì rất ít, không ai chịu làm thống kê, nên không biết được nó đáng tin tới mức nào.

Nhưng hoàn toàn bảo nó sai thì cũng không được: đôi khi nó đúng với những khoa ấy, hiện nay tôi vẫn còn thái độ tìm hiểu, và nếu có ai đoán số cho tôi thì tôi cũng hay vậy, đợi xem có đúng không chứ không tin ngay.

Có nhiều cái huyền bí không thể hay chưa thể dùng lý trí mà hiểu được, thì đành phải hồ nghi. Thiếu tinh thần hồ nghi mà lại vô tình hay cố ý dùng khoa học huyền bí thì thường là có hại. Cho nên cổ nhân rất thận trọng, chỉ truyền những môn học đó cho người đạt quan và có đức.

CHƯƠNG VIII: HỌC CHỮ' NGỜ'

- 1. Một điều không nên quên
- 2. Mọi thuyết chỉ đúng tạm thời
- 3. Có nhiều chân lý chỉ đúng 50%
- 4. Dự luận
 - A. Tính cách của dự luận
 - B. Những luật chi phối dự luận



1. Một điều không nên quên

Có một điều mà chúng ta không nên quên là theo các nhà bác học thì trái đất có từ hai ba tỷ năm nay, loài người xuất hiện được khoảng một triệu năm nay[27], mà nền văn minh của nhân loại mới có khoảng sáu ngàn năm, và ba trăm năm nay là nhân loại[28] tiến rất mau về các ngành khoa học; biết bao học thuyết mới, tư tưởng mới, kỹ thuật mới đã phát sinh trong ba thế kỷ đó.

Cũng theo các nhà bác học thì trái đất nếu không bị loài người tàn phá vì bom nguyên tử hay một vũ khí nào khác chưa chế tạo ra, thì không có lý gì trái đất và loài người không tồn tại được hàng triệu năm nữa. Ta cứ tính con số nhỏ nhất là một triệu năm nữa đi. Như vậy thì sáu ngàn năm văn minh đã qua so với một triệu năm tới sẽ có là bao đâu: như một nét gạch dài sáu li so với một đường gạch dài một thước; hoặc như một thời gian bảy tháng so với đời người thọ được trăm tuổi. Nếu ta chỉ kể ba trăm năm gần đây mà kiến thức của loài người tiến rất mau, thì tỷ số càng nhỏ, gần như không nghĩa lý gì cả:

$\frac{300}{1.000.000} = \frac{3}{10.000}$ tức một nét gạch dài ba li so với một đường dài mười thước; hoặc một thời gian là mười một ngày so với đời người thọ được trăm tuổi.

Trong ba trăm năm nay kiến thức của ta đã tiến như vậy thì trong cái tương lai cả triệu năm nữa, chúng ta sẽ tiến tới đâu, điều đó không ai tưởng tượng nổi. Chắc chắn sẽ có nhiều sự thay đổi ghê gớm mà chắc chắn rằng nhiều lý thuyết ngày nay ta cho là đúng thì sau này sẽ thấy là sai.

2. Mọi thuyết chỉ đúng tạm thời

Xét về giáo dục, chính trị, kinh tế ta nhận thấy điều đó. Về giáo dục, cái thời mà người ta chủ trương phải uốn nắn trẻ từ nhỏ theo mẫu của người lớn đã nhường bước cho cái thời mà người ta tôn trọng sinh lý, tâm lý của trẻ, và hiện nay ở trong nước tân tiến như Hoa Kỳ sau khi để cho trẻ quá tự do, người ta lại muốn trở về thuyết kiểm chế. Vậy thì điều xưa cho là đúng, sau cho là sai rồi lại có thể cho là đúng một phần nào.

Xét về chính trị, kinh tế cũng vậy: hết độc đoán đến tự do, hết tự do đến chỉ huy... Có những chân lý chỉ đúng có một thời và có người đã cho rằng loài người không tiến theo một con đường thẳng mà theo một đường xoáy tròn ốc.

Ngay trong khu vực khoa học, bên cạnh những chân lý tuyệt đối (thí dụ A bằng B, B bằng C thì A cũng bằng C) vẫn có những lý thuyết chỉ tạm thời đúng. Chẳng hạn những lý thuyết về thiên văn, về ánh sáng, thuyết vận động của các khí (théorie cinétique des gaz), thuyết lượng tử (théorie des quanta) của Max Planck... đã được sửa đổi hoặc còn phải sửa đổi cho đúng hơn. Ông Marcel Boll còn nói rằng về toán học, luân lý học cũng vậy nữa: những công lý (axiome) tức những định lý không cần phải chứng minh mà ai cũng nhận là đúng, chỉ là những lý thuyết có thể xét lại được và cần phải xét lại, vì những công lý không phải bản nhiên là những chân lý mà chỉ là những điều người ta quen nhận là chân lý từ lâu “mà thường khi lại sai nữa”

Đó là nói về kiến thức chung của *loài người*; kiến thức của một người hẹp hơn nhiều thì có nghĩa lý, giá trị gì đâu? Vậy những điều một người nào tin là đúng – nhất là khi người đó lại chính là ta – đều phải đem ra xét lại; xét lại mà thấy đúng thì cũng chỉ nên coi nó là đúng một cách tạm thời, trong những hoàn cảnh riêng biệt. Đó là một quy tắc để tập cái đức NGỜ.

3. Có nhiều chân lý chỉ đúng 50%

Một quy tắc nữa là nên nhớ rằng có những chân lý sai đến 50%, và những chân lý này thường là những châm ngôn, tục ngữ.

La Rochefoucauld một văn sĩ ở thế kỷ 17 của Pháp sở dĩ nổi danh là biết lợi dụng những điều tôi mới nói. Ông tìm những chân lý đúng 50% rồi nói ngược lại thiên hạ, thế là thiên hạ để ý tới ông liền.

Chẳng hạn ta thường nghĩ rằng công việc tay chân làm cho trí óc đỡ lo lắng, nhờ vậy mà kẻ nghèo đỡ khổ. Điều đó đúng, có lẽ đúng trên 50%, nhưng không phải lúc nào cũng đúng: không phải lúc nào làm việc bằng tay chân cũng hết lo lắng, có khi công việc tay chân quen quá rồi, ta làm như cái máy, thành thử óc ta vẫn có thể lo lắng về việc khác được; vả lại làm việc bằng tinh thần cũng có thể giúp ta bớt lo, bạn có thể thí nghiệm: lúc nào nóng ruột chờ ai, bạn lấy toán ra làm hoặc mời một người quen lại chơi cờ thì sẽ hết lo ngay.

Nhận thấy rằng La Rochefoucauld nói trái hẳn lại: Sự làm việc bằng tay chân làm cho nỗi lo lắng của trí não tăng lên, vì vậy mà những người nghèo hóa khổ sở. Rõ là ngược đời, mà cũng có phần đúng.

Tôi lấy hai thí dụ nữa.

Cả hai bên đều đúng.

Trong kho tàng tục ngữ, ta cũng lượm được nhiều chân lý đúng 50% như vậy. Chẳng hạn, tục ngữ nói:

Một con sâu làm rầu nồi canh.

Mà ta cũng có thể nói: Một con sâu không làm rầu nồi canh.

Tục ngữ nói:

Giàu điếc sang dui.

Nhưng cũng nói:

Phú quý sinh lễ nghĩa

Ta nói:

Trông mặt mà bắt hình dong

Con lợn có béo cổ lòng mới ngon.

Nhưng cũng lại nói:

La Rochefoucauld nói:	Ta nói ngược lại:
Chúng ta hứa tùy theo nỗi sợ sệt của ta, và giữ lời hứa tùy theo nỗi hy vọng của ta.	Chúng ta hứa tùy theo nỗi hy vọng của ta, và giữ lời hứa tùy theo nỗi sợ sệt của ta.
Sự giàu có làm mờ những đức và tật của ta, như bóng tối làm mờ các đồ vật.	Sự giàu có làm rõ đức và tật của ta, như ánh sáng làm rõ các đồ vật.

Xanh vỏ đỏ lòng.

Người Pháp có câu:

Tel père tel fils (Cha nào con nấy)

Lại có câu:

A père avare, fils prodigue.

(Cha hà tiện thì con hoang phí).

Đã nói:

Qui ne risque rien n'a rien

(Không chịu liều thì không có gì cả).

Lại nói:

La fortune vient en dormant

(Thần tài tới trong khi ta ngủ)

Những chân lý đúng 90% hay 95% còn nhiều hơn nữa, có thể nói là bao trùm hết mọi lĩnh vực. Có lẽ vì vậy mà người Pháp nói: “L’exception confirme la règle”: hễ thấy có lệ ngoại thì biết rằng quy tắc đúng. Nhưng chính câu đó cũng chỉ đúng với tỷ số nào thôi. Và ta phải nghi ngờ rằng lệ ngoại không đủ chứng minh rằng quy tắc đúng. Tôi còn nhớ có sách chép tiểu sử Mạc Đĩnh Chi nói tướng ông xấu quá, thầy tướng Tàu không biết ông thông minh và vinh hiển nhờ đâu, một hôm lén theo gót ông tới cầu tiêu và tìm ra được tướng quý của ông. Nếu chuyện đó không phải là chuyện bịa thì người Tàu đó đã không tin thuyết L’exception confirme la règle nên phải đặt ra một định luật mới rất kỳ cục. Như vậy còn hơn là mỗi lần thấy một lệ ngoại chẳng cần tìm hiểu, vội tin rằng có lệ ngoại là quy tắc đúng.

4. Dư luận

A. Tính cách của dư luận

Ta đã không tin hẳn rằng những điều mà nhiều thế hệ truyền lại cho ta trong cái túi khôn của nhân loại, thì đối với dư luận đương thời ta lại càng nên có thái độ NGỜ.

Có người hỏi Khổng Tử: “Người mà cả làng ai cũng ưa là người thế nào?” Ngài đáp: “Chưa chắc là người khá”. Lại hỏi: “Thế còn người mà cả làng ai cũng ghét?” Đáp: “Cũng chưa chắc đã là người khá. Không bằng người mà kẻ thiện trong làng ưa, kẻ bất thiện trong làng ghét.”

Quan niệm của Ngài đối với dư luận đáng gọi là hợp lý.

Dư luận là ý kiến của số đông trong một xã hội. Có khi nó chính đáng: như trong Hội nghị Diên Hồng, như hồi 1945 toàn dân nổi dậy đòi đuổi thực dân Pháp, như hồi 1925 toàn dân đòi Pháp phải trả lại tự do cho cụ Phan Bội Châu; nó rất chính đáng khi dân chúng ở châu Âu ở thế kỷ 19 đòi các chính phủ phải cấm sự mua bán người Da đen; nó rất chính đáng khi dân chúng Anh phản đối chủ trương của Laval-Hoare (năm 1935) muốn nhường Ethiopie cho Ý phát xít, và dư luận khắp thế giới ngày nay đòi hủy những khí giới nguyên tử cũng là rất chính đáng nữa.

Nhưng cũng có nhiều khi nó sai: nó đã nhiều lần công nhận, khuyến khích sự tàn sát lương dân của phe địch; nó đã hoan hô những kẻ như Hitler; vì nó sai nên nhà thiên văn học Copernic ở thế kỷ 15 tìm ra được rằng trái đất xoay chung quanh mặt trời mà không dám tuyên bố; vì nó sai nên người ta đã la ó Pasteur khi ông bảo những bệnh truyền nhiễm đều do những vi trùng sinh ra; vì nó sai nên Philippe Semmelweiss, tìm ra được một cách rất giản dị để trị bệnh sốt sản hậu là khử độc ở tay và dụng cụ y khoa trước khi khám bệnh, mà rồi chẳng ai nghe, đến nỗi ông phải buồn bực, chết trong một nhà thương điên...

Nó lại dễ thay đổi: cho nên hôm nay hoan hô ông X, mai lại đả đảo, đả đảo rồi lại hoan hô, cứ y như chong chóng cho nên dân chúng Pháp năm 1940 theo De Gaulle mà chống Đức, cho nên trong chiến tranh với Algerie, mới đầu dư luận Pháp thuận rồi bây giờ lại chống.

Dù sao ai cũng phải nhận rằng nó rất mạnh. Ngay từ thời Thượng Cổ, sách Quốc ngữ của Trung Hoa đã viết: “Giữ miệng dân khó hơn giữ nước sông, đắp sông mà sông vỡ thì làm tổn hại nhiều người, đối với dư luận cũng vậy. Cho nên người làm sông phải để cho sông chảy, người trị dân phải để cho dân nói. Ôi! dân lo trong lòng, phải nói ra miệng, giữ làm sao được” (Phan Khoang dịch).

Nó còn mạnh hơn dòng sông; nó là dòng thác. Chỉ đứng ở ngoài mới khỏi bị lôi cuốn. Chúng ta còn nhớ chiến tranh Phổ Pháp năm 1870. Cả vua Phổ là William đệ nhất và vua Pháp là Nã

Phá Luân đệ tam đều muốn hòa bình, mà cả hai dân tộc Pháp, Phổ cũng không thù oán gì nhau cả. Chỉ có thủ tướng Phổ là muốn gây chiến để chiếm ưu thế trên lục địa Âu. Nhân một vụ truyền ngôi ở Y Pha Nho, Nã Phá Luân đệ tam yêu cầu vua Phổ khuyên cháu đừng tranh giành ngôi đó. Vua Phổ chịu nghe, nhã nhặn trả lời sứ thần Pháp rằng vấn đề đó được coi như đã giải quyết xong, kể đó ông đánh điện cho Bismark hay. Bismark muốn gây hấn, sửa đổi bức điện tín để chọc tức cả hai dân tộc rồi công bố trên báo chí. Dân Phổ đọc báo, sôi gan, mắng Pháp Hoàng đã dám làm mất thể diện của Đức Vua họ, còn dân Pháp hay tin cũng căm hận vì một tên lính hầu cận của vua Phổ đã làm nhục vị sứ thần thay mặt quốc gia mình, rủa nhau biểu tình gào thét những khẩu hiệu: “Chiến tranh vạn tuế!”, “Tiến đến Berlin!” trong khi bài Marseillaise vang lên ở khắp nơi. Bị dư luận bức bách, chính phủ Pháp phải tuyên chiến với Phổ. Bismark chỉ đợi cơ hội đó vì Phổ đã dự bị từ lâu, Pháp thì không đề phòng gì cả, đã giảm quân số từ mấy năm trước. Kết quả là Ba Lê bị bao vây trong một năm đằng đẳng, dân chúng đói rét, gập gù ăn nấy (chuột giá hai quan một con). Sau cùng Ba Lê phải đầu hàng, và Pháp phải nhường hai tỉnh Alsace và Lorraine cho Phổ.

Trang sử đó cho ta thấy:

Dư luận mạnh đến nỗi một chính phủ không chống nổi nó, mà phải để cho nó lôi cuốn.

Chỉ một hai kẻ xảo quyệt cũng đủ gây được dư luận. Thời đó phương tiện thông tin chưa tiến mà Bismark gây được sóng gió như vậy, thì thời Hitler và nhất là thời này, sự tạo dư luận càng dễ dàng biết bao mà cũng có thể nguy hiểm biết bao! Ở những nước như Huê Kỳ, bất kỳ một người dân nào, cả người ngoại quốc nữa, cũng có quyền sớm tối lập ra một tờ báo và nếu có đủ tiền bạc, đủ mảnh khóe thì có thể nếu không tạo được dư luận, cũng ảnh hưởng lớn đến dư luận.

Dư luận có ít tính cách lý trí mà đượm nhiều tình cảm. Dân Phổ và Pháp thời đó đâu có suy nghĩ rằng nguyên nhân chẳng có gì quan trọng, việc có thể thu xếp bằng ngoại giao được mà kết quả của chiến tranh bao giờ cũng tai hại. Một số người điên tiết lên, hô hào kẻ khác, đánh vào lòng tự ái, lòng ái quốc, lòng danh dự của họ, thế là thiên hạ ùn ùn theo. Rất nhiều người theo không phải vì cùng một quan điểm mà chỉ do sức lôi cuốn của quần chúng. Ở nhà với vợ con thì họ chẳng thích gì chiến tranh đâu, rửa lên một vài câu rồi đi ngủ, nhưng ra đường nghe những khẩu hiệu nẩy lửa của quần chúng, nghe bài Marseillaise thì họ chẳng suy nghĩ gì nữa, nghiêng rống trợn mắt nhập bọn liền.

Ngay trong những cuộc hội họp thường để trò chuyện của ta cũng cảm thấy ảnh hưởng của số đông. Bạn ngồi riêng một mình bảo chiêu đãi viên pha cho một ly nước chanh tươi, nhưng ngồi chung với năm sáu người nữa thì ý kiến của bạn đã thay đổi, hai ba người kêu la ve thì bạn

cũng trả lời chiêu đãi viên: “Ừ, cho tôi la ve.”

B. Những luật chi phối dư luận

Không những dư luận ít khi có tính cách hợp lý, mà nó còn dễ lầm lẫn vì những tin tức do quần chúng loan báo thế nào cũng sai lạc, mà ảnh hưởng lớn đến dư luận. Ông Alfred Sauvy đã nhận xét những sự sai lạc đó và tìm ra được ba luật chính dưới đây:

(1) Nếu tin tức liên quan đến quyền lợi vật chất thì sự sai lạc hướng về đường lối bình vực quyền lợi.

Chẳng hạn khi chính phủ dò dư luận xem vật giá tăng lên bao nhiêu thì dư luận bao giờ cũng phóng đại ít nhiều để mong chính phủ tìm cách hạ giá xuống hoặc tăng lương cho công chức tư chức.

Trong thời đại chiến tranh vật thực khan hiếm, nếu có người Pháp nào thì thầm rằng nhà máy nọ nhà máy kia chế bơ để cho quân Đức làm mỡ chùi máy móc thì tin đó loan truyền một cách mau lẹ lung. Mười mấy năm trước ai mà không biết tin Pháp dùng lúa để đốt máy trong khi dân Bắc chết đói?

Trái lại những tin mất mùa thời đó lan rất chậm là vì nếu loan tin mất mùa thì giá gạo giá lúa sẽ tăng hoặc chính phủ sẽ hạn chế sự mua bán lúa, gạo; còn loan tin phí phạm vật thực thì là mong vật thực sẽ dồi dào hơn, có khi bớt phí phạm đi, mà lòng căm thù quân địch đồng thời có chỗ để xì ra.

(2) Nếu tin tức liên quan đến tình cảm, thị dục thì sự sai lạc hướng về chiều có lợi cho tình cảm, thị dục, làm cho nó hóa ra hữu lý và mạnh lên.

Người mộ đạo trông vào đâu cũng thấy những phép của Chúa, của Thánh. Nhà luân lý nhìn đâu cũng thấy xã hội suy đồi, luân thường đảo ngược.

Thời chiến tranh, những tin về những hành động dã man của địch chẳng cần phải đăng báo mà ai cũng biết; còn những tin về tinh thần anh dũng, hy sinh, nhân đạo của quân đội mình thì bất kỳ trong cuộc họp nào người ta cũng kể đi kể lại.

(3) Nếu tin liên quan tới mục đích, đường lối chung thì sự sai lạc hướng về công ích, về đoàn kết.

Đảng viên bao giờ cũng phóng đại tin có lợi cho đảng. Và trong chiến tranh, chiến công của mình bao giờ chẳng vẻ vang hơn chiến công của địch.

Chính vì dư luận dễ lầm lạc, nên nhiều người chỉ trích chế độ phổ thông đầu phiếu, cho rằng nhân loại phải tạm nhận nó vì chưa thấy cách nào hơn. Ông Marcel Boll nói: “Sự bình đẳng của các cử tri làm cho lá phiếu của một người cha có mười đứa con vị thành niên ngang giá trị với

lá phiếu của một người độc thân; lá phiếu của một kẻ mù chữ ngang giá trị với lá phiếu của một người được giải thưởng Nobel. Người ta chỉ còn hy vọng rằng nền giáo dục sẽ nâng cao trình độ hiểu biết của quần chúng lên, chứ hiện nay thì ngay ở những nước văn minh, đa số quần chúng cũng chẳng hiểu gì về những cái mà họ biểu quyết cả.” Ông Alexis Carrel còn quyết liệt hơn, trong cuốn *L’homme cet inconnu* và cuốn *Réflexions sur la conduite de la vie* đòi thay đổi nền giáo dục, chú tâm vào sự đào tạo những người thông minh, đạo đức, đứng phai công phai tiền giáo hóa những kẻ ngu độn và điên khùng, nghĩa là ông đả đảo sự bình đẳng trong giáo dục. Ôn hòa như ông Phan Khoang mà cũng nói:

“Dư luận đã có thể uốn nắn như cục đất sét trong tay người thợ gốm như thế thì chắc không phải là ý kiến chân thật của công chúng, và không biểu thị được lẽ phải rồi, mặc dầu là lẽ phải tương đối, lẽ phải mà công chúng ấy có thể có được.

“Nhưng không lẽ trong số người gồm thành công chúng ấy ai nấy đều sai lạc cả. Phải có người sáng suốt, thấy rõ sự thực chứ?

“Có, và có thể có nhiều cũng nên. Nhưng cái thời đại mà cái luật “thiểu số phục tùng đa số” đã được áp dụng thì hạng người sáng suốt kia, vì ít hơn, nên tiếng nói của họ phải bị lấn át và không ai đếm xỉa đến cả. Đó là cái tai họa của nhân loại.” [\[29\]](#)

Đó chính là cái thắc mắc của một số trí thức từ Đông qua Tây. Nhưng trong cuốn sách này tôi không bàn về vấn đề đó, chỉ nêu lên ít nguyên nhân sai lầm của dư luận để độc giả biết nghi ngờ mỗi khi nhận xét một dư luận nào thôi.

CHƯƠNG IX: TẬP ĐỀ PHÒNG

- 1. Đề phòng sự quảng cáo
 - A. Sức mạnh và lợi ích của quảng cáo
 - B. Thuật quảng cáo
- 2. Đề phòng sự tuyên truyền
 - A. Phân biệt thông tin và tuyên truyền
 - B. Con người rất dễ tin
 - C. Ba thủ đoạn tuyên truyền
 - D. Năm luật tuyên truyền

Biết ngờ chưa đủ, còn phải đề phòng. Trong chương này tôi sẽ xét qua về thuật quảng cáo và tuyên truyền để chúng ta đề phòng.

1. Đề phòng sự quảng cáo

A. Sức mạnh và lợi ích của quảng cáo

Trước hết là quảng cáo. Ai cũng biết các báo chí thời này sống nhờ quảng cáo. Ở nước ta, muốn cho một tờ báo sống được thì phải làm sao thu được một số tiền quảng cáo đủ để trả phí tổn in báo. Ở Âu, Mỹ, thường thường hai phần ba lợi tức các báo là do quảng cáo. Vì vậy nhân viên đi thu quảng cáo có khi kiếm được nhiều tiền hơn thư ký tòa soạn. Rất ít tờ báo không cần quảng cáo mà sống được.

Chính độc giả cũng ưa đọc quảng cáo. Ở Mỹ, quảng cáo bằng hình ảnh lớn được tới 80% độc giả đàn ông và 95% độc giả đàn bà đọc. Những tin rao vặt cũng được 39% độc giả đàn ông và 45% độc giả đàn bà đọc. Như vậy ta đủ thấy ảnh hưởng của quảng cáo tới đời sống chúng ta ra sao.

Nó không phải là vô ích. Nhờ nó mà sức tiêu thụ mới mạnh, cạnh tranh mới ráo riết mà kỹ nghệ mới phát triển.

Hãng National Retailer's ở Mỹ điều tra và thấy rằng: Hai hóa phẩm A và B có giá trị tương đương, bán bằng giá nhau, thứ A có quảng cáo, thứ B không, thì có:

87,6% khách hàng hỏi mua thứ A.

3,6% khách hàng hỏi mua thứ B.

Và 8,8% khách hàng gặp thứ nào mua thứ nấy.

Một hàng bán sô cô la một hôm quyết định bỏ quảng cáo và số bán tức thì sụt liền. Ngay như hãng xe hơi Ford, nổi danh nhất thế giới từ lâu đời rồi cũng không dám bỏ quảng cáo vì họ đã thí nghiệm và cũng đã thất bại nặng.

Vì quảng cáo quan trọng như vậy, nên năm 1943 các nhà doanh nghiệp Mỹ lời được 42 tỷ Mỹ kim đã bỏ ra 2 tỷ để quảng cáo, mà nước Pháp cũng tiêu trên 2 tỷ quan trong năm 1938. Hiện nay những con số đó chắc đã tăng nhiều.

Những số tiền đó, người tiêu thụ phải trả, nhưng người tiêu thụ được cái lợi là giá hàng mỗi ngày một rẻ, nhờ sự sản xuất nhiều, sự cạnh tranh mạnh. Ở Mỹ từ 1919 đến năm 1923, số hộp sữa đặc bán tăng lên từ 1.300.000.000 tới 1.416.000.000 và hạ giá từ sáu tới hai; ở Pháp, số xe hơi du lịch bán được tăng từ 178.426 năm 1920, tới 1.817.646 năm 1938, như vậy *một phần* cũng là do quảng cáo.

Những quảng cáo về các thứ xà bông chà răng, thứ sữa cho em bé, các trái cây, các món ăn lành và bổ, các nơi nghỉ mát đã giúp ta cải thiện mức sống.

B. Thuật quảng cáo

Nhưng nhiều kẻ quảng cáo quá lỗ thành thử ra lừa gạt quần chúng nên chúng ta phải đề phòng.

Đọc những lời như: “Bảo đảm trị hết bệnh cùi”, “Cam đoan trị hết bệnh lao”, “Thông tiếng Pháp trong 100 ngày” hoặc gan hơn nữa, trắng trợn hơn nữa: “Bảo đảm thi đỗ, không đỗ thì hoàn lại học phí” chúng ta chỉ mỉm cười, cho là một bọn bịp mà ngu, ngu vì họ không biết quy tắc căn bản này của môn quảng cáo: *“Có thành thật thì quảng cáo mới có kết quả lâu bền”*. Hạng trí thức cũng ít ai khỏi bị lừa vì thuật quảng cáo ngày nay đã tuyệt xảo. Ở một chương trên tôi đã đưa một thí dụ: một số trường tư đăng trên báo số thí sinh đậu mà không cho biết trong số học sinh rớt, hoặc cho biết tỷ số đậu thì lại tính trong số học sinh đó những người chỉ học vài ba tháng, bốn năm giờ một tuần về riêng một môn nào đó thôi. Tôi còn nghe nói một giáo sư nọ viết sách giáo khoa, đăng quảng cáo rằng bài tập đã được bao nhiêu lần trúng tủ, mà kỳ thực, ông ta đã dùng một mảnh khốe nào đấy để cho đầu bài thi mới ra hôm trước là hai hôm sau ông đã bán ở tiệm rồi và có ngay đầu bài đó. Vì vậy tôi muốn đặt quy tắc này là phải đề phòng khi thấy bất kỳ một quảng cáo nào.

Văn phòng Cải tiến Doanh thương Mỹ đã đặt những lệ như: quảng cáo không được gây độc giả có mặc cảm tội lỗi nếu không mua một món hàng nào đó, không được gieo mầm bất hảo trong gia đình, không được đi ngược với công ích..., nhưng tôi không hiểu những lệ đó có được tuân theo hay không và nếu không tuân theo thì làm sao? Và những quảng cáo khêu gợi dục tình có thể coi là tôn trọng công ích không. Nhưng đó lại là vấn đề khác, tôi không bàn tới.

Tôi chỉ mong làm sao người ta theo đúng lời này của Emile de Girardin mà ông Alfred Sauvy đã dẫn trong cuốn *L'Opinion publique*: “Lời quảng cáo phải ngay thẳng, vắn tắt, giản dị. Hiểu danh từ quảng cáo theo nghĩa đó người ta chỉ được nói rằng ở phố đó, số nhà đó, bán thứ hàng đó với giá đó”. Như vậy là tôn trọng quần chúng.

Chẳng hạn quảng cáo một cái máy may thì người ta sẽ in hình của nó, ghi những đồ phụ tùng của nó, mặt bàn làm bằng gỗ gì, máy có những tiện lợi nào, bảo đảm dùng bao lâu, giá tiền bao nhiêu, trả làm mấy kỳ, cách dùng ra sao... Chứ đừng nói “kiểu tốt nhất” hoặc “giá rẻ nhất”, đừng khêu gợi cho người ta dù không muốn cũng phải mua.

2. Đề phòng sự tuyên truyền

A. Phân biệt thông tin và tuyên truyền

Đối với sự tuyên truyền, ta càng phải đề phòng hơn.

Một hội Tâm lý học ở Mỹ gần đây đã phỏng vấn 4000 người tại 196 thành phố rải rác ở khắp Huê Kỳ đã được kết quả này: dân chúng mất mỗi ngày một phần tám thì giờ lúc thức để đọc tin tức. Ta cho rằng họ ngủ trung bình mỗi ngày 8 giờ, thức 16 giờ, thì mỗi ngày họ bỏ ra $16/8=2$ giờ để theo dõi tin tức: nghe đài phát thanh 85 phút và đọc báo 35 phút. Nếu ta kể mỗi ngày họ làm việc 8 giờ, 2 giờ ăn uống, tắm rửa, một giờ đi từ nhà tới sở hoặc hăng và từ sở, hăng về nhà, còn lại 5 giờ rảnh, mà họ bỏ ra 2 giờ để theo dõi tin tức thì ta thấy ngành thông tin quan trọng tới bậc nào! Nó đứng ngang hàng với 3 ngành lập pháp, tư pháp và hành pháp. Không có nó thì Quốc hội, Tổng thống, Tòa án không làm việc được.

Nó cần thiết, nó là một nhu cầu của loài người. Biết vậy cho nên thời nào cũng có người dùng nó để tuyên truyền. Sự tuyên truyền tự nó không đáng chê. Nó là con dao sắc, biết dùng nó thì có lợi, không biết dùng thì hại, dùng nó vào mục đích cao cả thì quý mà dùng vào mục đích ti tiện thì đáng ghét.

Khi quân Tống đem quân sang định xâm chiếm nước ta, Lý Thường Kiệt đón đánh ở bờ sông Phú Lương. Quân Tống đánh rất hăng. Lý Thường Kiệt hết sức chống đỡ, nhưng sợ quân mình ngã lòng, bèn đặt chuyện, nói rằng mộng thấy thần cho 4 câu thơ:

Nam quốc sơn hà Nam đế cư

Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.

Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,

Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

Quân lính nghe mấy câu thơ đó mà hăng hái thêm, ngăn nổi quân Tống.

Thời sau, Nguyễn Trãi lấy mõ viết lên lá cây câu này:

Lê Lợi vi quân, Nguyễn Trãi vi thần.

Để kiến đục lá cây theo những chỗ có mõ mà thành chữ; lá rụng xuống, gió đánh bay đi, dân chúng lượm đọc và tin rằng Lê Lợi có mạng thiên tử và quân Minh tất phải thua nên ùa theo giúp sức.

Những truyện đó chứng tỏ rằng hồi xưa chúng ta đã biết thuật tuyên truyền và thuật đó đã giúp ta thắng quân địch.

Nhưng mới trong khoảng bốn chục năm nay, nhờ những phương tiện thông tin rất hoàn hảo, nhờ những tấn bộ của khoa tâm lý học, thuật đó đã tiến ghê gớm và Hitler, Mussolini đều dùng nó mà gây biết bao tai nạn cho nhân loại.

B. Con người rất dễ tin

Sở dĩ hai nhà độc tài đó thành công được một thời là nhờ lòng dễ tin, không biết ngờ vực, dễ phòng của loài người. Chính Mussolini đã nói: “Con người hiện đại dễ tin một cách lạ lùng”. Hitler cũng nói: “Sự nói dối vô liêm sỉ đến đâu cũng luôn để lại dấu vết... Đó là một chân lý mà tất cả những kẻ đã lên đến cái bậc thầy trong nghệ thuật nói dối đều biết rõ, mà họ vẫn tiếp tục cải thiện nghệ thuật đó.” Nhà văn Tiệp Khắc Frantisak Helas, được báo chí Nga coi là một vị anh hùng, lúc chết (năm 1952) thú nhận rằng: “Ngày ngày tôi đều thấy người ta tuyên bố những cái ngu xuẩn và dối trá tày đình mà không ai có thể phản kháng được.” Ông ta nói thêm: “và vẫn có nhiều kẻ tin nữa chứ!”. Francis Bacon ở đầu thế kỷ 17 đã hiểu tâm lý con người quá khi ông viết: “Cứ mạnh bạo vu oan cho người đi, thế nào rồi cũng còn lại cái gì”.

Người ta dễ tin đến nỗi “có thể cho một dân tộc sống trong một vũ trụ thần thoại, hoàn toàn giả tạo, một vũ trụ không có một chút liên quan với thế giới thực”. Bọn Hitler chẳng hạn khi thì sửa đổi tin tức, khi thì bịa đặt đặt ra tin tức mà có thể làm cho dân tộc Đức – một dân tộc thông minh, trình độ văn hóa cao – lúc nào cũng tin tưởng, ủng hộ họ cả trong những hồi đen tối nhất, thua liểng xiểng, như trong trận Stalingrad: mới đầu Hitler ca bản thắng trận, tuyên bố muốn vô Stalingrad lúc nào thì vô, rồi khi quân Đức bị bao vây, thì ông ta tuyên bố sẽ chống cự tới cùng vì mất Stalingrad thì Đức sẽ nguy; sau cùng khi quân đội Đức bị tiêu diệt thì ông ta hát lên bản hùng ca để tán thưởng, sùng bái ba trăm ngàn người đã hy sinh cho tổ quốc.

Chính vì loài người dễ tin, vì dư luận dễ bị ảnh hưởng của tuyên truyền mà ông J.M.Domenach trong cuốn *La propagande politique* viết câu chua xót này: “...dư luận về chính trị, nền tảng của các chính thể dân chủ, cũng nông cạn, dễ thay đổi như tình cảm nó thúc đẩy khách hàng bỏ nhãn thuốc đánh răng này mà dùng thứ thuốc khác thơm hơn hoặc trình bày đẹp hơn.” Nghĩa là cứ tuyên truyền cho khéo đi thì sẽ có nhiều người theo, cũng như cứ quảng cáo cho tài đi thì sẽ có nhiều người mua. Đáng sợ thật! Càng đáng sợ thì ta lại càng phải đề phòng.

C. Ba thủ đoạn tuyên truyền

Tuyên truyền dùng nhiều thủ đoạn: bêu xấu, đưa ra một khẩu hiệu, đập vào tiềm thức.

- Muốn bêu xấu kẻ địch trong hoàn cảnh nào cũng được, không cần phải có cái xấu để mà bêu. Người ta có thể ngụy luận, thấy một việc xảy ra, đưa ra một nguyên nhân vô lý hoặc chỉ hơi có lý rồi suy diễn ra để tới một kết luận có hại cho địch.

Chẳng hạn có nhiều tiệm may đóng cửa (mà cũng chẳng cần có nhiều, có một số cũng đủ), nguyên nhân có thể là do khách hàng không tăng mà tiệm may đã đông; có thể là máy may được nhiều người dùng, những quần áo bà ba người ta may lấy, không đưa tiệm nữa; cũng có thể rằng những tiệm mới mở thiếu kinh nghiệm lại làm ăn không cẩn thận nên ế khách, phải đóng cửa...; nhưng người ta cứ rao lên rằng tại dân chúng nghèo nên không thỏa mãn nổi những nhu cầu là ăn mặc; mà tiền lương ít vì chủ bóc lột nhân công...; thế là người ta có được một bài diễn văn nẩy lửa để đả đảo một chính sách.

- Gây được niềm tin trong quần chúng rồi, người ta đưa ra những khẩu hiệu: “cơm áo” hoặc “do dân vì dân” ... và người ta bảo rằng không hề tạo ra dư luận, chỉ giúp quần chúng bày tỏ dư luận của họ, một dư luận tiềm tàng ở trong lòng mọi người, chưa có dịp phát ra, hoặc đủ rõ để phát ra. Điều đó còn tùy. Khi một chính đảng đưa ra khẩu hiệu “chia đất” mà thực tâm tiến hành thì khẩu hiệu đó đúng với dư luận; nhưng khi Hitler đưa ra khẩu hiệu “kẻ thù là Do Thái” thì người sáng suốt không thể tin được rằng tất cả dân Đức từ xưa vẫn ngấm ngấm thù người Do Thái.

- Đập vào tình cảm chưa ghê bằng đập vào sinh lý, vào tiềm thức.

Trong cuốn *Le viol des foules par la propagande politique* (Gallimard), Serge Tchakhotine đã nghiên cứu thuật tuyên truyền của Hitler và vạch rõ thuật đó dựng trên thuyết phản ứng có điều kiện của Pavlov.

Pavlov đã thí nghiệm như vầy: Giai đoạn đầu buộc một con chó, đặt miếng đường trước mắt nó: nó nhả nước miếng ra như vậy nhiều lần. Qua giai đoạn sau, khi đưa ra miếng đường thì đồng thời bóp một cái kèn, như vậy nhiều lần: mỗi lần nó đều chảy nước miếng. Tới giai đoạn thứ ba, ta chỉ bóp kèn thôi mà không đưa cục đường ra nữa; con chó vẫn chảy nước miếng. Phản ứng đó ta gọi là phản ứng có điều kiện. Tiếng kèn kết hợp với sự xuất hiện của miếng đường. Thành thử, nghe tiếng kèn là con chó nghĩ ngay tới miếng đường, gần như trông thấy miếng đường nữa. Nhưng nếu nhiều lần chỉ bóp kèn mà không đưa miếng đường ra nữa thì dần dần, sự kích thích bớt hiệu nghiệm đi rồi mất hẳn, cho nên lâu lâu phải làm lại như cũ.

Môn quảng cáo cũng thường dùng thuật đó. Quảng cáo xà bông thơm người ta hay vẽ những

thiếu nữ rất đẹp đương tầm là để cho trông thấy hình thiếu nữ, tình con người dao động, như vậy nhiều lần, tới một lúc mà trông thấy cục xà bông nhãn đó, người ta thềm mua ngay. Nhà quảng cáo đã kết hợp hình thiếu nữ với nhãn xà bông và đánh vào tiềm thức sinh lý của ta.

Và đây, xin bạn xét thuật tuyên truyền của Hitler. Ông ta kết hợp hai cái này với nhau, sự vinh quang của đế quốc (Reich) Đức và hạnh phúc của dân tộc Đức với đảng Quốc Xã tức đảng của Hitler. Không cần chứng minh giảng giải gì cả, cứ lặp đi lặp lại hoài như vậy cho dân Đức hề nghe tới tên Quốc Xã là nghĩ ngay đến vinh quang của Đế quốc Đức và hạnh phúc của mình. Mà cờ của đảng là cờ chữ vạn; thành thử trông thấy chữ vạn là nghĩ ngay đến vinh quang và hạnh phúc. Ngày nào cũng biểu diễn, hoan hô; báo nào cũng đăng, buổi phát thanh nào cũng nhắc suốt ngày suốt đêm làm cho dân Đức chỉ kịp nghe mà không kịp nghĩ. Như vậy trong vài ba năm thì làm sao mà tiềm thức của con người không thay đổi? Bạn đã nhận thấy rồi chứ? Chữ vạn của Hitler là tiếng kèn trong thí nghiệm của Pavlov, còn vinh quang và hạnh phúc là miếng đường mà con chó của Pavlov chỉ được ở xa ngó, vì đã bị buộc chặt rồi. Nghĩ tới kỹ thuật vô cùng khoa học, tân tiến đó, mà kinh khủng!

D. Năm luật tuyên truyền

1) Luật thứ nhất: *Giản dị hóa và đập một kẻ thù độc nhất thôi*

Bất kỳ lời tuyên truyền nào cũng phải thật giản dị, thật ngắn, bỏ những chi tiết rườm rà, nhấn vào những điểm chính. Nếu có một lúc nhiều kẻ thù thì bỏ những kẻ thù nhỏ đi, chỉ đập kẻ thù lớn thôi. Chính vì áp dụng luật đó mà người ta đặt ra những khẩu hiệu chỉ có hai ba tiếng như “Cơm áo”, “Đất đai và hòa bình”^[30], “Đảng Y lên cầm quyền”, “Chiến thắng” (Sau tiếng chiến thắng được người Anh giản dị hóa còn chữ V tức tự mẫu đầu của tiếng Victory và tượng trưng bằng hai ngón tay trở và giữa hoặc hai cánh tay đưa lên trời).

Muốn đả đảo một đảng một nhóm, một phái nào người ta không cần đả hết cả, mà chỉ đả một hai nhân vật tiêu biểu thôi. Như vậy người ta được thêm cái lợi là đối sự đả đảo một chính sách thành ra sự đả đảo cá nhân, mà có thể xâm phạm đời tư của địch thủ, có thể vu oan đủ thứ cho địch thủ.

2) Luật thứ nhì: *Phóng đại và bịa đặt*

Có một thì người ta nói ra năm, hoặc mười. Có mười người ta chỉ nói một. Điều đó là thường rồi.

Có khi người ta chỉ cần cắt ít tiếng trong một đoạn cũng đủ đạt mục đích. Bismark đã dùng lối đó để cho lời tuyên bố của vua Phổ hóa ra ngạo mạn đối với dân Pháp, thành thử dân Pháp phải tuyên chiến.

Có khi người ta nói thêm vào. Ví dụ, tin thực là “Chính khách X đứng ra hòa giải mà đảng Y không chịu”, mà người ta viết: “Đảng Y từ chối sự hòa giải của chính khách X để phản đối chính sách ngu xuẩn của X”.

3) Luật hợp tấu

Điều kiện cần thiết của tuyên truyền là lặp đi lặp lại hoài những ý chính, nhưng như vậy thì người nghe sẽ chán tai, nên phải thay đổi hình thức.

Hitler trong cuốn *Mein Kampf* (Cuộc chiến đấu của tôi) đã viết:

“Phải lặp lại hàng trăm lần thì quần chúng mới nhớ được những ý đơn giản nhất. Trong việc giáo dục mà người ta định truyền bá, có thay đổi chỉ thay đổi hình thức chứ không bao giờ thay đổi nội dung. Cho nên khẩu hiệu phải được trình bày làm nhiều hình thức khác nhau, nhưng bao giờ đến đoạn kết cũng phải cô đúc lại thành một định thức bất di bất dịch.”

Từ thời nào tới giờ, dù ở phương Đông hay phương Tây người ta cũng hiểu cái luật đó, nhưng

chỉ thời nay người ta mới có nhiều phương tiện để thực hành: có báo chí, có truyền thanh, có hát bóng, có vô tuyến truyền hình.

Người ta hội họp nhau lại, định một chương trình cho một tháng hay một tuần; và trong tháng đó, tuần đó, mọi hoạt động đều nhằm một điểm nào đó, cùng một lúc ở khắp nơi, làm cho người dân nào cũng phải nghe thấy, trông thấy điểm đó dưới nhiều hình thức.

Trước khi tung ra một tin hay một chương trình, người ta thường dò trước dư luận; nếu dư luận không chấp nhận thì người ta rút ngay về rồi đổ lỗi cho đối phương hoặc cho con chiên ghê đã muốn phá nội bộ, như vậy người ta được thêm một cơ hội để chửi đối phương mà chuyển bại thành thắng.

Nhưng nếu tin đã lỡ quảng bá rồi mà đối phương đưa ra những chứng cứ xác đáng không cài vào đầu được thì người ta phải làm thinh và tấn công ngay đối phương ở mặt khác, tấn công thật dữ để che lấp nhược điểm của mình đi. Chính sách già mồm.

Trong khúc hợp tấu tuyên truyền đó, người ta khôn khéo, biết thay đổi giọng và lý lẽ cho hợp mọi giới, không thể dùng cùng một bài để nói với hạng trí thức và hạng thợ thuyền. Nói với nhà tu hành thì phải theo cái giọng ăn chay, mà nói với người ngoại quốc thì phải tôn trọng tục lệ của họ. Hitler và cả Nã Phá Luân đều có cái tài ấy.

4) Luật truyền thụ

Ngày nay khoa học đã hiểu rằng muốn sang máu thì phải lựa hai thứ máu hợp với nhau. Có bốn loại máu: A, O, B, AB. Người máu A phải kiếm máu A mà sang, không có thì dùng tạm máu O, vì máu này hợp với cả ba loại kia; nhưng nếu dùng máu B sang cho máu A thì nguy tới tính mạng.

Tuyên truyền tức là phải truyền thụ ý nghĩ của mình cho người khác, cũng phải theo luật đó. Không thể truyền bất kỳ tư tưởng nào cho bất kỳ người nào. Dư luận là một dòng sông, có thể hướng nó chảy về một chiều nào đó, chứ nếu ngăn nó lại, bắt nó chảy ngược thì đã khó khăn mà còn nguy hiểm. Cho nên người tuyên truyền không bao giờ cãi lại quần chúng. Luôn luôn họ nhận quần chúng có lý, rồi lần kéo quần chúng theo hướng của họ, thành thử quần chúng ít khi đề phòng.

Họ lại khéo nịnh quần chúng, gợi thị dục, thỏa mãn lòng tự ái của quần chúng, không hề trách quần chúng là mau quên, là không gắng sức, mà chỉ tươi tỉnh bảo: “Các bạn thử nhớ lại xem có phải thời đó như vậy không?” “Các bạn đã gắng sức nhiều, sự hi sinh đó đáng khen lắm, nhưng muốn đạt được mục đích của chúng ta, muốn cho vợ, con chúng ta được... thì phải...”. Họ vuốt ve chứ không dọa: “Nếu các bạn không nghe lời chúng tôi thì chúng tôi phải dùng những

phương pháp mạnh mẽ hơn”. Vì vậy mà khó cưỡng lại ảnh hưởng của họ được.

5) ***Luật truyền nhiễm***

Ở trên tôi đã nói một người ngồi một mình ở quán giải khát thì kêu người ta nước chanh mà ngồi chung với năm sáu người bạn thì lại lấy la ve chỉ vì bạn bè gọi la ve. Ai cũng vậy, có thể có hai ý kiến khác nhau, có khi trái ngược nhau nữa, mà vẫn thành thực. Ngồi một mình ta nghĩ một lối mà trà trộn trong đám đông thì ta nghĩ như mọi người, hình như ta sợ làm mất sự hòa hợp ở chung quanh ta.

Các nhà tuyên truyền tổ chức các cuộc hội họp, biểu tình, biết áp dụng luật truyền nhiễm đó để tăng cường, hoặc tạo nên sự nhất trí.

Trong cuộc cách mạng Nga, có lần đám đông đã sợ sệt, muốn giải tán, người ta tức tốc cho một đạo quân biểu diễn qua đó, và thấy bước chân mạnh bạo, vẻ mặt cương quyết của tướng sĩ, quần chúng vững dạ trở lại.

Năm 1932, Goebbel, cánh tay mặt của Hitler, thấy đảng Quốc Xã xuống dốc, mất hai triệu phiếu và 34 ghế ở Quốc hội, đem toàn lực tuyên truyền của đảng tại một quận để vận động và đảng thắng trong quận đó một cách rực rỡ. Thế là khắp nơi cho là đảng lại đứng lên và các giám đốc ngân hàng, các kỹ nghệ gia lại giúp tiền cho đảng.

Trong các cuộc biểu tình người ta dùng đủ cách để ảnh hưởng mạnh đến quần chúng:

- Cờ xí để tăng vẻ long trọng, mà cờ phần nhiều dùng màu rực rỡ.
- Biểu chương hiện lên ở cờ, tường, gài ở áo, ở cánh tay, gây một không khí gần như tôn giáo.
- Khẩu hiệu đập vào mắt mọi người.
- Nhất là đồng phục càng gây một cảm giác nhất trí, có khi hùng dũng.
- Nhạc gọi những cảm xúc mãnh liệt, kích thích, lôi cuốn mọi người.
- Rồi những tiếng reo, hoan hô, đả đảo... Lý trí tiêu tan hết, con người chỉ còn là một cục bột để nặn.

Ấy là chưa kể sức thôi miên của một số thủ lĩnh và những thuật tổ chức ngòi sao cho vị thủ lĩnh hiện ngay đúng lúc mà quần chúng mong mỏi nhất, tuyên bố những lời mà quần chúng thèm nghe nhất, hứa những điều mà quần chúng khát khao nhất, và rất nhiều thuật khác, kỳ ảo vô cùng. Đây, tôi xin đưa vài thí dụ.

Mặt trận dân binh của Pháp, hồi Roger Salengro tự tử, cho hàng người đi đưa đám, người nào người nấy bạn đồ tang, đi đứng rất có trật tự và như ngậm tẩm hết cả, tuyệt nhiên không nói một tiếng, vẻ mặt rầu rĩ. Kết quả ngoài sức tưởng tượng!

Ngày lễ 11 tháng 11 năm 1943, đảng kháng chiến Pháp dám cho nghĩa binh ở bụng biển biểu diễn giữa ban ngày ở Oyonnax trong miền chiếm đóng: họ biết rằng bọn chó săn của Đức có thể nhận mặt các chiến sĩ đó mà trả thù, nhưng họ sẵn sàng hy sinh như vậy để gây một tiếng vang dữ dội ở trong nước và ngoài nước.

Nhưng tuyên truyền tài nhất vẫn là Đức Quốc Xã. Một cuộc biểu tình của họ y như một cuốn sách được minh họa, các chương tiết sắp đặt rất sáng sủa và hợp lý, tiếp nối nhau đưa tới đoạn kết. Chẳng hạn có bốn “chương”:

Chương 1. – Hiện tình buồn thảm: từ vẻ mặt đến y phục, khẩu hiệu của người biểu tình đều buồn thảm, diễn đúng những nét của hoàn cảnh hiện tại.

Chương 2. – Chiến đấu với thảm cảnh đó: “chương” này hùng dũng, có những màu đỏ rực rỡ, những bản ca giật gân, những tia mắt nảy lửa...

Chương 3. – Mĩa mai kẻ địch. Hết khóc lóc, hò hét bây giờ đến cười; quần chúng được xả hơi, vô cùng thỏa mãn.

Chương 4. – Tức chương kết, gồm nhiều khẩu hiệu, biểu ngữ nêu mục đích của đảng: quần chúng tin tưởng ở tương lai, hoan hỉ trước khi giải tán.

Đúng là một nghệ thuật. Tiếc rằng nghệ thuật đó nhiều khi người ta chỉ dùng để gây hấn, gây chiến mà nhân loại phải đổ máu quá nhiều vì nó. Nhan đề chương này là: “Phải đề phòng”. Tôi muốn thêm: “Có khi nên nhắm mắt và bịt tai”.

CHƯƠNG X: MỘT ĐIỀU MÀ TÔI KHÔNG CÒN NGỜ GÌ NỮA

- 1. Môn tính xác suất
 - 2. Luật Poisson
 - 3. Luật những số lớn
 - 4. Vì không hiểu những luật trên
-

1. Môn tính xác suất

Một văn sĩ Pháp bảo dân Việt Nam có máu cò bạc. Ông ta đã thấy trong thời kinh tế khủng hoảng 1930 – 1935, sau mỗi mùa gặt, ở một tỉnh nọ ở miền Hậu Giang, lập nên nhiều sòng bạc lớn nhỏ, và đêm đến, dân chúng rủ nhau đi đánh bạc đông như đi coi hát, rồi vội kết luận như vậy. Tôi nghĩ không dân tộc nào có “máu cò bạc” cả. Người ta cò bạc vì ở không, buồn quá phải tìm cách giết thời giờ, hoặc vì làm ăn cạm cùi mà không có kết quả phải tìm ở cò bạc một niềm hy vọng dù là mong manh; cũng có một số người ham sự may rủi nhưng số người này, dân tộc nào cũng có, không riêng gì dân tộc mình. Tóm lại theo tôi chỉ có hai nguyên nhân chính: nhàn cư và ngu dại. Muốn trị tận gốc cái tật đó phải tổ chức ra sao cho mọi người có việc làm có lợi tức đủ sống, và giảng cho dân chúng hiểu những luật của sự may rủi để họ thấy rằng hễ chơi cò bạc thì sớm muộn gì cũng sạt nghiệp.

Đã gần một trăm rưỡi năm nay, ông Pierre Simon Laplace, một nhà bác học danh tiếng của Pháp, viết trong cuốn *Essai Philosophique sur les probabilités*, đại ý rằng: Không có một môn học nào đáng đem dạy cho thanh niên vì tính cách lợi ích của nó, bằng môn *Calcul des probabilités*. Ông Marcel Boll trong cuốn *Les certitudes du hasard* (Presses universitaires de France, 1951) cũng bảo nên dạy thêm ít điều cương yếu của môn học đó cho lớp thi tú tài phần II: nó cần thiết cho sự luyện trí suy xét, phán đoán.

Danh từ *Calcul des probabilités*, Đào Duy Anh dịch là *Cái nhiên toán pháp*, Hoàng Xuân Hãn dịch là *Tính xác suất*. *Cái nhiên* có nghĩa là: không nhất định, có thể như thế; còn *xác suất* gồm hai tiếng *xác* là đúng, và *suất* là phần, như trong suất họ, suất ruộng, năng suất, lợi suất. Nói một cách dễ hiểu và tầm tạt đúng thì *Calcul des probabilités* là môn học chỉ cho ta cách tính cái phần có thể xảy ra. Ví dụ trong một cuộc xổ số có 100 vé và chỉ có một lô trúng, ta mua một vé thì phần hi vọng trúng số của ta là $1/100$, tỷ số $1/100$ đó, người Pháp gọi là Probabilité; nếu ta mua ba số thì hy vọng trúng của ta là $3/100$. Ta gieo một đồng tiền, ta đánh sấp, bạn ta đánh ngửa, hy vọng trúng của ta là $1/2$, của bạn ta cũng vậy.

2. Luật Poisson

Trong môn tính xác suất, có hai luật mà ta nên hiểu là luật Poisson và luật những số lớn. Những luật đó thuộc về toán học hơi cao, hiện nay chỉ dạy ở bậc đại học, tôi phải giản dị hóa nó đi để độc giả dễ hiểu, mà một khi đã giản dị hóa thì không sao giữ trọn hình thái của nó nữa. Độc giả nào ngại môn toán, thì chỉ cần nhớ những kết luận tôi sẽ cho in nghiêng ở cuối mỗi đoạn.

Luật Poisson

Luật đó mang tên ông Poisson, một nhà toán học Pháp ở cuối thế kỷ 18 và đầu thế 19, người ta tìm ra nó.

Tôi lấy lại thí dụ trên: một cuộc xổ số có 100 vé và chỉ có một lô trúng. Nếu xổ số 100 lần, mà mỗi lần ta mua một số thì *trung bình* ta trúng được một lần. Tôi nói trung bình, chứ sự thực thì có thể 100 lần ta trúng được hai, ba lần; nhưng cũng có thể 100 lần ta chẳng trúng lần nào cả. Ông Poisson đã thí nghiệm rất nhiều lần và tìm được một định lý cho ta biết xác suất của những trường hợp có thể xảy ra đó là bao nhiêu. Kết quả thí nghiệm đó như vậy:

Ta trúng 0 lần : tỷ số 36,788%; xác suất là 0,36788

--- 1 --- : ----- 36,788%; ----- 0,36788

--- 2 --- : ----- 18,394%; ----- 0,18994

--- 3 --- : ----- 6,131%; ----- 0,06131

--- 4 --- : ----- 1,533%; ----- 0,01533

--- 5 --- : ----- 0,306%; ----- 0,00306

--- 6 --- : ----- 0,051%; ----- 0,00051

--- 7 --- : ----- 0,007%; ----- 0,00007

--- 8 --- : ----- 0,001%; ----- 0,00001

Nghĩa là có khoảng 37% chắc ta không trúng kỳ nào, có khoảng 37% chắc ta trúng được một kỳ thôi; có khoảng 18% chắc ta trúng được 2 kỳ; có khoảng 6% chắc ta trúng được ba kỳ.

Như vậy xác suất trúng được một lần thôi bằng xác suất không trúng lần nào cả trong cả 100 lần xổ số; xác suất trúng 2 lần thì 2 lần nhỏ hơn xác suất trúng 1 lần; xác suất trúng 3 lần thì 3 lần nhỏ hơn xác suất trúng 2 lần; xác suất trúng 4 lần thì 4 lần nhỏ hơn xác suất trúng 3 lần... xác suất trúng 8 lần chỉ còn khoảng 1/100.000; xác suất trúng 9 lần chỉ còn khoảng 1/1.000.000. Nói nôm na thì xổ số 100 lần (mỗi lần ta mua 1 số, mà mỗi kỳ chỉ có 1 số trúng) thì

cái hy vọng trúng 10 lần chỉ là một con số rất nhỏ: $1/10.000.000$.

Nếu 100 người mua số như ta, thì có 36 hay 37 người trúng được 1 lần; 18 người trúng được 2 lần, 6 người trúng được 3 lần, 1 hay 2 người trúng được 4 lần... còn trúng trên 4 lần thì ít khi xảy ra lắm.

3. Luật những số lớn

Luật này cũng rất rắc rối. Tôi chỉ kể một hình thức của nó thôi.

Thí dụ ta ngồi gieo sấp ngựa hoài, suốt năm này qua năm khác. Mỗi lần ta gieo hai lần; ta chơi hai ván, gieo bốn lần; nếu mỗi lần đó ta gieo được:

- 1- sấp sấp
- 2- sấp ngựa
- 3- ngựa sấp
- 4- ngựa ngựa

thì 1 bù với 4, 2 tự bù rồi, 3 cũng vậy. Như thế là hai ván đó được bù (compensation).

Nhưng có thể 4 lần ra:

- 1- sấp sấp
- 2- sấp ngựa
- 3- sấp sấp
- 4- ngựa sấp

thì 2 tự bù với 4 rồi, nhưng 1 với 3 đều là sấp sấp cả, không có một ngựa ngựa nào để bù. Như thế là hai ván đó không bù.

Các nhà bác học đã thí nghiệm và ghi kết quả trong bảng dưới đây:

Vậy càng chơi lâu bao nhiêu thì hy vọng bù (tức hòa) càng ít bấy nhiêu.

Số lần gieo trong mỗi ván	Cứ một triệu ván thì trung bình			
	bù		không bù	
hai	500.000	lần	500.000	lần
bốn	375.000	—	625.000	—
sáu	312.500	—	687.500	—
tám	273.437	—	726.563	—
mười	246.094	—	753.906	—
trăm	79.589	—	920.411	—
ngàn	25.225	—	974.775	—
mười ngàn	7.979	—	992.021	—
trăm ngàn	2.523	—	997.477	—
một triệu	798	—	999.202	—
mười triệu	252	—	999.748	—
trăm triệu	80	—	999.920	—
một tỉ	25	—	999.975	—
mười tỉ	8	—	999.992	—
trăm tỉ	3	—	999.997	—
ngàn tỉ	1	—	999.999	—
vạn tỉ	0	—	1.000.000	—

4. Vì không hiểu những luật trên

Vì không hiểu hai luật trên, nên nhiều người sạt nghiệp trong những cuộc đen đỏ. Người ta không nhớ rằng bánh xe xổ số, con thò lò, hoặc đồng tiền sắp ngửa *không có tri giác, ký tính*. Nó ra con số này, con số nọ hoặc mặt này mặt nọ là hoàn toàn ngẫu nhiên. “*Muốn sạt nghiệp thì chỉ cần một chút kiên tâm trong sự cò bạc, mà những con bạc lại không thiếu đức đó.*”

Dưới đây tôi xin kể ít lần lần nặng của họ.

- Số vé xổ số

Nhiều người không chịu mua những vé số có những con số đặc biệt, chẳng hạn như những số 272727, 535353..., nhất là những số 222222, 111111, ... Họ nghĩ rằng những vé đó không thể nào trúng số độc đắc được, mà thực vậy, từ trước đã có ai thấy một tấm có 6 con số giống nhau trúng số độc đắc nào đâu? Trái lại người ta chỉ thấy những số như 825717 hay 025642 (tôi thí dụ vậy). Nhưng xét kỹ luật xác xuất thì hy vọng trúng số trong hai trường hợp đó – trường hợp 6 con số giống nhau và trường hợp có những con số khác nhau – xác xuất của chúng đều là $1/1.000.000$. Vì trong một triệu tấm, chỉ có mỗi tấm là 222.222, cũng như chỉ có một tấm là 127.642, hoặc 070.649... Nếu mỗi năm xổ số 25 kỳ thì *trung bình* phải 40.000 năm vé 222.222 mới trúng được một lần; nhưng bất kỳ vé nào khác, như vé 127.642, 070.649 thì cũng vậy.

- Tới phiên sắp hay ngửa ra?

Hồi đầu thế chiến vừa rồi người ta mở một sòng tài xỉu ở trong vườn ông Thượng (nay là vườn Tao Đàn). Một ông bạn kỹ sư bảo tôi rằng ông có thuật đánh tài xỉu là cứ kiên nhẫn ghi chép kết quả mỗi lần đánh rồi đánh hoài một mặt, vì hễ tài càng ra nhiều thì hy vọng xỉu lại càng tăng như vậy cứ tiếp tục đánh xỉu mà mỗi lần tăng thế gấp đôi số tiền lên thì thế nào cũng trúng, gỡ được số thua trước mà còn lời được thêm nữa. Cũng may là ông chỉ lý thuyết vậy thôi, chứ nếu thực hành thì chắc đã ngồi khám rồi.

Ngàn người có đến 999 (nếu không phải là cả 1000) người tin rằng hễ luôn ra một mặt thôi 5 sắp thì lần thứ 6 có nhiều hy vọng ra ngửa hơn là sắp. Họ quên rằng đồng tiền không có ký tính. Nó không nhớ lần trước nó đã sắp hay ngửa, do lẽ rất giản dị là nó chẳng biết gì cả. Cho nên đừng nói là mới có 5 lần sắp, dù là 10, 15, 20 lần sắp thì lần thứ 11, 16, 21, hy vọng ra sắp cũng vẫn bằng ngửa, không hề kém chút nào.

Ở đời hết thấy chúng ta đều lầm lẫn như vậy. Chúng ta nghĩ bĩ cực thì thái lai, y như Don Quichotte vậy. Lancho Panca phàn nàn với Don Quichotte sao hai thầy trò cứ gặp những cảnh rủi hoải, Don Quichotte đáp là cái chuỗi đau khổ càng dài bao nhiêu thì càng sắp đến lúc sung

sướng bấy nhiêu vì thời vận có tính cách thay đổi.

Kể ra, tin như vậy thì cũng tốt, nhưng thiếu tinh thần khoa học, như vậy có khác gì tin rằng 9 lần ra sắp rồi thì lần thứ 10 chắc sẽ ra ngựa không?

Các triết gia Trung Hoa nói trăng khuyết rồi tròn, mà các triết gia phương Tây cũng thường nói nước ròng rồi lại lớn. Những nhận xét đó đúng vì đó là luật vật lý; còn sự may rủi ở đời thì không theo luật đó mà theo những luật xác suất.

- Tin có thần tài

Hễ ăn được một lần thì người ta tin có thần tài phù hộ, chứ không biết rằng đó chỉ là sự ngẫu nhiên. Nếu thua luôn bốn năm lần, người ta xin đổi chỗ, tin là có gì ám ảnh. Cả những nhà trí thức: y sĩ, luật sư, giáo sư cũng lý luận ngây thơ như vậy. Ông Marcel Boll kể trường hợp một thạc sĩ triết học diễn thuyết rồi cho in bài diễn văn trong đó có đoạn này:

“Khi người ta đã ngồi lâu ở một bàn cờ bạc, người ta yêu cầu bạn đổi bàn, và người ta yêu cầu bạn đổi bàn là vì cái bàn đã như có một thói quen. Người hồ lì luôn luôn liệng cục tròn theo một lối; mà cục tròn bao giờ cũng giữ tính cách của nó; tới một lúc người ta có thể đoán được gần đúng con số sẽ ra, nếu không luôn đoán được thì ít nhất cũng thỉnh thoảng đoán được.”

Đã “đoán được” mà “đoán được gần đúng”, rồi lại “thỉnh thoảng đoán được”. Toàn là nói mò hết. Không, sự ngẫu nhiên có khi kỳ cục – ta cho là kỳ cục, chứ bản thân nó không có gì kỳ cục – chẳng hạn ra luôn 17 lần sắp, nhưng nó không bao giờ có thói quen cả.

Chỉ có một luật này: *càng thua càng muốn gỡ thì lại càng chết.*

Ông Marcel Boll lấy thí dụ nếu có hai triệu người họp nhau từng cặp một và bắt đầu chơi sắp ngựa ngay từ sáng ngày mai, mỗi ngày chơi tám giờ, cứ ba giây gieo một lần (nghĩa là mỗi năm gieo được khoảng 3 triệu lần). Mỗi cặp lại ra cái lệ này là hễ hai bên huề nhau thì ngừng không chơi nữa. Thì sẽ xảy ra như sau:

Sau sáu giây, có 500.000 cặp huề rồi, có thể đứng dậy đi làm công việc khác.

Sau 12 giây, có thêm 378.000 cặp huề nữa.

Sau 18 giây, có thêm 312.500 cặp.

Sau 24 giây, có thêm 273.400 cặp.

Nhưng sau ba mươi năm, vẫn còn khoảng trăm cặp chơi hoài mà vẫn chưa huề; sau 3000 năm, vẫn còn 10 cặp, nếu họ giao lại việc chơi sắp ngựa đó cho con cháu họ, vì vẫn có kẻ chơi hoài mà thua hoài trong 3000 năm, mỗi năm đánh khoảng 3.000.000 ván.

Đó, ai hy vọng chơi thêm vài ba ván nữa để gỡ nên nhớ thí dụ đó. Tôi chỉ muốn kết rằng cờ

bạc chỉ lợi cho người cái và hể ai may mà ăn được thì nên ngừng ngay đi, ai rủi mà thua cũng nên ngừng ngay đi. Đó là một điều tôi không còn nghi ngờ gì nữa.

KẾT

Tôi biết giá trị của tình cảm. Bao nhiêu cuộc biến thiên, xáo trộn ghê gớm trong hai chục năm vừa rồi đã cho tôi thấy rằng danh vọng, quyền chức, của cải chẳng có giá trị gì cả; rằng chỉ kẻ nào gây được tình nhớ nhung mẩn tiếc trong lòng những người khác mới đáng cho chúng ta quý.

Tôi cũng hiểu rằng chỉ có tình cảm mới làm cho tâm hồn ta phong phú, biết yêu cái Thiện, cái Mỹ, cái Chân; chỉ có tình cảm mới là một sức mạnh thúc đẩy tất cả những hành vi cao cả của nhân loại, vì vậy mà một triết gia đã nói tình cảm như một ngọn lửa, sưởi ấm ta được, chứ lý trí chỉ như ánh trăng, tuy chiếu sáng nhưng lạnh lẽo. Cũng vì vậy mà dùng lý trí ta có thể chứng minh được một điều gì chứ ít khi thuyết phục được người khác. Cũng vì vậy mà mỗi khi có một cuộc chiến đấu giữa lý trí và tình cảm thì lý trí tỏ ra yếu ớt, rụt rè. Người ta kể chuyện có lần triết gia Herbert Spencer muốn di cư sang Nouvelle Zélande, làm một bảng đối chiếu những lợi và hại để xem nên xuất dương hay không, cho mỗi lý lẽ một số điểm cực lớn hay nhỏ tùy sự quan trọng của nó. Rút cục khi cộng lại, bên “xuất dương” được 301 điểm, bên “ở lại” được 110 điểm, vậy tất ông xuất dương chứ? Không, ông đã ở lại.

Như vậy thì sự huấn luyện tình cảm phải được ta chú trọng tới trước hết; nhưng nếu chỉ huấn luyện tình cảm mà không huấn luyện lý trí thì mối nguy cũng rất lớn: sự hiểu biết của ta không tăng lên được, ta tin những cái vô lý mà hành động mù quáng, ta không biết đâu là phải là trái, có lợi, có hại, dễ bị người khác làm mê hoặc rồi sai khiến mà hành động ngược lại quyền lợi của ta và đồng bào. Cho nên Pierre Félix Thomas bảo: “Sự huấn luyện tình cảm mà tôi nghiên cứu trong cuốn này – tức cuốn *Huấn luyện tình cảm* – cần sự huấn luyện trí tuệ bổ túc.” Ngay như Khổng Tử là một người rất trọng tình cảm, coi chữ *nhân* hơn cả, mà cũng không coi rẻ chữ *trí*. Trong sách *Trung Dung* có đoạn chép lời ông khuyên ta phải “*học cho rộng, nghĩ cho cẩn thận, phân biệt cho sáng rõ, rồi mới làm cho hết sức.*” (*Bác học chi, thẩm vấn chi, thận tư chi, minh biện chi, đốc hành chi*) mặc dầu ông nhận rằng tình cảm vẫn là nguyên động lực mạnh nhất “*Biết học không bằng thích mà học, thích mà học không bằng vui say mà học*” (*Tri chi giả bất như hiếu chi giả, hiếu tri giả bất như lạc chi giả* – Luận ngữ – Ung dã). Có lẽ chính vì ông thấy sức mạnh của tình cảm nên muốn dùng lý trí để dung hòa.

Ngày nay chương trình các trường học tuy chú trọng đến trí dục hơn đức dục, nhưng kết quả không được như ý muốn. Người ta chỉ luyện trí nhớ, thành thử “bất kỳ ở bậc nào, trường học tiếp tục tuôn ra đời, mỗi năm từng bầy, những kẻ ngu xuẩn, thiếu óc phê phán, vừa đa nghi vừa cả tin, dễ bị lạc đường, bị gạt gẫm.” (H.G.Wells)

Trí nhớ tuy là rất có ích, cần thiết trong nhiều trường hợp nhưng không quan trọng bằng óc lý luận phán đoán, suy xét. Một lần nhận thấy trong số câu hỏi do Edison thảo ra, có câu này: “Tốc độ của âm thanh là bao nhiêu?”, Einstein la lên: “Tôi không biết. Nhớ làm gì cho bạn óc những chi tiết mà tôi có thể tra kiểm được tức thì đó? Giáo dục không phải là thâu lượm hàng đống những sự kiện kỳ dị, mà là luyện cho óc có thể suy nghĩ được những điều không dạy trong sách”. Einstein mà không thêm nhớ tốc độ của thanh âm, còn các giáo sư của ta nhồi vào óc học sinh biết bao niên đại và con số. Trường học ngày nay không luyện cho ta lý luận và suy xét, phán đoán. Môn lý, hóa, vạn vật gần như những môn học thuộc lòng, rất ít khi học sinh được thí nghiệm xét lấy. Còn môn toán tuy dạy ta phép suy diễn, nhưng sự thực trong môn toán lại thường đơn giản, không rắc rối như sự thực ở ngoài đời, nên bỏ sách toán rồi hết thầy chúng ta đều không biết lý luận nữa; rốt cục chính môn toán cũng chẳng phải bổ túc sự luyện trí của chúng ta bằng cách tìm hiểu những nguyên do lầm lẫn và xét lại xem trong đời sống hằng ngày, những điều ta tin tưởng có cơ sở gì vững vàng, có hợp lý không.

Trong cuốn này tôi mới chỉ nêu lên ít quy tắc và gợi lên ít vấn đề để bạn tập luyện trí. Bạn còn phải tìm hiểu thêm trong hết thầy các sách bạn có thể kiểm được để tiếp tục hoàn công việc ấy. Còn sống thì ta phải luyện đức và trí. Đó là bốn phận đầu tiên của ta đối với bản thân và xã hội.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>